

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  
**KHOA XÂY DỰNG**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**









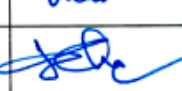

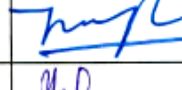
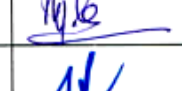





**NGHỆ AN - 2018**

## DANH SÁCH

### Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng

(Kèm theo Quyết định số: 185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017

của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng khoa Xây dựng	Phó Chủ tịch	
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí	
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên	
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc PT TT ĐBCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên	
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc TT TT-TV NTH	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó TBM, khoa Xây dựng	Thành viên	
15	Ông Lê Thanh Hải	Phó TBM, khoa Xây dựng	Thành viên	
16	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giảng viên, khoa Xây dựng	Thành viên	
17	Ông Lê Quang Nam	SV K55, khoa Xây dựng	Thành viên	

Danh sách này gồm có 17 người

## MỤC LỤC

	Trang
<b>PHẦN I. KHÁI QUÁT</b> .....	1
1.1. Đặt vấn đề .....	1
1.2. Tổng quan chung.....	4
1.3. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng .....	8
1.4. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng .....	12
<b>PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ</b> .....	14
Tiêu chuẩn 1: MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	14
Tiêu chuẩn 2: BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	23
Tiêu chuẩn 3: CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC .....	28
Tiêu chuẩn 4: PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC.....	34
Tiêu chuẩn 5: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC .....	45
Tiêu chuẩn 6: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN .....	60
Tiêu chuẩn 7: ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN .....	82
Tiêu chuẩn 8: NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC.....	90
Tiêu chuẩn 9: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ .....	104
Tiêu chuẩn 10: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG .....	116
Tiêu chuẩn 11: KẾT QUẢ ĐẦU RA.....	127
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN</b> .....	137
<b>PHẦN IV. PHỤ LỤC</b> .....	142
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng CTĐT .....	142
Phụ lục 2. Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá .....	162

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>Chữ viết tắt</b>	<b>Đọc thành</b>
BGH	Ban Giám hiệu
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế ý tưởng, thực hiện và vận hành (Conceive - Design - Implement - Operate)
CNTT	Công nghệ thông tin
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐU	Đảng ủy
DV, HTSV & QHDN	Dịch vụ, Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp
GD-ĐT	Giáo dục và đào tạo
GS	Giáo sư
GV	Giảng viên
HĐKH&ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường
HĐT	Hội đồng trường
KTXD	Kỹ thuật xây dựng
CDR	Chuẩn đầu ra
CNH	Công nghiệp hóa
HĐH	Hiện đại hóa
XD	Xây dựng
ĐH	Đại học
GDĐH	Giáo dục đại học
KQHT	Kết quả học tập
ĐT	Đào tạo
KH&ĐT	Khoa học và đào tạo
KH&CN	Khoa học và công nghệ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CGCN	Chuyển giao công nghệ
LĐSX	Lao động sản xuất
CSVC	Cơ sở vật chất
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
THTN	Thực hành thí nghiệm

CTDH	Chương trình dạy học
GVCC	Giảng viên cao cấp
TS	Tiến sĩ
Ths	Thạc sĩ
GTVT	Giao thông vận tải
CLB	Câu lạc bộ
CB	Cán bộ
CVHT	Cổ vấn học tập
HS	Học sinh
HTQT	Hợp tác quốc tế
HV	Học viên
KHCN	Khoa học công nghệ
KHGD	Khoa học giáo dục
KTV	Kỹ thuật viên
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
P. CTCT-HSSV	Phòng Công tác chính trị - học sinh sinh viên
P. KH&HTQT	Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế
P. KHTC	Phòng Kế hoạch Tài chính
P. TCCB	Phòng Tổ chức cán bộ
PGS	Phó giáo sư
PTN	Phòng thí nghiệm
SV	Sinh viên
TDDT	Thể dục, thể thao
THPT	Trung học phổ thông

## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1.1. Đặt vấn đề

Đây là báo cáo tự đánh giá lần đầu của ngành Kỹ thuật xây dựng. Khoa Xây dựng mong muốn trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh về ngành Kỹ thuật xây dựng được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một ngành đào tạo.

Để phục vụ cho công tác kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Trường đã chọn đội ngũ cán bộ cũng như các điều kiện cần thiết cho hoạt động tự đánh giá. Nhà trường đã tổ chức nhiều hội nghị cấp trường về công tác đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và kiểm định chất lượng trong giáo dục đại học, cử cán bộ tham dự các lớp tập huấn về công tác này.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng gồm 17 thành viên và Ban thư kí giúp việc Hội đồng gồm 25 thành viên. Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí gồm các cán bộ chủ chốt từ khoa Xây dựng, phòng, trung tâm chức năng và các tổ chức, đoàn thể của Nhà trường. Đây là những cán bộ có kinh nghiệm quản lí, am hiểu về giáo dục đại học và công tác ĐBCL nói chung, kiểm định chất lượng nói riêng.

Chất lượng chương trình đào tạo đóng một vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng, của Trường Đại học Vinh nói chung. Trước xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực có chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngày càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh thường xuyên quan tâm đến chất lượng chương trình đào tạo đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì nâng cao chất lượng chương trình đào tạo. Vì vậy, Nhà trường đã đăng ký tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo, theo các công văn hướng dẫn 1074 và 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục.

Việc tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Vinh đã giúp Nhà trường và khoa Xây dựng tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo góp phần xây dựng triển khai các kế hoạch hành động

nhằm cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng tốt hơn, là điều kiện cần thiết để trường Đại học Vinh đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ xã hội khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã xác định.

Để triển khai việc đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của trường Đại học Vinh căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình của Bộ giáo dục và Đào tạo (theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục, từ đó lập kế hoạch hành động. Để làm tốt công tác đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên qua: Khoa Xây dựng, các phòng ban chức năng trong Nhà trường, giảng viên, cựu người học và người học, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, cung cấp thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo được cấu trúc gồm 04 phần:

- Phần I. Khái quát.
- Phần II. Tự đánh giá theo 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí.
- Phần III. Kết luận.
- Phần IV. Phụ lục.

***Mục đích tự đánh giá chương trình đào tạo***

- Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng, khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh.

- Nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của chương trình đào tạo ở thời điểm tự đánh giá.

- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng.

- Thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội.

### ***Phạm vi tự đánh giá***

Khoa Xây dựng tiến hành hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo với 01 ngành của khoa là ngành Kỹ thuật xây dựng.

### ***Công cụ đánh giá***

Hoạt động tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng được thực hiện theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học gồm 11 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí (theo thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/03/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo).

### ***Hội đồng tự đánh giá***

Hội đồng được thành lập theo Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh và kiện toàn kèm theo danh sách Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng gồm 17 thành viên.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 25 thành viên và 6 nhóm công tác gồm 27 thành viên.

### ***Phương pháp tự đánh giá***

Quá trình tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng - Trường Đại học Vinh được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (ban hành ngày 14/03/2016).

Đối với mỗi tiêu chí, tiến hành tự đánh giá theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của chương trình đào tạo;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những giải pháp khắc phục;
- Lên kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng của chương trình đào tạo.

### ***Quy trình tự đánh giá***

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

*Bước 1:* Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

*Bước 2:* Lập kế hoạch tự đánh giá;

*Bước 3:* Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng



*Bước 4:* Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

*Bước 5:* Viết báo cáo tự đánh giá;

*Bước 6:* Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá;

*Bước 7:* Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

### ***Phương pháp mã hóa minh chứng***

#### **Hx.ab.cd.ef**

H: viết tắt của “hộp minh chứng”

x: số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01)

ef: số thứ tự minh chứng theo từng tiêu chí.

### **1.2. Tổng quan chung**

Trường Đại học Vinh được thành lập từ năm 1959. Trải qua 58 năm xây dựng và phát triển, từ một trường đại học sư phạm đến nay Trường đã trở thành một trường đại học đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Nhà trường vinh dự là trường đại học đầu tiên của Trung ương đóng trên quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mảnh đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, yêu nước và cách mạng.

Ra đời trong những năm tháng ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Trường Đại học Vinh đã trải qua những chặng đường phát triển vô cùng gian khổ nhưng cũng rất đổi vinh quang. Trong cuộc chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ gây ra đối với Miền Bắc, Nhà trường đã trải qua 8 năm sơ tán, gian nan tột bậc, chịu tổn thất nặng nề nhất trong hệ thống các trường đại học. Đến năm 1973, Nhà trường mới quay trở lại thành phố Vinh và phải xây dựng lại hoàn toàn. Trong những năm tháng khó khăn chung của đất nước trước đổi mới, Nhà trường đã ra sức khắc phục mọi khó khăn, thử thách, bằng ý chí tự lực tự cường, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng thi đua dạy tốt, học tốt. Từ những năm 1990, tiếp thu tinh thần đổi mới của Đảng, đường lối, chính sách của Nhà nước, Nhà trường đã từng bước ổn định và mở rộng phát triển theo hướng đa ngành. Năm 2001, ghi nhận những nỗ lực và cố gắng của tập thể Nhà trường trong việc chuyển từ một trường đại học sư phạm đào tạo đơn ngành trở thành một trường đại học đa ngành, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh. Tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã

quyết định bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm Quốc gia.

*Sứ mạng của Trường: “Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học”.*

*Tầm nhìn của Trường: “Trường Đại học Vinh trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.*

*Mục tiêu tổng quát: “Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công”.*

*Giá trị cốt lõi: Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác*

*Chính sách chất lượng của Trường: không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.*

Hiện nay, Trường Đại học Vinh có 4 viện, 11 khoa đào tạo với 54 ngành đào tạo đại học; 37 chuyên ngành đào tạo thạc sĩ và 16 chuyên ngành đào tạo tiến sĩ với trên 40.000 sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường THPT Chuyên trực thuộc Trường Đại học Vinh là 1 trong 20 trường trung học phổ thông có uy tín nhất trong cả nước. Trường Thực hành Sư phạm Đại học Vinh với các cấp học mầm non, tiểu học và trung học cơ sở tuy mới thành lập từ năm 2009 nhưng đã khẳng định được chất lượng, hiệu quả và là một trong những cơ sở giáo dục có uy tín nhất trên địa bàn thành phố Vinh.

Từ khi thành lập đến nay, Nhà trường đã đào tạo và cung cấp cho khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm chiếm trên 80%. Sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Vinh được đào tạo toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng làm việc, kỹ năng sống... nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực chuyên môn, được các nhà tuyển dụng đánh giá cao. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế.

Với phương châm: "*Nuôi dưỡng say mê - Khuyến khích sáng tạo - Tôn trọng khác biệt - Thúc đẩy hợp tác*", trải qua 58 năm xây dựng và phát triển, từ 17 cán bộ giảng dạy và một số cán bộ hành chính đầu tiên, đến nay Trường có 1.021 cán bộ, viên chức (*trong đó có 703 cán bộ giảng dạy*), 56 giảng viên cao cấp, 62 giáo sư, phó giáo sư, 235 tiến sĩ, 523 thạc sĩ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hiện nay của Nhà trường đáp ứng và vượt mức bình quân chung của cả nước.

Về cơ sở vật chất, với sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự giúp đỡ của tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, Trường Đại học Vinh hiện nay có hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu của trường đại học trọng điểm quốc gia.

Trường Đại học Vinh bước vào giai đoạn 2016 - 2020 trong điều kiện có nhiều thuận lợi. Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách để phát triển giáo dục và đào tạo. Toàn ngành đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết số 29 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Với bề dày truyền thống 58 năm, Nhà trường luôn lấy chất lượng đào tạo giáo viên, chất lượng của một trường sư phạm mẫu mực làm động lực cho sự phát triển. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XXXI đã xác định phương hướng phát triển của Nhà trường trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 là: "*Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chủ động hội nhập quốc tế; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, đồng bộ về cơ cấu; xây dựng Trường Đại học Vinh thành trường đại học trọng điểm, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*".

Các nhiệm vụ và giải pháp đã và đang thực hiện là: Đổi mới căn bản công tác tổ chức và quản lý Nhà trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động. Tái cấu trúc Nhà trường, thành lập các viện, khoa trực thuộc Trường Đại học Vinh tiến tới thí điểm thành lập trường đại học trực thuộc Trường Đại học Vinh. Tuyển sinh và đào tạo theo nhóm ngành, khối ngành phù hợp Thông tư số 32 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đảm bảo tính khoa học, hiện đại, hội nhập quốc tế. Phối hợp để các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng tham gia vào quá trình đào tạo. Nâng cao chất lượng công tác thực hành, thí nghiệm, thực tập nghề nghiệp cho sinh viên, học viên.

Khoa Xây dựng, tiền thân là Khoa Công nghệ - Trường Đại học Vinh được thành lập theo quyết định số 1715/BGD&ĐT-TCCB ngày 17 tháng 04 năm 2002. Trải qua chặng đường hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa Xây dựng đã đạt nhiều thành tựu trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất, không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong mọi mặt hoạt động. Sứ mạng của Khoa Xây dựng là cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực xây dựng dân dụng công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi và kinh tế xây dựng; phát triển năng lực học tập, nghiên cứu của sinh viên; rèn luyện kỹ năng làm việc và lối sống trong môi trường hiện đại; chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện nay, Khoa Xây dựng có 03 bộ môn (02 bộ môn chuyên môn và 01 bộ môn cơ sở) và văn phòng Khoa. Tổng số CB- GV-CNV gồm 45 người trong đó: 05 Tiến sĩ, 35 Thạc sĩ. Khoa đang phụ trách đào tạo 04 ngành đại học đó là: Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Kỹ thuật xây dựng công trình thủy, kinh tế xây dựng; Đào tạo 01 ngành thạc sĩ chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng. Hàng năm Khoa Xây dựng quản lý bình quân khoảng 1000-1500 sinh viên đại học; 30-50 Học viên cao học.

Khoa Xây dựng xác định chương trình đào tạo là một trong ba yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo của Khoa. Chính vì vậy, việc đổi mới, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo là việc làm thường xuyên có kế hoạch và theo từng giai đoạn. Khoa đã mời các giảng viên giỏi, nhà khoa học có bề dày kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài Khoa tham gia xây dựng chương trình đào tạo một cách bài bản. Chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng được hình thành theo các quy định hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành, có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học uy tín trong nước, của một số nước trong khu vực và trên thế giới.

Thực hiện kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng; thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục về việc khắc phục những tồn tại và tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục; căn cứ Báo cáo đánh giá ngoài cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài theo công văn số 22/KH-ĐHV ngày 08/06/2018 với mục đích không ngừng nâng cao chất lượng các lĩnh vực

hoạt động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của người học và các bên liên quan. Xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong Nhà trường, đáp ứng yêu cầu công tác Kiểm định chất lượng trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Qua quá trình nghiên cứu văn bản hướng dẫn, thu thập và xử lý minh chứng, viết bản thảo, nghe ý kiến tư vấn của các chuyên gia, thảo luận và chỉnh sửa, Khoa Xây dựng đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo của ngành. Báo cáo tự đánh giá ngành Kỹ thuật xây dựng đã mô tả rõ ràng và đầy đủ các hoạt động của chương trình đào tạo, trong đó đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, khó khăn cùng với kế hoạch khắc phục đề xuất.

### **1.3. Tóm tắt những điểm mạnh của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng**

#### *1.3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Mục tiêu của ngành Kỹ thuật xây dựng của Khoa Xây dựng được xác định một cách rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, được xác định bằng văn bản và nêu rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại. Mục tiêu của chương trình đào tạo là đào tạo các kỹ sư có phẩm chất chính trị vững vàng, có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, có nền tảng khoa học cơ bản, cơ sở và kiến thức chuyên môn vững vàng, có những kỹ năng thực hành cơ bản và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được các yêu cầu phát triển của ngành xây dựng.

Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là Chuẩn đầu ra (CĐR). CĐR của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đó là đào tạo các kỹ sư có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức và sức khỏe tốt, có tri thức và năng lực hoạt động nghề nghiệp với trình độ chuyên môn tiên tiến trong những chuyên ngành lựa chọn, phù hợp với yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Sau khi tốt nghiệp, tùy thuộc vào chuyên ngành được đào tạo, các kỹ sư có thể đảm nhiệm các công việc khảo sát, thiết kế, thi công, quản lý khai thác và đầu tư xây dựng các công trình xây dựng (nhà dân dụng, nhà công nghiệp, hạ tầng...). Các kỹ sư cũng có khả năng nghiên cứu và học tập nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo và đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

CĐR của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng phản ánh được yêu cầu của giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

### *1.3.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát và điều chỉnh để phù hợp với chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, giảng viên, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của các học phần vào CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

### *1.3.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR với phương pháp giảng dạy và đánh giá người học góp phần hỗ trợ cho việc đạt được CĐR. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của ngành Kỹ thuật xây dựng là rõ ràng và được thể hiện trong ma trận tích hợp CĐR của các học phần. Mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người học. CTDH ngành Kỹ thuật xây dựng có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm được thiết kế cân đối, hợp lý, logic và chặt chẽ trong từng học phần.

### *1.3.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Mục đích của giáo dục đại học là nhằm phát triển khả năng tri thức ngày càng cao của người học. Các tiêu chí chất lượng mô tả một cách chi tiết làm thế nào để xem xét quá trình học tập và các yêu cầu đối với chiến lược giảng dạy và học tập tốt. Mục tiêu giáo dục của ngành Kỹ thuật xây dựng là rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Phương pháp giảng dạy đảm bảo tích hợp được việc giảng dạy các kỹ năng cá nhân, kỹ năng cộng đồng, hình thành thái độ vào việc dạy các kiến thức khoa học kỹ thuật. Việc xác định các tài nguyên, công cụ cần thiết cho các phương pháp giảng dạy cũng được quan tâm nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

### *1.3.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Đánh giá kết quả học tập (KQHT) của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Vì vậy, cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp

trong tất cả mọi thời điểm và được tập trung vào đánh giá kiến thức thông qua quá trình kiểm tra và thi cử và được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng.

Các quy định về đánh giá KQHT của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua website, sổ tay người học, ... và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

Phương pháp đánh giá KQHT của người học ngành Kỹ thuật xây dựng đa dạng, đảm bảo được độ giá trị, độ tin cậy và công bằng và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập thông qua qui định về thời gian chấm thi, thông báo kết quả cho người học.

#### *1.3.6. Chất lượng đội ngũ giảng viên*

Trường Đại học Vinh đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và được bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ giảng viên ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ, tin học tốt, thường xuyên được Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên ngành Kỹ thuật xây dựng về cơ bản đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, thể hiện ở tỷ lệ người học / GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lượng công việc mà mỗi một GV đảm nhận hàng năm.

#### *1.3.7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ*

Chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại trung tâm thông tin thư viện, trung tâm thực hành thí nghiệm, cán bộ văn phòng Khoa Xây dựng và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ này thường xuyên được Nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

#### *1.3.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Chính sách tuyển sinh đào tạo đại học ngành Kỹ thuật xây dựng nhằm đáp ứng

nhu cầu thực tế của ngành xây dựng. Các thông tin về kế hoạch tuyển sinh của ngành Kỹ thuật xây dựng được công bố công khai và được cập nhật. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

Hội nghị nghiên cứu khoa học sinh viên của Khoa Xây dựng được tổ chức hàng năm giúp sinh viên làm quen với hoạt động NCKH. Không ít các đề tài NCKH SV đạt giải cấp Khoa, cấp Trường đã tham gia và đạt giải cấp quốc gia. Bên cạnh đó, công tác cố vấn học tập, thực tập giúp sinh viên học tập tốt hơn, học hỏi kinh nghiệm và rèn luyện kỹ năng thực tế.

Các câu lạc bộ sinh viên và hoạt động ngoại khóa của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng được duy trì theo kế hoạch của Khoa Xây dựng và Nhà trường giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của sinh viên. Kỹ sư tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế.

#### *1.3.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Phòng làm việc của Khoa Xây dựng, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho giảng viên làm việc, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn sinh viên thực hành và cập nhật thông tin đào tạo cho sinh viên. Cán bộ, giảng viên, sinh viên của Khoa được học tập và làm việc trong môi trường an toàn, xanh - sạch - đẹp của Trường Đại học Vinh.

#### *1.3.10. Nâng cao chất lượng*

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống. Thông qua các hội nghị khoa học mở rộng có sự tham gia của các nhà khoa học, giảng viên, đại diện của các trường đại học, các công ty xây dựng và các cựu sinh viên, Khoa Xây dựng nhận những ý kiến đóng góp xây dựng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học ngành Kỹ thuật xây dựng. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR của ngành Kỹ thuật xây dựng. Các kết quả nghiên cứu khoa học mang tính ứng dụng được áp dụng cho việc cải tiến hoạt động dạy và học.

#### *1.3.11. Kết quả đầu ra*

Căn cứ quy chế đào tạo của Nhà trường, tỉ lệ tốt nghiệp và thôi học của sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng được thống kê trong báo cáo công tác đào tạo năm học của Khoa Xây dựng giúp cho công tác giám sát hoạt động đào tạo và cải tiến chất lượng đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng. Ngành Kỹ thuật xây dựng có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp



ra trường đúng thời gian thiết kế đào tạo rất cao và đa phần sinh viên đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng chuyên ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của người học, cựu sinh viên, giảng viên được thống kê hàng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng.

#### **1.4. Tóm tắt những điểm tồn tại của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng**

##### *1.4.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra của ngành Kỹ thuật xây dựng mới chỉ được rà soát, điều chỉnh một lần tính từ năm 2008 đến năm 2016 nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nhà tuyển dụng trong từng thời kỳ.

##### *1.4.2. Bản mô tả chương trình đào tạo*

Bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng mặc dù đã được công bố công khai nhưng vẫn còn ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho rằng việc tiếp cận bản mô tả chưa thực sự dễ dàng. Đề cương chi tiết các học phần của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng còn thiếu tính cập nhật ở phần học liệu.

##### *1.4.3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học*

Chương trình dạy học là một khái niệm mới nên chất lượng của các ý kiến khảo sát của các bên liên quan về cấu trúc, chất lượng CTDH chưa thực sự cao.

##### *1.4.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học*

Hoạt động lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục ngành Kỹ thuật xây dựng chưa được tiến hành thường xuyên. Công tác đổi mới và cải tiến phương pháp dạy và học cấp Bộ môn, Khoa thông qua các hội nghị, hội thảo còn hạn chế. Sinh viên năm thứ nhất chưa thực sự thích nghi với phương pháp dạy và học theo lối tự học và tự nghiên cứu.

##### *1.4.5. Đánh giá kết quả học tập của người học*

Nhà trường chưa tổ chức đánh giá mức độ khó, dễ của đề thi thông qua thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi; Thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề cho các học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục; sinh viên chưa thực sự thuận lợi trong việc tra cứu điểm do hạn chế về hạ tầng mạng cũng như tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập.

##### *1.4.6. Chất lượng đội ngũ giảng viên*

Số lượng đội ngũ giảng viên có học hàm học vị cao chưa đạt được mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đặt ra. Hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên chủ yếu là

viết báo, thực hiện đề tài khoa học cấp trường, hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên. Số lượng đề tài khoa học cấp Bộ và cấp Nhà nước chưa có nên chưa phản ánh được quy mô, thực lực của đội ngũ giảng viên của Khoa.

#### *1.4.7. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ*

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ gặp khó khăn trong phấn đấu để đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn quy định trong công tác thi đua khen thưởng.

#### *1.4.8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học*

Phần mềm chuyên dụng chưa đáp ứng kịp thời các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo; Thiết bị phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ cho tất cả các phòng học của Nhà trường.

#### *1.4.9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị*

Việc bố trí hệ thống máy chiếu ở một số giảng đường chưa thực sự hợp lý. Một số phòng thí nghiệm chưa có nội quy, hướng dẫn sử dụng phù hợp và chưa trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy; Hiện tượng vi phạm nội quy ký túc xá vẫn còn tồn tại; Nhà trường chưa có chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

#### *1.4.10. Nâng cao chất lượng*

Số lượng ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng, cựu người học phục vụ cho công tác đánh giá và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng còn ít; Hệ thống tra cứu tại các phòng đọc chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu truy cập của bạn đọc.

#### *1.4.11. Kết quả đầu ra*

Hoạt động giám sát tình hình sinh viên bỏ học chưa được thực hiện thường xuyên. Sinh viên còn gặp khó khăn trong trả nợ các học phần dẫn đến bị kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học.

Bản “Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành KTXD” được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu (BGH), Hội đồng trường, Khoa Xây dựng, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký, có sự đóng góp ý kiến của các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường. “Báo cáo tự đánh giá” đã được công bố công khai trong nội bộ Nhà trường, đồng thời gửi đăng ký kiểm định chất lượng ngành đào tạo đến Bộ GD-ĐT và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội trong tháng 10 năm 2018.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1:

#### MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

##### *Mở đầu*

Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng tại Trường ĐH Vinh có mục đích và mục tiêu phù hợp với nhiệm vụ đào tạo đã được công bố trong sứ mạng của Nhà trường, có chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các môn học được đào tạo thuộc ngành Kỹ thuật xây dựng. Chuẩn đầu ra, Khung chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các môn học được cung cấp đầy đủ đến người học thông qua các kênh thông tin như Website, kênh thông tin điện tử, qua thư viện, sổ tay sinh viên và qua việc giảng dạy các học phần của giảng viên.

Với sứ mạng của Nhà trường là “*cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước*”. Có thể khẳng định rằng sứ mạng này rõ ràng, phù hợp với chức năng và các nguồn nhân lực của Khoa, của Nhà trường nhằm đáp ứng nguồn nhân lực của các tỉnh, thành khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Sứ mạng của trường được cụ thể hóa thành các mục tiêu và được thường xuyên định kỳ điều chỉnh và rà soát.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học.***

##### **1. Mô tả:**

Khoa Xây dựng Trường Đại học Vinh được nhà trường giao nhiệm vụ đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng. Sứ mạng của nhà trường được công bố sau khi đã diễn ra các cuộc họp bàn, chỉnh sửa và sứ mạng này được nêu rõ trong các văn bản chính thức của trường [H01.01.01.01], cũng như trên website [H01.01.01.02]. Nội dung của tuyên bố sứ mạng này rất rõ ràng và phù hợp với chức năng cũng như nguồn lực của trường là phấn đấu trở thành một trường đại học có uy tín, là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Bắc Trung Bộ và trên cả nước đã được xác định rõ trong mục tiêu đào tạo [H01.01.01.03].

Ngành Kỹ thuật xây dựng là ngành đào tạo có mục tiêu chung đã được xác định tuân theo mục tiêu giáo dục đại học trong điều 39, luật giáo dục, với mục tiêu “*Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật xây dựng có khả năng: (1) áp dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; (2) hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai xây dựng và vận hành các công trình dân dụng và công nghiệp trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*”. Thời điểm nhà trường/khoa rà soát điều chỉnh mục tiêu của CTĐT là năm 2013 đối với khóa 54 và năm 2015 đối với khóa 56 hệ chính quy [H1.01.01.07]. Cụ thể, bỏ học phần “tin học nhóm ngành 3” đối với các ngành thuộc khoa Xây dựng. Giữ nguyên học phần “hóa học đại cương A1”, tuy nhiên giảm từ 4 tín chỉ xuống 2 tín chỉ. Một số các học phần chuyên ngành tăng thêm 1 tín chỉ.... Tổng số tín chỉ của khung chương trình đào tạo ngành xây dựng là 160 chỉ. Tổng số học phần thuộc khung chương trình: 54 học phần (không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Mục tiêu chương trình đào tạo đã được chuyển thành các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực chung của người tốt nghiệp được phân nhiệm cho từng học phần thông qua ma trận môn học và ma trận năng lực [H01.01.01.04]. Cụ thể, mục tiêu đào tạo sinh viên có năng lực thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công các công trình dân dụng và công nghiệp (như: nhà dân dụng, nhà công nghiệp...), kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, và vận hành trong bối cảnh xã hội.

Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường Đại học Vinh là một trong những yếu tố quan trọng nhằm đóng một vai trò to lớn trong việc đạt được các mục tiêu đào tạo của Nhà trường đã đề ra [H01.01.01.05]. Điều này đã được Đảng Ủy, Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm Khoa xác định rõ và đã được cụ thể hóa bằng các văn bản và báo cáo kết quả thực hiện cũng như thông qua việc ban hành Chương trình đào tạo Kỹ thuật xây dựng theo hình thức tín chỉ, chương trình giáo dục Đại học định hướng nghề nghiệp POHE (Profession-Oriented Higher Education) thuộc dự án giáo dục đại học Việt Nam - Hà Lan, hiện tại là chương trình đào tạo theo định hướng CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate) [H01.01.01.06]. Để chương trình đào tạo đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra Nhà trường đã định kỳ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo hướng chuyên ngành đáp ứng theo nhu cầu thế giới việc làm [H01.01.01.07]. Thông qua việc lấy ý kiến điều tra từ các doanh nghiệp sử dụng lao

động do Nhà trường đào tạo, khảo sát về việc làm đối với sinh viên tốt nghiệp các năm 2015, 2016 [H1.01.02.06] nhằm thu thập các thông tin có giá trị về khả năng tham gia thị trường của sinh viên tốt nghiệp, đánh giá mức độ phù hợp của các chương trình giảng dạy, các kiến thức, kỹ năng cũng như mục tiêu đào tạo đối với nhu cầu thị trường. Giáo dục lấy người học làm trung tâm, học qua trải nghiệm, học tập dựa trên năng lực, phối hợp với nhiều phương pháp dạy học tích cực mục tiêu đào tạo của Nhà trường ngày càng đáp ứng gần hơn với thế giới việc làm [H01.01.01.08].

Thông qua việc phổ biến cụ thể mục tiêu và mục đích của chương trình đào tạo đến người dạy và người học, họ có những mục tiêu định hướng cụ thể cho việc nghiên cứu và học tập của mình. Vì vậy, sau khi tốt nghiệp, sinh viên sẽ hiểu và nhanh chóng tiếp cận với các ngành nghề có thể tham gia, điều này được thể hiện rõ trong Kế hoạch đào tạo của ngành được công bố trên Website nhà trường, chương trình đào tạo được ban hành trong sổ tay sinh viên [H01.01.01.09].

## **2. Điểm mạnh**

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, Ban giám hiệu, Ban chủ nhiệm khoa Xây dựng nên mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng được xây dựng bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ, cơ sở lý luận khoa học kết hợp với thực tế công việc và có sự thay đổi cập nhật cho phù hợp với tình hình xã hội hiện tại do đó mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng và phù hợp.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù trên địa bàn khu vực có khá nhiều công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nhưng số lượng công ty, doanh nghiệp có quy mô lớn còn ít do đó việc đóng góp ý kiến xây dựng CTĐT chất lượng chưa đạt như mong muốn

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, trình độ ngoại ngữ đạt chuẩn chưa cao.

## **4. Kế hoạch hành động**

Hàng năm, tiếp tục duy trì lấy ý kiến đánh giá nội dung chương trình đào tạo từ phía người học, giảng viên và nhà tuyển dụng ở phạm vi rộng hơn, cụ thể, ngoài địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa còn gửi phiếu khảo sát ở các vùng Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang, Đà Nẵng nhằm mục tiêu hiệu chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo.

Năm 2018, Khoa cử thêm 03 cán bộ đi đào tạo trình độ Tiến sĩ trong nước và ngoài nước

Năm 2019, Khoa cử thêm 02 cán bộ đi đào tạo trình độ Tiến sĩ trong nước và ngoài nước.

Trong các năm tiếp theo, Khoa cử trung bình 02 cán bộ đào tạo trình độ Tiến sĩ căn cứ tình hình thực tế công việc sẽ có sự điều chỉnh phù hợp.

Nhà trường định kì tổ chức kì thi khảo sát ngoại ngữ cho cán bộ 2 năm một lần do phòng Tổ chức cán bộ phụ trách để đánh giá trình độ ngoại ngữ của giảng viên hiện tại và đưa vào tiêu chí xét thi đua cấp cơ sở.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

#### **1. Mô tả**

Từ năm 2013, CDR của ngành KTXD được xây dựng bài bản và được công khai thông qua các văn bản, quyết định và các kênh thông tin dựa trên văn bản hướng dẫn xây dựng và công bố CDR ngành đào tạo của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01]. Năm 2015, Nhà trường bổ sung chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, sinh viên tốt nghiệp ra trường cần đạt trình độ tiếng Anh B1 theo khung tham chiếu châu âu hoặc tương đương [H1.01.02.02]. Đến năm 2017, CDR được xây dựng lại một cách bài bản hơn khoa học hơn, với quyết tâm mạnh mẽ của đội ngũ lãnh đạo và cán bộ nhà trường, sự hỗ trợ nhiệt tình của các trường đối tác (các trường đại học thuộc hiệp hội CDIO). CDR thể hiện rõ các tiêu chí cần đạt được khi tốt nghiệp như kiến thức nghề nghiệp bao gồm kiến thức về kết cấu, thi công...; các kỹ năng thiết kế, kỹ năng tổ chức thi công, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng làm việc nhóm.... Những kỹ năng sinh viên đạt được theo chuẩn đầu ra giúp sinh viên tiếp cận với công việc thực tế một cách nhanh chóng tránh hiện tượng “đào tạo lại” ở các doanh nghiệp, sinh viên tự tin hơn trong cuộc sống, có tính tự lập tự chịu trách nhiệm, chủ động trong công việc. Qua đó thể hiện CDR của ngành phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa và sứ mạng của nhà Trường “cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao... và luôn hướng tới sự thành đạt của người học”. Để góp phần nâng cao và không ngừng cải tiến chất lượng GD&ĐT, thêm kênh thông tin để giúp GV có thể tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy và điều chỉnh CDR phù hợp hơn với nhu cầu thực tế của xã hội, Khoa tiến hành lấy thông

tin điều tra khảo sát về nhu cầu xã hội đối với người học đã tốt nghiệp, điều tra khảo sát đối với cựu người học, GV, các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành và các nhà tuyển dụng lao động để xây dựng CDR [H1.01.01.08]. Qua đó khoa tổ chức các cuộc họp rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo để xác định chính xác rõ ràng các yêu cầu mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp [H1.01.01.07].

Về kiến thức, CTĐT ngành KTXD nhằm đào tạo các kỹ sư có kiến thức chuyên môn, phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề, phù hợp với yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Về kỹ năng, sinh viên tốt nghiệp cần có kỹ năng phân tích một vấn đề cụ thể, có kỹ năng thiết kế tổng thể một công trình hoặc thiết kế một hạng mục cụ thể; thể hiện được ý tưởng thông qua bản vẽ, báo cáo, giải đáp và phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo; có kỹ năng vận dụng các công nghệ xây dựng và tổ chức thực hiện trong thi công công trình.

Về thái độ, người học có đạo đức cá nhân và ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp, môi trường làm việc, hiểu biết, năng động, sáng tạo, và có ý thức phấn đấu nâng cao trình độ và học tập suốt đời.

Với kiến thức, kỹ năng và thái độ được trang bị, người học sau tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc trong các đơn vị tư vấn, thiết kế, giám sát với vai trò kỹ sư tư vấn; trong các công ty xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp với vai trò kỹ sư thi công, trong tất cả các lĩnh vực xây dựng bao gồm xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi,... ở trong và ngoài nước; có khả năng làm việc trong các cơ quan quản lý [H1.01.01.03].

CDR của ngành KTXD phản ánh được sứ mạng của Trường cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; phát triển năng lực tự học tập, nghiên cứu của sinh viên sau khi tốt nghiệp; rèn luyện kỹ năng làm việc và lối sống trong môi trường hiện đại; chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước và được công bố trong các ấn phẩm. Các doanh nghiệp hiện tại khi tuyển dụng nhân sự luôn đòi hỏi kinh nghiệm làm việc của người tuyển dụng. Tuy nhiên, CDR CTĐT được xây dựng bài bản, rõ ràng giúp sinh viên tốt nghiệp xác định được rõ công việc mình sẽ làm sau khi tốt nghiệp và việc tăng thực hành trong việc đào tạo mở ra cơ hội việc làm [H1.01.02.03], [H1.01.02.04]. Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến

khảo sát sinh viên về mức độ và mục tiêu mà chuẩn đầu ra đã công bố về sự phù hợp, ngoài ra nhà trường còn lấy ý kiến về nhiều khía cạnh phục vụ cho công tác đào tạo để đạt được mục tiêu của chuẩn đầu ra [H01.01.02.05].

CĐR được xác định rõ ràng, cụ thể, chi tiết thông qua ma trận trình độ năng lực. Mỗi tiêu chí đều được xác định mức độ đạt được sau khi tốt nghiệp theo thang đánh giá Bloom từ 0 đến 5.0. Quy trình đánh giá mức độ đạt được của CĐR được quy định rõ ràng khoa học [H1.01.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

CĐR hiện tại được xác định rõ ràng, phân chia thành 4 nhóm chủ đề về những tiêu chí cần đạt.

Ngành Kỹ thuật xây dựng có vị trí làm việc đa dạng tuy nhiên CĐR được khoa xây dựng tập trung vào các vị trí kỹ sư tư vấn thiết kế, kỹ sư kỹ thuật thi công, kỹ sư giám sát công trình trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hiện tại.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động trên địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa là khá tốt. Tuy nhiên, trên thực tế số lượng sinh viên tốt nghiệp làm việc ở khắp các vùng của đất nước thậm chí ở nước ngoài nhưng việc lấy ý kiến từ những địa bàn còn lại còn nhiều hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018 trở đi, khoa đã thành lập mạng lưới cựu sinh viên với mục đích giữ liên lạc với sinh viên sau khi tốt nghiệp để giúp khoa trong việc phát triển chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Qua đó có thể có thêm căn cứ để điều chỉnh chuẩn đầu ra trong thời kì CNH, HĐH đất nước.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.2: Đạt (mức 4/7 điểm).**

*Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.*

### **1. Mô tả**

Mục tiêu CTĐT ngành KTXD đã được tiến hành rà soát, điều chỉnh khi Nhà trường rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với sự phát triển của tình hình kinh tế xã hội. CTĐT theo hệ thống tín chỉ ban hành năm 2007 [H1.01.03.01] được điều chỉnh định kỳ 1 hoặc 2 năm một lần. Gần đây nhất là điều chỉnh CTĐT vào năm 2013, năm 2015 và



xây dựng CTĐT theo nhóm ngành năm 2016, Chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO năm 2017 [H1.01.01.04]. CĐR được đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành. Khi xây dựng CTĐT, Khoa đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến đóng góp về CĐR cụ thể: Khảo sát với 50 phiếu được phát ra và thu về, tổ chức các cuộc họp rà soát phân tích số liệu thu được từ việc khảo sát các bên liên quan với kết quả như sau:

- Nhìn chung chuẩn đầu ra cấp độ 3 ngành Kỹ thuật xây dựng được phản hồi lại tương đối tích cực. Các ý kiến đánh giá thấp mức quan trọng của chuẩn đầu ra chủ yếu tập trung ở khối kiến thức đại cương, bao gồm kiến thức hóa học, giáo dục chính trị và vật lý. Các khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập, ... đều được đánh giá ở mức 4 trở lên, mức "Rất quan trọng".

- Với đối tượng khảo sát là chuyên gia giáo dục đào tạo ở các trường Đại học chuyên ngành ở Hà Nội và TP. HCM, các chuẩn đầu ra trong bản dự thảo đều được đánh giá trung bình ở mức 4. Những trường hợp đánh giá mức 2, mức "ít quan trọng" chủ yếu nằm ở khu vực Doanh nghiệp (7/50 phiếu, chiếm 14%)

- Mức độ sinh viên đạt được hiện nay được đánh giá trung bình ở mức 2, mức "Có hiểu biết hoặc có thể tham gia", có 10/50 đánh giá ở mức 1 "có biết hoặc có nghe qua" (Chiếm 20%). Một điều đáng để phân tích kỹ hơn khi quyết định hoàn thiện chuẩn đầu ra cấp độ 3, đó là 4/5 phiếu khảo sát lựa chọn đa phần ở mức 1 cho mức độ sinh viên đạt được hiện nay. Điều đó chứng tỏ mức độ sinh viên đạt được hiện nay đang ở mức tương đối thấp.

- Mức độ sinh viên nên đạt được: Nhóm chuyên gia giáo dục, đào tạo lựa chọn mức trung bình là 4, đó là "Có khả năng phân tích" trong đa phần các chuẩn đầu ra. Đối với nhóm Doanh nghiệp và cơ quan quản lý chuyên ngành, mức độ dao động từ 3 đến 5 và không ổn định.

Những nội dung này được phân tích và đưa vào áp dụng cho chuẩn đầu ra với mức độ phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà Trường [H1.01.01.08]. Năm 2017, CTĐT được công bố với đầy đủ CĐR ngành KTXD và CĐR của các học phần [H1.01.01.07]. CĐR ngành KTXD năm 2017 được bố cục rõ ràng với đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn gồm: tên ngành; mã số; trình độ đào tạo; CĐR về kiến thức, kỹ năng, thái độ; vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Nhà trường tham khảo. Nhà trường khảo sát về nhu cầu của nhà sử dụng lao động về những tiêu

chí đối với sinh viên ra trường để có sự điều chỉnh bổ sung phù hợp với tình hình thực tế xã hội [H1.01.01.08]. So với CĐR ban hành năm 2013, Nhìn chung, CĐR năm 2017 được cụ thể hóa hơn những tuyên bố chuẩn đầu ra, mỗi chuẩn đầu ra được xác định mức độ đào tạo cụ thể.

CĐR ngành KTXD đã được điều chỉnh chính thức năm 2017 [H1.01.01.08]. Chất lượng CĐR được thể hiện qua các điểm:

- CTĐT ngành KTXD được điều chỉnh, xây dựng theo định hướng CDIO. Xây dựng CĐR đúng quy trình rõ ràng.

- Đáp ứng yêu cầu năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ.

- Phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhóm đối tượng bao gồm: các nhà khoa học, GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu SV.

- Được kiểm định đánh giá chất lượng để có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển giáo dục trong nước và quốc tế.

CĐR của ngành KTXD được công bố công khai trên website: <http://khoaxaydung.vinhuni.edu.vn/>, tài liệu quảng bá tuyển sinh, văn bản đến các khoa viện, phòng ban để tất cả các bên liên quan được biết [H1.01.01.02], [H1.01.02.05]. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT, CĐR luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ hàng năm của Khoa XD, Trường ĐH Vinh.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của ngành được kịp thời bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các tài liệu, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của ngành KTXD. CĐR của CTĐT ngành KTXD được công bố công khai rộng rãi.

## **3. Điểm tồn tại**

Thông tin CĐR đã được công bố tuy nhiên sự tiếp cận giữa các bên liên quan đến nội dung của CĐR còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018 trở đi, ngoài việc công bố trên webside chính thức của nhà trường, ban truyền thông và bộ phận tuyển sinh sẽ tổ chức các hoạt động khác để đưa thông tin CĐR của ngành đến với xã hội:

- Sử dụng thêm các trang mạng xã hội như facebook.
- Gửi các tài liệu đến các bộ phận liên quan thông qua hoạt động tuyển sinh
- Phát tờ rơi tới học sinh, phụ huynh...

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 1.3:** Đạt (mức 5/7 điểm).

#### **Kết luận tiêu chuẩn 1:**

CĐR của CTĐT là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường Đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội. CĐR của ngành KTXD là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của ngành, đồng thời là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR, Nhà trường và Khoa đã chú trọng xây dựng một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời có sự tham khảo ý kiến của các chuyên gia đầu ngành, các nhà quản lý, các doanh nghiệp sử dụng các SV của Khoa sau khi tốt nghiệp và cựu sinh viên.

Với mục tiêu đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực dân dụng và công nghiệp có trình độ đại học và trên đại học của cả nước, phục vụ ngành xây dựng dân dụng và sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, CĐR của ngành sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên còn có hạn chế trong việc xây dựng hệ thống đánh giá lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan, khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng và các chuyên gia giáo dục.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 1 gồm: 2 tiêu chí đạt đều đạt 5/7 điểm, 1 tiêu chí đạt 4/7.

## **Tiêu chuẩn 2:**

### **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT của ngành KTXD được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT của ngành, là nguồn thông tin quan trọng, chính thống giúp người học, nhà tuyển dụng lao động và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng mềm được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các giảng viên nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó...

#### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả Chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.***

##### **1. Mô tả**

CTĐT ngành KTXD được rà soát điều chỉnh năm 2013 có đầy đủ các nội dung của bản mô tả CTĐT theo quy định của thông tư 04/2016 về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH, tuy nhiên chưa thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình [H2.02.01.01]. Năm 2017, Trường đã tiến hành điều chỉnh, hoàn thiện bản mô tả CTĐT trong đợt xây dựng chương trình ngành KTXD theo định hướng CDIO [H2.02.01.02]. (trên cơ sở CTĐT đã được cập nhật thêm bảng ma trận tích hợp CĐR các học phần [H2.02.01.03] và các học phần trong CTĐT đã bổ sung thêm CĐR, phương pháp đánh giá) bao gồm đầy đủ các nội dung:

- Tóm tắt mục tiêu đào tạo của ngành KTXD và kết quả học tập dự kiến
- Cấu trúc khóa học
- Các kiến thức mà từng học phần của CTĐT cung cấp nhằm góp phần đạt CĐR của chương trình thể hiện ở bản ma trận tích hợp CĐR các môn học trong CTĐT [H2.02.01.03].
- Bản mô tả toàn bộ các học phần của từng chuyên ngành [H2.02.01.01], [H2.02.01.02].

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT. CTĐT ngành khi được xây dựng và điều chỉnh đảm bảo chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với Luật giáo dục đại học, quy trình

mở ngành đào tạo và quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được khi tốt nghiệp và tiếp thu ý kiến phản hồi của GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng về CTĐT [H2.02.01.04] và được công bố công khai trên các trang thông tin của khoa và các tài liệu quảng bá [H2.02.01.05], [H2.02.01.06]. Hàng năm, khoa XD đều đưa ra thông báo trong các cuộc họp để đóng góp cho CTĐT nhằm nâng cao chất lượng của CTĐT ngành KTXD.

CĐR điều chỉnh 2017 đã được cập nhật vào bản mô tả của CTĐT và được áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2017 [H2.02.01.02],[H2.02.01.03].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành KTXD được xây dựng bài bản trên cơ sở bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, thể hiện đầy đủ thông tin và được tích hợp những nội dung mới nhất liên quan. Qua bản mô tả này, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù bản mô tả CTĐT được xây dựng bài bản, công phu và có kế hoạch rà soát điều chỉnh theo từng giai đoạn cụ thể, tuy nhiên, vẫn cần hoàn thiện bản mô tả của một số học phần.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018, đồng thời với quá trình Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cũng như rà soát, điều chỉnh CĐR hàng năm thì các thông tin liên quan phải được cập nhật đầy đủ vào bản mô tả CTĐT.

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.1:** Đạt (mức 5/7điểm).

***Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.***

### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp giảng viên và sinh viên thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi chuẩn đầu ra chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống tín chỉ, Khoa đã bám sát các quy định và hướng dẫn [H2.02.02.01], [H2.02.02.02], [H2.02.02.03].

Việc biên soạn đề cương chi tiết các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng

dẫn của Nhà trường. Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ thông tin gồm:

- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, khoa/bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của học phần, phân bổ giờ tín chỉ đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.

- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng và thái độ.

- Tóm tắt nội dung học phần.

- Nội dung chi tiết học phần.

- Thông tin về giảng viên.

- Học liệu.

- Hình thức tổ chức và dạy học

- Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập học phần.

Đề cương phải bảo đảm thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CĐR của môn học, phương pháp giảng dạy/học tập để có thể đạt được các chuẩn đầu ra đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Hàng năm trong các Hội nghị giao ban đào tạo, Hội nghị KH&ĐT của Khoa...các nội dung về CTĐT đã được quan tâm xem xét nhằm đánh giá kết quả hoạt động đào tạo, đánh giá ưu nhược điểm của đề cương các học phần [H2.02.01.01], [H2.02.01.02]. Phân tích nguyên nhân tồn tại, đề ra các giải pháp để tổ chức hoạt động ĐT cho năm học mới và chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và cập nhật. Khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động, các nhà khoa học để góp ý cho đề cương chi tiết các học phần, trên cơ sở đó làm căn cứ cho việc điều chỉnh theo kế hoạch [H2.02.01.04], [H2.02.02.04]. Sau đó, đề cương chi tiết các học phần được công bố công khai bằng các văn bản, trên website của Trường cũng như thông qua các hội nghị khoa học [H2.02.01.05], [H2.02.01.06].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương các học phần của ngành được thể hiện đầy đủ các thông tin, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh cho phù hợp với CTĐT và CĐR. Đã có góp ý của các nhà sử dụng lao động, các doanh nghiệp để cập nhật nhằm cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số học phần còn chưa xây dựng xong đề cương theo định hướng CDIO

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018 ngành tiếp tục có kế hoạch rà soát, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản, có cách thức tổ chức khoa học và đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.2: Đạt (mức 5/7điểm).**

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả Chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.***

##### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành KTXD được xây dựng đúng quy trình và khoa học, được rà soát hoàn thiện theo ý kiến góp ý nhiều chiều của các bên liên quan. Việc xây dựng bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần với CDR cụ thể mà môn học đó cung cấp giúp cho SV dễ dàng nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập rèn luyện để đạt được những kết quả như kỳ vọng. Các thông tin về ngành, phương pháp học tập và quy trình thực hiện được trích dẫn và hướng dẫn đầy đủ trong các tài liệu hướng dẫn cho sinh viên khi nhập học vào trường [H2.02.03.01], [H2.02.03.02].

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần sau khi điều chỉnh được công bố công khai cho người học, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua website của Khoa XD [H2.02.01.05], khung CTĐT, ... theo đúng quy định của Nhà trường. Khoa XD đã sử dụng bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng GV [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Dựa vào bản mô tả CTĐT, các bộ môn chuẩn bị sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của chương trình và tình hình nhân sự của từng bộ môn, đồng thời giúp giảng viên chuẩn bị kế hoạch giảng dạy của mình cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các bộ môn khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các môn học, giữa các năm học.

Bên cạnh đó, việc nắm bắt được bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần giúp người học có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được CDR, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp một chuyên ngành, một trình độ về chuẩn năng lực nghề nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, thái độ và đạo đức nghề nghiệp và công việc mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H2.02.01.01], [H2.02.01.02], [H2.02.01.03].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ngành KTXD được công bố công khai rộng rãi, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H2.02.03.02], [H2.02.03.03], [H2.02.03.04].

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù việc công bố bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai, tuy nhiên, vẫn còn có ý kiến phản ánh về việc khó tiếp cận với một số bên liên quan.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để thực hiện yêu cầu công khai và tạo điều kiện tối đa cho các bên liên quan tiếp cận bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần, Khoa thực hiện công bố và phổ biến rộng rãi hơn trên nhiều kênh thông tin xã hội nhằm tạo được sự tiếp cận thuận lợi nhất.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 2.3: Đạt mức 5/7điểm).**

### **Kết luận tiêu chuẩn 2:**

Trường ĐH Vinh, Khoa xây dựng đã chú trọng xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước để nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Ngành KTXD được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng của từng chuyên ngành. Bản mô tả chương trình đào tạo sau khi đã cập nhật đầy đủ thông tin và các đề cương chi tiết học giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ chương trình đào tạo và sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm được chuẩn đầu ra.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 2 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.



### **Tiêu chuẩn 3:**

## **CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

### **Mở đầu**

Với nhận thức cấu trúc và nội dung chương trình dạy học là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng đào tạo, Khoa Xây dựng đã mời các giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý trong và ngoài Nhà trường tham gia xây dựng CTDH ngành KTXD theo các quy định được ban hành bởi Bộ GD&ĐT. Chương trình dạy học ngành KTXD của Khoa Xây dựng được tham khảo CTDH của các Trường đại học uy tín trong nước và trên thế giới, được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn để đáp ứng mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Chương trình dạy học ngành KTXD có mục tiêu rõ ràng và cụ thể; cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách logic có hệ thống; đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ; Được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. Chương trình dạy học bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

CTDH ngành KTXD đã được Nhà trường công bố năm 2008 sau khi được hội đồng Khoa học và đào tạo nghiệm thu. Chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên cơ sở bản mô tả CTĐT, CĐR, đề cương chi tiết các học phần, các ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Hội đồng khoa học của Khoa và chú trọng đến tỷ lệ phần trăm giữa các khối kiến thức, kỹ năng chung và chuyên ngành để đạt mục tiêu đào tạo và CĐR [H3.03.01.01].

Chương trình dạy học của Khoa thể hiện mục tiêu của CTĐT trong kết quả từng môn học và từng khối kiến thức. Đảm bảo các môn học bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt CĐR một

cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo.

Trong chương trình dạy học, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR. Cụ thể, chương trình của Khoa được thiết kế 160 tín chỉ gồm có 65 học phần, trong đó khối kiến thức chung (58TC) và kiến thức chuyên ngành (100TC) bao gồm kiến thức cơ sở ngành, kiến thức môn chuyên ngành và đồ án tốt nghiệp. Ngoài 13 TC của các học phần giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, khối kiến thức chung của ngành KTXD còn cung cấp các kiến thức về lý luận chính trị (10TC), khoa học tự nhiên (18TC), cơ sở (10TC), ngoại ngữ (07TC) và thực tập xưởng (01TC). Khối kiến thức chuyên ngành KTXD (100TC) bao gồm kiến thức cơ sở ngành (45TC) bao gồm cả cơ sở ngành tự chọn (06TC); chuyên môn ngành, thực tập và đồ án tốt nghiệp (55TC). [H3.03.01.02].

Việc đánh giá SV ngành KTXD của Khoa Xây dựng được thực hiện bằng nhiều phương pháp để đạt được CĐR của CTĐT. Kết quả khảo sát ý kiến người học về chương trình dạy học với 3 tiêu chí đánh giá: cấu trúc và yêu cầu của đề cương chi tiết học phần; nội dung đề cương chi tiết học phần và kiểm tra đánh giá (bao gồm thường xuyên, giữa kỳ và cuối kỳ) đều đánh giá đạt với tỷ lệ là trên 75%. Ngoài ra trước khi SV tốt nghiệp, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đánh giá chất lượng chương trình của ngành đến người học và cho kết quả khảo sát tốt. [H3.03.01.03].

## **2 Điểm mạnh**

Chương trình dạy học ngành KTXD được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. Đề cương chi tiết của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù đã tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan, tuy nhiên, các thông tin phản hồi của sinh viên về chất lượng chương trình dạy học chưa đầy đủ và liên tục. Thiếu sự phản ánh kịp thời của các đơn vị sử dụng lao động nên CTDH ngành KTXD còn phần nào hạn chế chưa đáp ứng kịp thời các nhu cầu của xã hội.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2017 - 2018, Khoa Xây dựng có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các nhà tuyển dụng, người học và cựu người học trong việc rà soát và điều chỉnh CTDH.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.**

### **1. Mô tả**

Chương trình dạy học của ngành được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ bản, cơ sở đến chuyên sâu, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Việc sắp xếp các học phần theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Mỗi học phần được thiết kế với tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành thí nghiệm cân đối, logic và chặt chẽ [H3.03.02.01].

Mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức mà người học tiếp nhận, nó phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CDR của ngành KTXD [H3.03.02.02]. Các học phần xã hội và kỹ năng cơ bản nhằm mục đích trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức và ý thức cho SV. Các học phần khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành như cơ học lý thuyết, sức bền, cơ kết cấu, cơ học đất... Các học phần cơ sở ngành lại là nền tảng cho các học phần chuyên môn ngành. Bên cạnh đó, theo phương pháp giảng dạy và học tập tích hợp, các học phần bài tập, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm, thực tập và đồ án tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết giúp người học có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn và thực hành nhằm đảm bảo CDR của mỗi học phần. Sự gắn kết giữa CDR của mỗi học phần với CDR của ngành được thể hiện rõ thông qua ma trận tích hợp CDR của các học phần của CTĐT [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Để góp phần hoàn thiện CTĐT của ngành KTXD, năm 2017, Khoa xây dựng đã tiến hành rà soát, điều chỉnh đề cương các học phần, bổ sung thêm CDR và phương pháp kiểm tra đánh giá đối với người học nhằm đảm bảo tương thích giữa các học phần nhằm đạt được CDR [H3.03.02.05].

Để đánh giá người học, bên cạnh điểm thi kết thúc học phần, kết quả học tập còn được đánh giá qua điểm quá trình được xác định từ điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm bài tập lớn. Dựa vào kết quả khảo sát người học về chương trình dạy học, Khoa nhận thấy công tác kiểm tra đánh giá đối với người học được sinh viên đánh giá cao với tỷ lệ đạt là trên 75%. Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học, Nhà trường đã

xây dựng hệ thống quản lý đào tạo điện tử bài bản và khoa học [H3.03.02.06], [H3.03.02.07].

## **2. Điểm mạnh**

Các học phần trong CTDH ngành KTXD được cấu trúc thành từng khối gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của CDR.

## **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR của ngành là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về về cấu trúc nội dung đề cương chi tiết các học phần.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2017 - 2018, Khoa Xây dựng tiếp tục có kế hoạch triển khai rà soát và thiết kế tỷ lệ hợp lý hơn giữa các học phần trên cơ sở ý kiến đóng góp của người học, giảng viên và các nhà tuyển dụng để đáp ứng kịp thời nhu cầu về nhân lực của xã hội cũng như đáp ứng CDR của CTĐT.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.***

### **1. Mô tả**

Chương trình dạy học của ngành KTXD được thiết kế thể hiện sự logic giữa các học phần và kết nối chặt chẽ giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành và được giảng dạy trong 5 năm. Các kiến thức giáo dục đại cương được cung cấp cho SV trong bốn học kỳ đầu tiên. Các học phần cơ sở chuyên ngành được thiết kế trong ba học kỳ tiếp theo bao gồm các học phần cơ sở chuyên ngành tự chọn. Hai học kỳ cuối của chương trình, SV được cung cấp các học phần chuyên môn ngành và đồ án tốt nghiệp. Các học phần tự chọn được thiết kế nhằm mục đích hướng SV vào các chuyên sâu và mở rộng kiến thức bằng cách chọn các môn trong một chương trình gần với chuyên sâu lựa chọn. Các học phần chuyên ngành được tổ chức đào tạo vào năm cuối cùng. Đồ án tốt nghiệp được thực hiện theo nhóm từ 3 đến 5 SV dưới sự hướng dẫn của 1 hoặc 2 GV

trong Khoa. Đồ án tốt nghiệp giúp SV áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình. Chương trình được đánh giá cao thông qua kết quả khảo sát các bên liên quan, các nhà tuyển dụng với 18% hoàn toàn đồng ý và 53% đồng ý [H3.03.03.01].

Chương trình dạy học gồm có 65 học phần với tổng số 160 tín chỉ, thể hiện được cả chiều rộng và chiều sâu và bao trùm nhiều khối kiến thức: kiến thức chung về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, tin học và ngoại ngữ,... Các học phần cơ sở khối ngành như cơ lý thuyết, vẽ kỹ thuật, trắc địa, cơ học đất, sức bền vật liệu, cơ kết cấu. Các học phần cơ sở ngành như địa chất công trình, nền móng, vật liệu xây dựng, kết cấu bê tông, kết cấu thép, và máy xây dựng,... Các học phần chuyên môn ngành như thiết kế nhà bê tông cốt thép, thiết kế nhà thép, thép đặc biệt và bê tông đặc biệt... Chiều sâu của chương trình dạy học còn được thể hiện qua trình tự các học phần theo trật tự từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Các học phần kết thúc ở kỳ trước làm nền tảng cho các học phần ở các kỳ tiếp theo. Các học phần tự chọn và chuyên môn ngành đều có các học phần cơ bản và cơ sở ngành tiên quyết. Chương trình được thiết kế có tỷ lệ cân đối giữa các khối kiến thức và hoàn toàn phù hợp với quy định khối lượng kiến thức do Bộ GD&ĐT quy định [H3.03.03.02] Cụ thể, các học phần cơ bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương (58TC), ngoại ngữ (6TC); các học phần trung gian thuộc kiến thức cơ sở khối ngành (36TC); các học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành (24TC) bao gồm các học phần tự chọn (6TC); các học phần chuyên môn ngành (21TC); và đồ án tốt nghiệp (10TC). Theo đó, các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được tổ chức đào tạo ở các học kỳ 1, 2, 3 và 4. Các học phần kiến thức cơ sở khối ngành được giảng dạy ở các học kỳ 5, 6 và 7. Các học phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế giảng dạy ở các học kỳ 7, 8 và 9. Thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được bố trí ở học kỳ 9. Đồ án tốt nghiệp cho phép SV thiết kế một dự án về Kỹ thuật xây dựng dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa. Sự thiết kế nêu trên của chương trình sẽ đảm bảo tính logic giữa các học phần và khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đối với SV. [H3.03.03.03].

Khoa Xây dựng nhận thấy rằng, việc rà soát chương trình dạy học định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc rà soát CTDH ngành KTXD được tiến hành định kỳ từ 3 đến 5 năm một lần bởi Hội đồng

KH&ĐT của Khoa dựa trên phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTDH của các trường đại học uy tín trên thế giới [H3.03.03.04].

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình dạy học của ngành KTXD phản ánh rõ ràng mục tiêu đào tạo và yêu cầu của chuẩn đào tạo đại học. Chương trình có cấu trúc hợp lý và logic giữa các khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên môn ngành và chuyên ngành, cho phép SV có khả năng tiếp nhận kiến thức cao nhất đáp ứng yêu cầu thực tế về nhân lực của xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành KTXD được thực hiện chưa liên tục và đều đặn. Do đó, CTDH của một số chuyên ngành có tính cập nhật chưa cao trong việc đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2017 - 2018, Khoa tiếp tục có kế hoạch triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH các chuyên ngành của ngành KTXD đảm bảo tính cập nhật và thích ứng nhu cầu thực tế của xã hội về nhân lực, bám sát những ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu SV.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 3.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

### **Kết luận tiêu chuẩn 3**

Trường ĐH Vinh, Khoa xây dựng đã chú trọng xây dựng CTDH một cách bài bản nghiêm túc, đồng thời trong quá trình rà soát điều chỉnh có sự tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước và trên thế giới nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Khoa Xây dựng, ngành KTXD gồm 4 chuyên ngành được tổ chức đào tạo theo tín chỉ và có mục tiêu rõ ràng của từng chuyên ngành, chương trình dạy học có cấu trúc logic và chặt chẽ. Chương trình sau khi xây dựng đã được rà soát điều chỉnh theo đúng mục tiêu đặt ra là tiên tiến, hội nhập và phù hợp với điều kiện Việt Nam, đáp ứng nhu cầu của xã hội nên đã có sự đóng góp của các chuyên gia, các nhà quản lý và các doanh nghiệp sử dụng các SV của Trường sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 3 có 3 tiêu chí, cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 4:**

### **PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY VÀ HỌC**

#### **Mở đầu**

Khoa Xây dựng nhận định, việc tổ chức hoạt động dạy và học là một khâu rất quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và cải tiến chất lượng chương trình đào tạo, giúp cho người học nâng cao khả năng tự khám phá tri thức, lưu giữ kiến thức, gắn kết kiến thức cũ và mới, vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề, diễn đạt kiến thức của mình cho người khác, say mê học hỏi. Tổ chức và triển khai các hoạt động dạy và học bao gồm: tổ chức và triển khai các phương pháp dạy-học; phương pháp kiểm tra đánh giá; xây dựng và tiến hành các hoạt động trong việc ứng dụng các phương pháp của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, từ đó áp dụng linh hoạt cho phù hợp với chương trình đào tạo.

Với mục tiêu giúp sinh viên nâng cao khả năng tri thức, Nhà trường đã quyết định chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ từ năm học 2009. Năm học 2017 - 2018, Nhà trường đổi mới phát triển chương trình đào tạo theo định hướng CDIO, trở thành một thành viên trong hiệp hội CDIO thế giới, trường Đại học Vinh đang triển khai chương trình đào tạo tiên tiến với phương pháp tiếp cận tốt nhất hiện nay trong hoạt động dạy và học. Với sự chuyển đổi này của Nhà trường, khoa Xây dựng - khoa đào tạo về các chuyên ngành kỹ thuật - càng thuận lợi hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, người học vừa được trang bị kiến thức chuyên ngành, vừa có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp, năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện, đánh giá các vấn đề chuyên môn và bối cảnh xã hội. Theo định hướng CDIO, khoa Xây dựng đã chú trọng xây dựng phương pháp tiếp cận dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm đạt được các yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Triết lý giáo dục được thể hiện rõ ràng trong mục tiêu đào tạo của từng chuyên ngành. Giảng viên của Khoa đều được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, tham gia các lớp tập huấn giảng dạy theo định hướng CDIO. Cách thức đánh giá kết quả học tập của người học được đổi mới giúp người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân và nghề nghiệp.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.***

### **1. Mô tả**

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2008 - 2020 tầm nhìn đến năm 2030 “Sinh viên, học viên trường Đại học Vinh là trung tâm của quá trình đào tạo; được đào tạo toàn diện, phát huy đầy đủ tính chủ động và tự chịu trách nhiệm của người học nhằm tạo ra đội ngũ kỹ sư xây dựng năng động, có chuyên môn vững vàng, có kỹ năng nghề nghiệp giỏi, có khả năng thích ứng nhanh, có đạo đức, có kỷ luật và lối sống văn hóa” [H4.04.01.01]. Mục tiêu giáo dục của Nhà trường được trình bày trong báo cáo tự đánh giá chất lượng trường Đại học Vinh năm 2017 đã giúp cho cán bộ, giảng viên, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường, qua đó khẳng định và nâng cao hơn nữa vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.02].

Mục tiêu giáo dục của khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng là đào tạo ra những kỹ sư xây dựng có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng, nền tảng kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành tốt, có kỹ năng phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Kỹ thuật xây dựng. Với mục tiêu giáo dục đó, bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần đều nêu rõ những kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy và học tập để đạt được chuẩn đầu ra, bám sát nhu cầu thực tiễn của xã hội [H4.04.01.03].

Để đưa ra được mục tiêu giáo dục phù hợp, khi xây dựng mục tiêu này, Nhà trường và Khoa đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát cho thấy mục tiêu giáo dục của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội, đào tạo người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo và biết vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề [H4.04.01.04]. Mục tiêu giáo dục được công bố trên website của Nhà trường, trong niên giám chương trình đào tạo, sổ tay sinh viên... để giảng viên, sinh viên, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận [H4.04.01.05].

### **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu giáo dục ngành Kỹ thuật xây dựng được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới người học, giảng viên, cộng đồng và xã hội.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục có vai trò rất quan trọng song việc này chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.



#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường và Khoa xây dựng sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức bài bản việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng cho mục tiêu giáo dục của Nhà trường cũng như của Khoa.

Để thực hiện, khoa Xây dựng sẽ kết hợp với các đơn vị có liên quan như: trung tâm công nghệ thông tin, trung tâm dịch vụ HTSV&QHĐN, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, phòng Đào tạo, phòng Hành chính tổng hợp... và đặc biệt là cán bộ, sinh viên và học viên, cựu sinh viên và học viên của Khoa hỗ trợ trong công tác quảng bá thông tin, lấy ý kiến phản hồi từ các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng thông qua mạng truyền thông hay bằng văn bản để đạt hiệu quả tốt nhất.

Xác định xây dựng trang web riêng cho khoa Xây dựng có vai trò quan trọng trong quảng bá thương hiệu, được sự đồng ý của Nhà trường, hiện nay khoa Xây dựng đã tạo trang web riêng. Việc đăng tải những thông tin chung, triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của ngành, các hoạt động dạy - học của giảng viên và sinh viên, các khóa học chuyên ngành ngắn hạn, các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và các hoạt động khác, cơ hội việc làm trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp... đã giúp cho người học có cái nhìn tổng quan và cụ thể về ngành đào tạo Kỹ thuật xây dựng của Khoa. Bên cạnh đó, cán bộ giảng viên tham gia chương trình đào tạo, với đặc trưng của từng môn học, cần có sự lồng ghép những vấn đề thực tế liên quan hoặc kết nối với doanh nghiệp mở rộng liên kết đào tạo, là nơi để sinh viên tham gia thực tập nghề nghiệp hay có tác dụng hướng nghiệp cho sinh viên.

Để cung cấp các thông tin triết lý giáo dục/mục tiêu giáo dục của ngành, hàng năm khoa Xây dựng cần kết hợp với Nhà trường tổ chức “Tuần lễ hướng nghiệp” để học sinh các trường THPT tham gia, thu hút sự chú ý của học sinh và xã hội. Thông qua các ngày hội thông tin, hướng nghiệp này, khi tâm lý phân vân của các sĩ tử vào thời điểm “nhảy cẫ” chọn trường, chọn ngành, chọn khối, Khoa và Nhà trường đang tích cực quảng bá hình ảnh cũng như những thông tin liên quan tới tuyển sinh của trường.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.*

##### **1. Mô tả**

Những năm qua, các hoạt động dạy và học của thầy và trò ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu thực

tiền của xã hội [H4.04.02.01]. Hoạt động dạy và học được xây dựng giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic, có kỹ năng thực hành, kỹ năng mềm, năng động, sáng tạo, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H4.04.02.02].

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác giảng dạy, Nhà trường và khoa Xây dựng tạo điều kiện để các giảng viên tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ với sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên ngoài giờ lên lớp [H4.04.02.03]. Các giảng viên của Khoa đã thay đổi phương pháp giảng dạy từ đọc chép khiến sinh viên thụ động trong quá trình học sang phương pháp dạy thuyết trình kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận và làm việc nhóm [H4.04.02.04]. Giảng viên nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn sinh viên chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó giảng viên tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Bên cạnh đó, trong quá trình giảng dạy, người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

Để giúp sinh viên của Khoa liên hệ giữa kiến thức lý thuyết và thực tiễn, chương trình đào tạo của ngành có cấu trúc phù hợp giữa lý thuyết và thực hành. Sinh viên được gửi đi các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng trong đợt thực tập xưởng, công nhân kỹ thuật [H4.04.02.05]; trong chương trình thực tập kỹ sư, sinh viên được gửi đến các cơ quan ban ngành, các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp, ... để tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành trong lĩnh vực xây dựng; thực hành lập, thiết kế và tổ chức thi công một dự án cụ thể trong giai đoạn làm đồ án tốt nghiệp [H4.04.02.06].

Trường Đại học Vinh, khoa Xây dựng xác định đổi mới phương pháp dạy và học là một trong những khâu đột phá nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra. Nhà trường đã thành lập các tiểu ban triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trong đó có Tiểu ban về “Tổ chức giảng dạy” do trực tiếp thầy phó Hiệu trưởng phụ trách [H4.04.02.07]. Nhà trường đã tổ chức những Hội nghị tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy: Hội thảo khoa học về “Các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ” tháng 7 năm 2012, với sự tham gia của lãnh đạo các Bộ môn, Khoa, các GS, GVCC, PGS trong toàn Trường

[H4.04.02.08]; Hội thảo khoa học về “Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ” tháng 7 năm 2014 [H4.04.02.09]. Năm 2016, Nhà trường đã ban hành đề án đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập đối với người học [H4.04.02.10]. Việc đổi mới phương pháp dạy và học được Nhà trường chủ trương và triển khai về các Khoa, các Ngành. Trên cơ sở đó, Khoa, Ngành đã thảo luận và đưa ra phương pháp dạy học phù hợp nhất nhằm đạt được chuẩn đầu ra [H4.04.02.11].

Từ năm học 2017 - 2018, trường Đại học Vinh đã thay đổi chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CDIO [H4.04.02.12]. Theo cách tiếp cận CDIO, sinh viên sẽ học các kỹ năng cá nhân, giao tiếp, các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống cùng với kiến thức chuyên ngành trong bối cảnh thực hành kỹ thuật chuyên nghiệp, người ta gọi đó là học tập tích hợp. Học tập tích hợp có ưu điểm là cho phép sinh viên sử dụng kếp thời gian để vừa học kiến thức, vừa học kỹ năng.

Nhưng để có thể sử dụng công dụng kếp của thời gian học tập, điều quan trọng là phải có được phương pháp giảng dạy và học tập mới, làm sao tận dụng được tối ưu thời gian nhưng không làm nặng thêm về mặt chương trình lí thuyết mới vốn đã dày đặc trong nội dung. Giảng dạy và học tập dựa trên các phương pháp học chủ động và trải nghiệm là một giải pháp cho vấn đề trên [H4.04.02.13].

Các trải nghiệm học tập tích hợp theo mô hình CDIO đưa đến sự tiếp thu các kiến thức chuyên ngành, cũng như các kỹ năng cá nhân và giao tiếp và các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình, hệ thống. Đây là những phương pháp sư phạm thúc đẩy việc học tập kiến thức chuyên ngành đồng thời với việc học các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, và các kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống. Chúng kết hợp các vấn đề kỹ thuật nghề nghiệp thực tế vào trong các bối cảnh mà trong đó chúng tồn tại với các vấn đề chuyên ngành. Ví dụ, các sinh viên có thể xem xét sự phân tích của một sản phẩm, thiết kế của sản phẩm, trách nhiệm xã hội của người thiết kế ra sản phẩm đó, tất cả trong một bài tập. Các đối tác doanh nghiệp, cựu sinh viên, và các bên liên quan chính yếu khác thường rất hữu ích trong việc đưa ra các ví dụ cho những bài tập này.

Giảng dạy và học tập dựa trên các phương pháp học tập trải nghiệm chủ động theo mô hình CDIO gồm các phương pháp thu hút sự tham gia của sinh viên một cách trực tiếp vào các hoạt động tư duy và giải quyết vấn đề. Có ít sự truyền đạt thông tin một cách thụ động, nhưng lại nhấn mạnh nhiều hơn vào việc thu hút sinh viên sự tham

gia vào khám phá, ứng dụng, phân tích, và đánh giá các ý tưởng. Học tập chủ động trong các môn học dựa trên bài giảng có thể bao gồm các phương pháp như những cuộc thảo luận với bạn học hay trong nhóm nhỏ, làm demo, tranh luận, các câu hỏi về khái niệm, và phản hồi của sinh viên về nội dung họ đang học.

Vì vậy, triết lý trong đào tạo là giáo viên hướng tới sự hứng khởi và đam mê của sinh viên. Triết lý đó trong cách tiếp cận CDIO sẽ theo hướng phát triển những năng lực trụ cột cho người tốt nghiệp: Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Hoàn thiện quá trình dạy học và giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục nhà trường theo định hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.

Nguyên tắc dạy học ở đây là phát huy tính chủ động, tích cực của sinh viên trong quá trình xây dựng kiến thức của mỗi cá nhân. Tính vấn đề của dạy học và các tình huống dạy học và đảm bảo thống nhất giữa chuẩn đầu ra với các hoạt động dạy học và đánh giá. Phương pháp, chiến lược và kỹ thuật dạy học phải đề cao dạy học chủ động và trải nghiệm, đồng thời có những định hướng cụ thể. Đó là: Dạy học bằng cách tổ chức người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn giáo dục. Dạy học tích hợp, hướng vào năng lực nghề nghiệp, phát triển các năng lực cá nhân, xã hội và giao tiếp. Hệ thống các phương pháp, kỹ thuật dạy học trong mô hình này để định hướng vận dụng hiệu quả trong thực tiễn gồm: Học tập trải nghiệm, Học tập dựa vào vấn đề, Học theo dự án, Dạy học tình huống, Thảo luận...

Kết quả khảo sát việc đánh giá của người học về hoạt động dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra [H4.04.02.14] đã cho kết quả khả quan như sau: 41% đồng ý rằng giảng viên thiết kế bài giảng và tổ chức hoạt động giảng dạy trên lớp một cách chủ động, tự tin; 42% đồng ý rằng giảng viên giải thích các vấn đề chặt chẽ, rõ ràng, dễ hiểu, giúp sinh viên nắm vững nội dung bài học; 45% đồng ý rằng giảng viên liên hệ nội dung bài học với thực tiễn đời sống, tổ chức, hướng dẫn sinh viên về cơ hội học tập và giao lưu để phát huy khả năng bản thân; 45% đồng ý rằng hình thức và nội dung đánh giá của giảng viên khuyến khích phát triển tính tích cực, sáng tạo của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức đã học.

Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên

theo định kỳ hàng tháng, bình chọn danh hiệu thi đua cho giảng viên vào cuối mỗi năm học và tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên từ người học trong từng học kỳ [H4.04.02.15].

## **2. Điểm mạnh**

Các hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ giảng viên trong Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng kinh nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội những kiến thức lý thuyết và thực tiễn tốt nhất. Khoa Xây dựng đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Sinh viên tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những sinh viên năm đầu. Đây cũng chính là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa để hoàn thiện phương pháp tiếp cận dạy và học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm 2018, ngành Kỹ thuật xây dựng chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm đầu để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường Đại học.

Cán bộ khoa Xây dựng chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các lớp nghiệp vụ sư phạm, tham dự các hội nghị, hội thảo về đào tạo tiếp cận CDIO, thực hành nghề nghiệp với xã hội nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, tạo mối liên hệ tốt với thế giới việc làm. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được bồi dưỡng về phương pháp dạy và học mới nhằm đáp ứng các yêu cầu của chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã quán triệt và triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, đặc biệt là khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng liên hệ kiến thức mới với kiến thức cũ, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

Nhiều nội dung cơ bản trong đổi mới phương pháp dạy và học đã được thực hiện như: giảm số giờ lý thuyết, tăng thời gian thực hành, thí nghiệm, làm bài tập thực hành [H4.04.03.01].

Đề cương chi tiết các học phần của ngành đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập. Bên cạnh đó, chương trình còn xen kẽ những học phần thực tập công nhân kỹ thuật, thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp để sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào làm một dự án cụ thể và bảo vệ dự án đó. Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. Rất nhiều sinh viên của ngành sau khi ra trường có mong muốn nâng cao thêm kiến thức và trình độ nên đã tiếp tục học cao học.

Trong toàn khóa học, sinh viên của ngành được tư vấn, hỗ trợ bởi đội ngũ cố vấn học tập trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, tư vấn cho sinh viên tham gia các hoạt động học thuật, rèn luyện kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, phương pháp học tập theo hình thức tín chỉ giúp sinh viên chủ động trong quá trình học tập [H4.04.03.02].

Nhà trường và Khoa Xây dựng nhận thức rõ ý nghĩa của phương pháp dạy tự học, khẳng định tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học [H4.04.03.03]. Trong quá trình hoạt động dạy học, giảng viên không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ những tri thức có sẵn, chỉ cần yêu cầu sinh viên ghi nhớ mà quan trọng hơn là phải định hướng, tổ chức cho sinh viên tự mình khám phá ra những qui luật, thuộc tính mới của các vấn đề khoa học. Giúp sinh viên không chỉ nắm bắt được tri thức mà còn biết cách tìm đến những tri thức ấy. Thực tiễn cũng như phương pháp dạy học hiện đại còn xác định rõ: càng học lên cao thì tự học càng cần được coi trọng, nói tới phương pháp dạy học thì cốt lõi chính là dạy tự học. Phương pháp tự học là cầu nối giữa học tập và nghiên cứu khoa học. sinh viên cần có thói quen nghiên cứu khoa học, mà để có được thói quen ấy thì không thể không thông qua con đường tự học. Muốn thành công trên bước đường học tập và nghiên cứu thì phải có khả năng phát hiện và tự giải quyết những vấn đề mà cuộc sống, khoa học đặt ra.

Một trong những phẩm chất quan trọng của mỗi cá nhân là tính tích cực, sự chủ động sáng tạo trong mọi hoàn cảnh. Và một trong những nhiệm vụ quan trọng của giáo dục là hình thành phẩm chất đó cho người học [H4.04.03.04]. Bồi dưỡng năng lực tự

học là phương cách tốt nhất để tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Bởi từ đó nền giáo dục mới mong đào tạo ra những lớp người năng động, sáng tạo, thích ứng với mọi thị trường lao động, góp phần phát triển cộng đồng. Có thể xem tính tích cực (hình thành từ năng lực tự học) như một điều kiện, kết quả của sự phát triển nhân cách thế hệ trẻ trong xã hội hiện đại. Trong đó hoạt động tự học là những biểu hiện sự gắng sức cao về nhiều mặt của từng cá nhân người học trong quá trình nhận thức thông qua sự hưng phấn tích cực. Mà hưng phấn chính là tiền đề cho mọi hứng thú trong học tập. Có hứng thú người học mới có được sự tự giác say mê tìm tòi nghiên cứu khám phá. Hứng thú là động lực dẫn tới tự giác. Tính tích cực của con người chỉ được hình thành trên cơ sở sự phối hợp ngẫu nhiên giữa hứng thú với tự giác. Nó bảo đảm cho sự định hình tính độc lập trong học tập.

Tự học giúp cho mọi người có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định năng lực phẩm chất và đề cống hiến. Tự học giúp con người thích ứng với mọi biến cố của sự phát triển kinh tế - xã hội. Bằng con đường tự học mỗi cá nhân sẽ không cảm thấy bị lạc hậu so với thời cuộc, thích ứng và bắt nhịp nhanh với những tình huống mới lạ mà cuộc sống hiện đại mang đến, kể cả những thách thức to lớn từ môi trường nghề nghiệp. Nếu rèn luyện cho người học có được phương pháp, kỹ năng tự học, biết linh hoạt vận dụng những điều đã học vào thực tiễn thì sẽ tạo cho sinh viên lòng ham học, nhờ đó kết quả học tập sẽ ngày càng được nâng cao.

Xây dựng được phương pháp tự học, đặc biệt là sự tự giác, ý chí tích cực chủ động sáng tạo sẽ khơi dậy năng lực tiềm tàng, tạo ra động lực nội sinh to lớn cho sinh viên.

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập là công cụ quan trọng xác định kỹ năng, năng lực nhận thức của người học, giúp giảng viên phân hóa được trình độ của sinh viên, trên cơ sở đó điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy học. Tuy nhiên do số lượng sinh viên trong một lớp khá đông nên việc giảng viên bồi dưỡng thêm cho những sinh viên yếu còn bị hạn chế. Cách thức kiểm tra đánh giá đã được cải tiến cho phù hợp với chuẩn đầu ra, không chỉ dựa vào kết quả bài thi kết thúc học phần mà còn kết hợp với điểm đánh giá quá trình học tập và được thể hiện trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

Kết quả hoạt động dạy và học được đánh giá hàng năm thể hiện trong báo cáo tổng kết Khoa, Nhà trường [H4.04.03.05]. Để thúc đẩy nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường tổ chức cho giảng viên tham gia học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và đi thực tập ngắn hạn ở các nước tiên tiến [H4.04.03.06].

Với người học, Đoàn thành niên Khoa phối hợp với Đoàn thanh niên Trường thường xuyên tổ chức các Khóa đào tạo kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm, tổ chức các buổi tọa đàm hướng nghiệp cho sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng về cơ hội việc làm, kinh nghiệm làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp cho sinh viên [H4.04.03.07].

## **2. Điểm mạnh**

Chương trình đào tạo của Ngành được thiết kế với cấu trúc các học phần và tỷ lệ giữa giờ giảng lý thuyết, thảo luận, bài tập và bài tập lớn trong từng học phần được đánh giá phù hợp, giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề, suy luận, xử lý và truyền đạt thông tin. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy mới hiện nay coi người học là trung tâm đã khuyến khích sinh viên ham học hỏi, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

## **3. Điểm tồn tại**

Các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học vẫn còn hạn chế; một số giảng viên còn ít quan tâm đến khâu tổ chức cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu, ra bài tập về nhà và kiểm tra bài tập về nhà của sinh viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018 và các năm tiếp theo, Nhà trường sẽ tiếp tục hướng dẫn việc tổ chức các hội nghị, hội thảo về đổi mới, cải tiến phương pháp dạy và học từ cấp bộ môn cũng như cấp khoa chất lượng hơn. Tiếp tục mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm và nghiên cứu chuyên sâu hơn về đổi mới phương pháp dạy - học cho cán bộ giảng viên, nhất là cán bộ giảng viên trẻ.

Bên cạnh đó, Khoa xây dựng chú trọng tới các giảng viên về phương pháp dạy học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học bằng một số nội dung sau đây:

- Xây dựng động cơ học tập: người giảng viên phải tùy đặc điểm môn học, tùy đặc điểm tâm sinh lý của đối tượng để tìm ra những biện pháp thích hợp nhằm khơi dậy hứng thú học tập và năng lực tiềm tàng nơi sinh viên. Và, điều quan trọng hơn là tạo mọi điều kiện để sinh viên tự kích thích động cơ học tập của mình.

- Xây dựng kế hoạch học tập: hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch ngắn hạn, dài hơi thậm chí từng môn, từng phần phải được tạo lập thật rõ ràng, nhất quán cho từng thời điểm từng giai đoạn cụ thể sao cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của mình.



- Nắm vững nội dung tri thức: Khối lượng kiến thức và các kỹ năng được hình thành nhanh hay chậm, nắm bắt vấn đề nông hay sâu, rộng hay hẹp, có bền vững không... tùy thuộc vào nội lực của chính bản thân sinh viên trong bước mang tính đột phá này. Nó bao gồm các hoạt động: Tiếp cận thông tin - Xử lý thông tin - Vận dụng tri thức, thông tin - Trao đổi, phổ biến thông tin.

- Kiểm tra đánh giá kết quả học tập: Dùng các thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của GV, bản thân sinh viên tự đánh giá, sự đánh giá nhận xét của tập thể thông qua thảo luận, tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu... Thông qua nó sinh viên tự đối thoại để thẩm định mình, hiểu được cái gì làm được, điều gì chưa thỏa mãn nhu cầu học tập nghiên cứu để từ đó có hướng khắc phục hay phát huy.

- Cách nghiên cứu: Trước hết là dạy sinh viên cách xác định đề tài, chủ đề nghiên cứu sao cho phù hợp với sở trường năng lực của mình và yêu cầu của chuyên ngành đào tạo. Tiếp đến là dạy cách lựa chọn và tập hợp, phân loại thông tin và cách xử lý thông tin trong khuôn khổ thời gian cho phép. Xác định nguồn tài liệu, điều tra, thực nghiệm. Tài liệu sẽ lấy từ nguồn nào, giới hạn phạm vi bao nhiêu, cách viện dẫn những thông tin ra sao cho chính xác, trích dẫn những vấn đề điển hình nào cho có tính thuyết phục...

Đạt được những nội dung trên, giảng viên đã xây dựng cho sinh viên có được khả năng tự học suốt đời, tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực được đào tạo.

**5. Tự đánh giá Tiêu chí 4.3:** Đạt (mức 5/7 điểm).

#### **Kết luận tiêu chuẩn 4:**

Với mục tiêu giáo dục rõ ràng, Khoa xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng đã đưa ra được phương pháp dạy và học đúng đắn, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra, thúc đẩy việc rèn luyện kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Tuy nhiên, công tác lấy ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng đối với mục tiêu giáo dục được thực hiện chưa hiệu quả. Cần xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau khi tốt nghiệp một cách có hệ thống, đây chính là cơ sở quan trọng cho việc triển khai các hoạt động khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của cựu người học và nhà tuyển dụng trong những năm tiếp theo.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, ngành Kỹ thuật xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí và cả 3 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 5:**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC**

#### **Mở đầu**

Đánh giá kết quả học tập của người học là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục đại học. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và nghề nghiệp sau này của người học đồng thời cũng cung cấp cho Nhà trường và Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ người học. Việc giá kết quả học tập của người học của ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế để đo lường được mức độ đạt được chuẩn đầu ra của ngành, bao trùm được cả kiến thức và kỹ năng chung cũng như chuyên ngành. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học đều được thông báo công khai tới người học thông qua sổ tay sinh viên lúc mới nhập học. Trước khi bắt đầu mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng về quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

***Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.***

#### **1. Mô tả**

Trên cơ sở các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá đã được ban hành của Bộ giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã ban hành quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá [H5.05.01.01]. Cụ thể, việc đánh giá kết quả học tập hiện nay của Nhà trường không chỉ căn cứ vào điểm kết thúc học phần mà để đảm bảo đáp ứng chuẩn đầu ra [H5.05.01.01] thì điểm học phần được tổng hợp từ điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần.

Điểm đánh giá quá trình do giảng viên trực tiếp giảng dạy đánh giá, được tổng hợp từ các điểm đánh giá bộ phận: điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm bài tập lớn [H5.05.01.02], [H5.05.01.03]. Với phương pháp đánh giá đa dạng và liên tục giúp người học chủ động hơn trong việc tự học, tự nghiên cứu, trình bày vấn đề

thảo luận và vận dụng kiến thức đã tiếp thu được vào làm bài tập, tích cực chuẩn bị bài học khi lên lớp. Phương pháp đánh giá của từng học phần đều được thể hiện trong đề cương chi tiết và được giáo viên chủ động thông báo ngay khi bắt đầu học phần đó để người học nắm được [H5.05.01.03].

Đề thi kết thúc học phần do Trung tâm đảm bảo chất lượng rút ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi được thiết lập sẵn và đảm bảo yêu cầu về chương trình đào tạo đặt ra. Bộ đề thi được thiết kế tương đương về nội dung cho tất cả các hình thức đào tạo để đảm bảo mặt bằng chất lượng. Đề thi được thiết kế theo hướng dẫn của Nhà trường về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng đề thi. Các hình thức kiểm, đánh giá kết quả người học của Nhà trường, Khoa được phổ biến và công khai thông qua Sổ tay sinh viên, đề cương chi tiết các học phần [H5.05.01.03].

Khoa Xây dựng đã hoàn thành tất cả đề cương chi tiết các học phần, quy định rõ ràng về yêu cầu và cách thức kiểm tra đánh giá [H5.05.01.03]. Để nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh đầu vào để có thể đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng như công tác kiểm tra đánh giá, đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thành lập Trung tâm Đảm bảo chất lượng, là đơn vị chuyên trách về công tác kiểm tra đánh giá, độc lập với công tác đào tạo. Thành lập phòng Thanh tra giáo dục, là đơn vị chuyên trách về thanh tra, kiểm tra hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá để đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập của người học là khách quan, chính xác và công bằng. Công tác ra đề thi và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được tổng kết và báo cáo hàng năm [H5.05.01.04].

Kết quả khảo sát lấy ý kiến người học về đánh giá kết quả học tập cho thấy: đại đa số sinh viên đánh giá đáp ứng yêu cầu trong kiểm tra đánh giá học phần; người học đồng ý với hình thức và nội dung đánh giá của giáo viên đã khuyến khích phát triển tính tích cực, sáng tạo của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức đã học; đồng ý với đề thi học phần đã tổng hợp được kiến thức quan trọng của học phần, kích lệ khả năng vận dụng sáng tạo của người học. Một số ít sinh viên có kiến nghị về kết quả học tập và đã được Khoa, Nhà trường tạo điều kiện tiếp cận quy trình khiếu nại và giải quyết thỏa đáng [H5.05.01.01].

## **2. Điểm mạnh**

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với người học của khoa Xây dựng được thực hiện theo đúng quy trình kiểm tra đánh giá quy định, được đa dạng hóa,

đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với phương thức đào tạo, mục tiêu và chuẩn đầu ra từng học phần.

### **3. Điểm tồn tại**

Khoa chưa tổ chức khảo sát đánh giá việc áp dụng các loại hình thi, kiểm tra đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của từng chuyên ngành.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, khoa tổ chức triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê, phân tích định lượng các kết quả thi của sinh viên mỗi học kỳ để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

Khoa lên kế hoạch họp định kỳ điều chỉnh chương trình đào tạo giữa hội đồng đào tạo của khoa với các bộ môn nhằm điều chỉnh hoạt động đào tạo phù hợp và thống nhất quy chuẩn điều chỉnh chung, căn cứ trên những phản hồi của người học và nhà tuyển dụng, đồng thời cũng căn cứ trên nhu cầu thực tế của xã hội.

Đẩy mạnh giảng dạy tiếng Anh nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp, khuyến khích các giảng viên đăng ký giảng dạy các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh, điều này sẽ góp phần lớn trong việc trang bị kiến thức ngoại ngữ cho sinh viên sau khi tốt nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.1: Đạt (mức 5/7 điểm)**

*Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.*

#### **1. Mô tả**

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được khoa Xây dựng thực hiện theo đúng văn bản quy định về phương pháp, quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường, tài liệu hướng dẫn về thiết kế câu hỏi, đề thi và ngân hàng câu hỏi [H5.05.01.01], [H5.05.02.01]; được thông báo công khai cho người học về các tiêu chí đánh giá kết quả học tập trên Website của Nhà trường, khoa Xây dựng, Sổ tay sinh viên và đề cương chi tiết các học phần cho người học [H5.05.02.02]. Đề cương chi tiết các học phần của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng có quy định rõ ràng phương thức kiểm tra đánh giá học phần. Điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình (trọng số 30%) và điểm thi kết thúc học phần (trọng số 70%)

[H5.05.01.01]. Cách thức đánh giá điểm quá trình bao gồm điểm chuyên cần, thái độ học tập, thảo luận, bài tập, thực hành, thí nghiệm, kiểm tra giữa kỳ,... Được công bố trên lớp cho người học khi bắt đầu học phần. Giảng viên thông báo công khai điểm đánh giá quá trình cho người học trên lớp trước khi kết thúc thời gian học.

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

- Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình chung của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó tính theo thang điểm 4, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ đạt từ điểm D trở lên tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình chung tính theo thang điểm 4 của các học phần, được đánh giá bằng các điểm chữ đạt từ điểm D trở lên mà sinh viên đã học, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét.

Thang điểm đánh giá kết quả học tập theo từng học phần được quy định như sau:

<b>Điểm chữ</b>	<b>Điểm 10 tương ứng</b>	<b>Quy ra thang điểm 4</b>
A	8,5 - 10,0	4
B+	8,0 - 8,4	3,5
B	7,0 - 7,9	3
C+	6,5 - 6,9	2,5
C	5,5 - 6,4	2
D+	5,0 - 5,4	1,5
D	4,0 - 4,9	1
F	< 4,0	0

Điểm học phần được tổ hợp từ các điểm đánh giá bộ phận, gồm:

- Điểm chuyên cần, chiếm trọng số 10% điểm học phần, bao gồm: điểm chuyên cần và thái độ học tập (có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà).

Sinh viên phải dự học ở lớp từ 80% số tiết học của học phần trở lên mới đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Sinh viên không được dự thi học phần bị tính điểm 0 (điểm F) cho học phần đó và phải học lại.

- Điểm đánh giá giữa học phần, chiếm trọng số 20% điểm học phần, bao gồm các loại: điểm kiểm tra bài cũ, kiểm tra giữa kỳ, seminar, bài tập... được tổng hợp thành 1 con điểm (Mỗi học phần phải có ít nhất một bài kiểm tra và giảng viên phải trình các bài kiểm tra giữa kỳ cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận).

- Điểm thi kết thúc học phần, chiếm trọng số 70% điểm học phần, cụ thể như sau:

+ Học phần không có thực hành, thí nghiệm thì điểm thi kết thúc học phần là điểm của bài thi học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường.

+ Học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi cuối học kỳ (ký hiệu  $a_3$ ) và điểm phần thí nghiệm (ký hiệu là  $a_3'$ ) là trung bình cộng điểm của các bài thí nghiệm làm tròn đến một chữ số thập phân.

Tất cả các điểm bộ phận đều cho theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Giảng viên trực tiếp chấm điểm chuyên cần và thái độ học tập, điểm đánh giá giữa học phần, điểm các bài thí nghiệm và phải thông báo công khai cho sinh viên trước khi nộp điểm về văn phòng khoa.

+ Đối với các học phần thực hành, thí nghiệm:

Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các bài thực hành, thí nghiệm. Nếu vắng mặt ở bài thực hành, thí nghiệm nào thì phải tự túc kinh phí để làm lại bài thực hành, thí nghiệm đó theo quy định của Nhà trường.

Điểm học phần thực hành, thí nghiệm là trung bình cộng điểm của các bài thực hành, thí nghiệm trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Công thức tính điểm học phần

+ Đối với học phần không có thực hành, thí nghiệm:

$$a = a_1 \cdot 0,1 + a_2 \cdot 0,2 + a_3 \cdot 0,7$$

+ Đối với các học phần có cả lý thuyết và thực hành :

$$a = a_1 \cdot 0,1 + a_2 \cdot 0,2 + \left( \frac{a_3 \cdot m + a_3' \cdot n}{m + n} \right) \cdot 0,7$$

(làm tròn đến một chữ số thập phân)

Trong đó:

*a: điểm học phần*

*a<sub>1</sub>: điểm chuyên cần*

*a<sub>2</sub>: điểm đánh giá giữa học phần*

*a<sub>3</sub>: điểm thi kết thúc học phần phần lý thuyết (gồm cả bài tập, seminar)*

*a<sub>3'</sub>: điểm phần thực hành, thí nghiệm*

*m: số tiết lý thuyết (gồm cả bài tập, seminar)*

*n: số tiết thực hành, thí nghiệm*

Công thức nêu trên được lập trong phần mềm quản lý điểm học phần. Giảng viên và cán bộ văn phòng chỉ nhập các điểm bộ phận a<sub>1</sub>, a<sub>2</sub>, a<sub>3</sub>, a<sub>3'</sub>, phần mềm quản lý đào tạo sẽ chuyển thành điểm học phần.

Vào đầu học kỳ, giảng viên in danh sách sinh viên lớp học phần do mình đảm nhận giảng dạy để theo dõi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Cuối học kỳ, giảng viên nộp danh sách kèm bảng điểm bộ phận cho Trưởng bộ môn kiểm tra, xác nhận, sau đó chuyển cho văn phòng khoa chuyên ngành và cùng với cán bộ văn phòng khoa chuyên ngành nhập điểm vào phần mềm quản lý đào tạo và ký xác nhận vào bảng điểm in sau khi nhập xong dữ liệu.

Thời gian thi kết thúc học phần do phòng Đào tạo lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho sinh viên ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu. Bộ môn phụ trách môn học yêu cầu cán bộ giảng dạy nhập điểm quá trình (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và điểm thi kết thúc học phần (10 ngày sau khi thi kết thúc học phần) và công bố công khai cho người học. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.01.01].

Nhà trường, khoa Xây dựng đã có quy định rõ ràng về đồ án tốt nghiệp ngành Kỹ thuật xây dựng: cấu trúc đồ án tốt nghiệp, trách nhiệm của sinh viên và giáo viên hướng dẫn sinh viên thực hiện đồ án tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần đồ án tốt nghiệp cụ thể như sau:

Điểm quá trình (trọng số 0,2) được tính từ điểm của hai cán bộ hướng dẫn. Trong đó điểm của cán bộ hướng dẫn căn cứ vào điểm chuyên cần, điểm thái độ (trọng số 0,3) và điểm chất lượng đồ án (trọng số 0,7).

Điểm bảo vệ đồ án tốt nghiệp (trọng số 0,8) là điểm của 5 thành viên trong các

tiêu ban chấm đồ án tốt nghiệp [H5.05.01.01].

Thông qua kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học về công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của Khoa Xây dựng cho thấy hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần đã được giáo viên thông báo và giải thích rõ ràng trước khi học, đa số người học đánh giá số lượng bài kiểm tra, hình thức, nội dung, thời gian, thời lượng kiểm tra và các tiêu chí đánh giá của khoa Xây dựng đều đáp ứng yêu cầu. Theo kết quả khảo sát ý kiến, hầu hết người học và giảng viên hài lòng của chương trình đào tạo về khả năng tiếp cận, việc nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá.

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học theo chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc kiểm tra đánh giá giữa kỳ cần có kế hoạch rõ ràng và đề thi kiểm tra giữa kỳ cần có phê duyệt của các bộ môn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, khoa Xây dựng và các bộ môn tiếp tục thực hiện tốt các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo công khai cho người học. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện tốt các quy định về việc kiểm tra đánh giá giữa kỳ.

Các bộ môn xây dựng ngân hàng các đề thi giữa kỳ, phân công cán bộ hỗ trợ xem thi cùng cán bộ giảng dạy trong kiểm tra đánh giá giữa kỳ.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.2: Đạt (mức 5/7 điểm)**

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.***

### **1. Mô tả**

Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập người học của ngành Kỹ thuật xây dựng theo đúng các quy định về các phương pháp và các quy trình kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H5.05.01.04] bao gồm 3 hình thức thi: thi tự luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm. Hình thức thi của từng của từng học phần do bộ môn phụ trách của học phần đó đề xuất và ghi rõ trong đề cương chi tiết [H5.05.01.01]. Đề thi của ngành Kỹ thuật xây dựng được thiết kế theo quy trình để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị như sau:



- Xác định mục đích đề thi;
- Xác định hình thức thi: thi tự luận hay trắc nghiệm hay kết hợp cả hai;
- Biên soạn bộ đề thi;
- Xem xét lại việc biên soạn đề thi.

Để đảm bảo tính chính xác, cập nhật của đề thi và hạn chế việc sinh viên tự thu thập đề thi và chuẩn bị trước, khoa Xây dựng đã chỉ đạo các bộ môn và cán bộ giảng dạy thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần trên cơ sở trên cơ sở có tham khảo ý kiến của giáo viên trực tiếp giảng dạy các học phần đó. Các đề thi khi đưa ra đều được đánh giá độ tin cậy để đánh giá được năng lực của sinh viên. Độ tin cậy cũng như chất lượng của đề thi được khoa Xây dựng thực hiện mỗi khi có thay đổi, bổ sung về đề thi trong các năm học. Đề thi được Hội đồng đào tạo khoa Xây dựng xét duyệt, đánh giá kỹ lưỡng, phù hợp với đề cương chi tiết học phần và đảm bảo chuẩn đầu ra mỗi môn học. Mỗi bài thi kết thúc học phần đều có hai giảng viên chấm; bảng điểm mỗi môn học, ngoài hai giảng viên chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn để đảm bảo sự khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi [H5.05.01.04]; [H5.05.03.01]

*Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần:*

- Căn cứ vào kế hoạch đào tạo, Nhà trường tổ chức thi kết thúc học phần theo từng học kỳ. Sinh viên dự thi kết thúc học phần theo lịch thi và hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần của Nhà trường.

- + Đối với từng học phần, mỗi lần học sinh viên chỉ được dự thi một lần. Nếu điểm học phần chưa đạt, sinh viên phải học lại.

- + Sinh viên vắng thi không có lí do chính đáng phải nhận điểm 0 đối với học phần vắng thi và phải học lại học phần đó.

- Trung tâm Đảm bảo chất lượng chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo và các khoa đào tạo lập kế hoạch thi và tổ chức kỳ thi các học phần cho từng học kỳ.

- Nhà trường ban hành văn bản quy định và hướng dẫn tổ chức kỳ thi kết thúc học phần để thực hiện thống nhất trong toàn trường.

- Lưu trữ bài thi: Bài thi viết, bài tập lớn, tiểu luận được lưu giữ tại văn phòng khoa ít nhất là 3 năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp bài tập lớn, tiểu luận.

*Hình thức thi kết thúc học phần và đề thi:*

- Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính), vấn đáp, bài tập lớn, thi thực hành trực tiếp trên máy tính.

Các khoa đào tạo đề nghị Hiệu trưởng duyệt và công bố hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

Quy định thời gian thi theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan như sau:

+ Tự luận

90 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

120 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

+ Trắc nghiệm khách quan (trên giấy hoặc trên máy tính)

40 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

60 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

+ Các học phần thi thực hành trực tiếp trên máy tính

60 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức 2 tín chỉ.

75 phút đối với các học phần có khối lượng kiến thức từ 3 tín chỉ trở lên.

Đề thi kết thúc học phần được lấy từ ngân hàng đề thi. Nhà trường có văn bản hướng dẫn và triển khai xây dựng đề thi học phần.

*Thực tập cuối khóa, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần chuyên môn thay thế:*

- Thực tập cuối khóa

Yêu cầu, nội dung, quy trình thực hiện và đánh giá kết quả thực tập được quy định ở văn bản quy định và hướng dẫn do Hiệu trưởng ban hành.

- Đồ án tốt nghiệp

+ Đồ án tốt nghiệp được xem là một học phần có khối lượng kiến thức 5 - 10 tín chỉ tùy theo ngành đào tạo và được quy định trong “Khung chương trình đào tạo”.

+ Điều kiện để làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ của các học phần trong chương trình tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét làm đồ án, không bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Giao đồ án tốt nghiệp

+ Trường khoa chủ quản thông báo cho sinh viên đủ điều kiện về học lực và phẩm chất đạo đức nộp đơn đăng ký làm đồ án tốt nghiệp. Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa xem xét và lập danh sách trình Trường khoa ký đề nghị Hiệu trưởng xét duyệt. Sau khi có Quyết định của Hiệu trưởng, Trường khoa thông báo cho sinh viên thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên do khoa phân công.

+ Giảng viên hướng dẫn, tổ bộ môn và khoa có trách nhiệm theo dõi tiến độ và đánh giá đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án tốt nghiệp. Các phương pháp đánh

giá kết quả học tập người học của Khoa Xây dựng được đánh giá là công bằng, khách quan thể hiện ở trong các biên bản họp lớp sinh viên, biên bản tổng kết công tác sinh viên hàng tháng, hàng năm không có bất kỳ ý kiến phản ánh nào từ phía sinh viên về công tác này [H5.05.03.02].

Trên cơ sở báo cáo tổng kết công tác ra đề, báo cáo của Ban thanh tra, số liệu thống kê đơn từ của sinh viên về điều chỉnh điểm, Nhà trường, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, khoa Xây dựng xem xét và cải tiến phương pháp đánh giá cho phù hợp đảm bảo sự đa dạng, tin cậy và công bằng.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác kiểm tra đánh giá kết quả người học của khoa Kỹ thuật xây dựng được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và đảm bảo chất lượng chung giữa các các môn học, giữa các chuyên ngành trong chương trình đào tạo của khoa Xây dựng.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác rà soát, nội dung đề án các môn học, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường và khoa Xây dựng sẽ tổ chức khảo sát và đánh giá việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá (kể cả với kiểm tra giữa kì) theo hướng tiếp cận CDIO đối với từng học phần trong chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng để có thể phân tích mức độ phù hợp với tính đặc thù của ngành học.

Khoa khuyến khích giảng viên thiết kế đề cương và cách thức đánh giá điểm môn học theo CDIO một cách toàn diện. Khoa sẽ xây dựng hệ thống các quy định chung về kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, trên cơ sở đó, lập kế hoạch triển khai định kỳ tổng kết, đánh giá, lấy ý kiến về hiệu quả của công tác đổi mới phương pháp dạy và học một cách đồng bộ.

Định kỳ từng năm học, các bộ môn và Khoa triển khai đánh giá chất lượng và độ khó của đề thi thông qua việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi của người học để kịp thời chỉnh sửa và bổ sung.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.3: Đạt (mức 4/7 điểm)**

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.***

**1. Mô tả**

Kết quả học tập của người học được tổng hợp thành hồ sơ lưu trữ tại văn phòng Khoa và báo cáo công tác tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của khoa Xây dựng [H5.05.04.01]. Cụ thể, số liệu thống kê tỷ lệ sinh viên các khóa đạt kết quả khá và giỏi nhằm xem xét sự tiến bộ của sinh viên sau các năm học. Kết quả cho thấy tỷ lệ sinh viên ở các năm học cuối tốt hơn kết quả của sinh viên ở các năm học đầu tiên. Nhà trường đã thực hiện việc cảnh báo kết quả học tập theo từng kỳ giúp sinh viên có kết quả học tập kém nắm được và có phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo chương trình và có được công việc đúng ngành nghề sau khi tốt nghiệp [H5.05.04.02].

Kết quả học tập của người học được các bộ môn, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai: gửi kết quả về gia đình, thông qua các buổi họp lớp và trang web của Nhà trường thông qua tài khoản điện tử để người học có phản hồi và kịp thời cải thiện việc học tập [H5.05.04.03]. Sinh viên có thể tra cứu điểm trên tài khoản cá nhân hoặc cổng thông tin của trường. Sinh viên cũng có quyền được yêu cầu chấm phúc khảo theo quy định của Nhà trường.

Hệ thống văn bằng chứng chỉ của người học được Nhà trường quản lý và cấp phát đúng quy chế về quản lý và cấp phát văn bằng chứng chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết thúc mỗi khóa học người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại sổ cấp bằng và xác nhận các thông tin liên quan. Trong quá trình in ấn bằng tốt nghiệp, đôi khi còn những nhầm lẫn và sai sót thông tin, vấn đề này được lập biên bản tiêu hủy, đồng thời xin cấp phôi bằng khác để in bằng bổ sung, đảm bảo thời gian cấp bằng cho người học đúng theo quy định.

Kết quả học tập của người học được Nhà trường tổ chức quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống lưu trữ ở văn phòng khoa đào tạo, trung tâm đảm bảo chất lượng và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường. Dữ liệu học tập của người học được sao lưu tự động vào hệ thống máy chủ [H5.05.04.03]. Cuối mỗi học kỳ, khoa Xây dựng đều tiến hành tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học về cách thức, thời gian phản hồi kết quả học tập. Các thông tin phản hồi về

kết quả đánh giá đã được Khoa sử dụng để cải thiện việc học tập trong các học kỳ tiếp theo, kết quả cải tiến đã mang lại sự hài lòng cũng như chất lượng của người học. Hệ thống phần mềm quản lý các hệ đào tạo của Nhà trường được thiết kế bài bản và khoa học giúp Nhà trường, khoa Xây dựng, phòng Đào tạo, trung tâm đảm bảo chất lượng quản lý kết quả học tập của người học chặt chẽ, chính xác với độ tin cậy cao; hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.03].

Quy định về chấm thi và thông báo kết quả thi cho người học được thực hiện theo quyết định ban hành quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Vinh. Riêng với thi vấn đáp và bảo vệ đồ án các môn học, đồ án tốt nghiệp thì được công bố công khai sau buổi thi, buổi bảo vệ. Bộ môn có trách nhiệm quản lý và phân công cán bộ nhập điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp điểm về văn phòng khoa chậm nhất 9 ngày sau khi thi kết thúc học phần (2 ngày cắt phách và 07 ngày chấm thi) [H5.05.01.04].

Trong quá trình học sinh viên có quyền đề nghị Khoa cấp bằng điểm chính thức của một hoặc nhiều kỳ đã học. Bảng điểm này ghi kết quả học tập cho tất cả các học phần mà sinh viên đã học trong các học kỳ mà sinh viên xin cấp bằng điểm [H5.05.02.02].

## **2. Điểm mạnh**

Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn, tạo điều kiện tốt nhất trong học tập cho người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong một số thời điểm, do hạn chế về hạ tầng mạng, việc truy cập xem điểm cũng như thông tin xét tốt nghiệp, cấp bằng trên phần mềm quản lý đào tạo bị tác nghẽn, gây khó khăn cho công tác quản lý và người học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, nhà trường có kế hoạch đầu tư thêm máy chủ, nâng cấp đường truyền Internet và hoàn thiện phần mềm chuyên dụng cho các hoạt động liên quan đến lưu trữ kết quả người học và hoạt động đào tạo

Các biện pháp dự kiến triển khai:

- Xây dựng đội ngũ chuyên viên theo dõi, thống kê, đánh giá quá trình học tập

của sinh viên (dựa trên phần mềm quản lý) để có báo cáo Nhà trường và cảnh báo học tập cho sinh viên.

- Xây dựng hệ thống nhận phản hồi của sinh viên, phân tích, đánh giá và tư vấn cho khoa Xây dựng và cho Nhà trường để điều chỉnh công tác đào tạo theo hướng tích cực.

- Xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đủ năng lực, đủ số lượng để tư vấn, định hướng, hỗ trợ cho sinh viên trong khoa.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu cho từng sinh viên (điểm tích lũy, điểm rèn luyện, thông tin cá nhân,...) để thực hiện chế độ giám sát, lưu trữ.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.4: Đạt (mức 5/7 điểm)**

***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.***

##### **1. Mô tả**

Kết quả học tập được thông báo và công khai và rõ ràng. Khoa Xây dựng tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên dễ dàng theo dõi kết quả học tập của mình, đơn giản và thuận lợi trong việc tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của người học khi cần thiết. Quy trình và thời gian xử lý khiếu nại về kết quả học tập của người học của khoa Xây dựng được thực hiện theo đúng quy định về thủ tục khiếu nại kết quả học tập của người học của Nhà trường [H5.05.05.01]. Trong quá trình học tập, người học được quyền phúc khảo khiếu nại kết quả học tập, cụ thể:

- Đối với điểm quá trình học tập (điểm chuyên cần thái độ và kiểm tra giữa kỳ), khoa Xây dựng yêu cầu cán bộ giảng dạy phải công bố ở buổi dạy cuối cùng trong đợt học. Sinh viên có quyền khiếu nại trực tiếp với giảng viên trực tiếp giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp.

- Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy điểm trên cổng thông tin điện tử không chính xác thì sinh viên làm đơn gửi trung tâm đảm bảo chất lượng đề nghị xem xét lại. Các bộ môn cùng cán bộ giảng dạy phối hợp với trung tâm đảm bảo chất lượng để giải quyết cho sinh viên theo đúng quy định.

Việc sửa điểm, điều chỉnh điểm học phần (điểm chuyên cần, điểm đánh giá giữa học phần, điểm thi kết thúc học phần...) do sai sót trong các khâu nhập điểm, chấm điểm hay bất kỳ ở một khâu nào khác, phải được lập biên bản đề nghị sửa điểm và

minh chứng kèm theo có chữ ký xác nhận của cán bộ vào điểm, cán bộ chấm, Trưởng bộ môn, Trưởng khoa, Trưởng phòng Đào tạo gửi về Trung tâm Đảm bảo chất lượng để xem xét sửa, cập nhật lại điểm.

Trung tâm Đảm bảo chất lượng chỉ được phép sửa điểm trên hệ thống khi có biên bản, hồ sơ đề nghị của các khoa đào tạo theo đúng quy định như trên. Việc sửa điểm phải được lưu dấu tích trên hệ thống mạng quản lý điểm và được phân quyền cho các đơn vị: Trung tâm đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo để phối hợp quản lý, theo dõi xác định kết quả điểm phục vụ cho quá trình xét cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp và các vấn đề khác liên quan đến kết quả học tập của sinh viên. Các hồ sơ sửa điểm phải được lưu giữ tại Trung tâm Đảm bảo chất lượng để phục vụ cho công tác kiểm tra, thanh tra khi có yêu cầu của Nhà trường.

Phòng thanh tra của Nhà trường là bộ phận có nhiệm vụ giám sát việc giải quyết khiếu nại kết quả học tập của sinh viên. Để tiếp nhận những khiếu nại về kết quả học tập của người học thì Nhà trường có bộ phận trực để tiếp nhận các khiếu nại của người học. [H5.05.01.01].

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, người học [H5.05.05.01] cũng như kết quả của báo cáo tổng kết công tác sinh viên hàng năm của Nhà trường cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và 100% người học đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo và đội ngũ cán bộ cố vấn học tập; trợ lý đào tạo; trợ lý quản lý sinh viên vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã ban hành quy trình khiếu nại về kết quả học tập để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường Đại học Vinh, khoa Xây dựng và các bộ môn đảm bảo được quyền lợi cho người học khi có thắc mắc về kết quả học tập.

## **3. Điểm tồn tại**

Vẫn còn một tỷ lệ nhỏ người học cho rằng họ chưa thực sự được tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại kết quả học tập.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm 2018, khoa Xây dựng sẽ phổ biến quy định, quy trình khiếu nại về kết quả học tập trong các lần gặp gỡ sinh viên các khóa và trong các buổi sinh hoạt lớp của sinh viên nhằm giúp người học tiếp cận dễ dàng hơn quy định này.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được Khoa công bố rõ ràng và thường xuyên trên trang cá nhân của sinh viên, được thực hiện đúng quy chế đào tạo.

Công tác ra đề, coi thi, chấm thi... được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc nhằm đảm bảo tính công bằng, nghiêm túc, khách quan, Việc kết hợp kiểm tra, đánh giá dựa trên kết quả đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết góp phần giúp Khoa đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng cũng như năng lực của sinh viên.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 5.5: Đạt (mức 5/7 điểm)**

##### **Kết luận tiêu chuẩn 5:**

Việc đánh giá kết quả người học theo chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Vinh, phù hợp với chuẩn đầu ra được ban hành và được thông báo rõ ràng, công khai đến tất cả các người học với phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của người học chưa được thuận lợi.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí trong đó: 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm



## **Tiêu chuẩn 6:**

### **ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN**

#### **Mở đầu**

Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần một lực lượng giảng viên có đủ năng lực để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ giảng viên là nhiệm vụ trọng tâm.

Đội ngũ giảng viên của ngành Kỹ thuật xây dựng là lực lượng chủ chốt trong quy trình đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Kỹ thuật xây dựng. Chất lượng của đội ngũ giảng viên quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực của khoa Xây dựng.

Khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng với đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên, qui hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là nhiệm vụ vô cùng quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Phòng Tổ chức - Cán bộ là đơn vị chuyên trách việc quản lý và nắm bắt tình hình nhân sự, tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường về công tác tổ chức và cán bộ, xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ gắn liền với Chiến lược phát triển Trường, từ chiến lược này đã xây dựng những kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và 45 chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể hàng năm [H6.06.01.01]

Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên, nhân viên cho các đơn vị [H6.06.01.02], [H6.06.01.03]. Việc tuyển dụng cán bộ đều xuất phát từ nhu cầu của các đơn vị. Xuất phát từ kế hoạch chiến lược của Khoa đào tạo và Nhà trường, các đơn vị đề xuất nhu cầu tuyển dụng, vị trí việc làm và thông qua Chi bộ, Đảng bộ, sau đó đề nghị Nhà trường phê duyệt. Kế hoạch tuyển chọn, danh sách thí sinh, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên trang web của Nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước:

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị.

- Tổ chức thi giảng (đối với cán bộ giảng dạy) hoặc thi chuyên môn nghiệp vụ (cán bộ hành chính); thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Do vậy, Trường không chỉ tuyển được cán bộ là những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi, xuất sắc từ các trường khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Nông nghiệp, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,... cũng như du học sinh được đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo và trên cơ sở đề xuất tuyển dụng của đơn vị [H6.06.01.04].

Nhà trường đã ban hành và triển khai thực hiện tốt Quy định tiêu chuẩn tuyển chọn cán bộ, công chức, viên chức vào công tác tại Trường. Quy định này đảm bảo cho quá trình tuyển dụng được thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai theo tinh thần cải cách hành chính, tránh được phiền hà, tiêu cực, vì vậy được người đến dự tuyển, toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Trường đồng tình ủng hộ [H6.06.01.02].

Đặc biệt, Đảng uỷ trường đã ra Hướng dẫn số 03/HĐ-ĐU ngày 19/10/2015 về Xây dựng qui hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý và Hướng dẫn số 02/HĐ-ĐU ngày 19/10/2015 về rà soát bổ sung qui hoạch cán bộ Trường, phó các phòng ban Trung tâm, Trạm trụ thuộc Trường nhiệm kỳ 2015-2020. Công tác tổ chức và cán bộ, đề ra các giải pháp tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý nhằm thực hiện tốt mục tiêu của Nhà trường [H6.06.01.05].

Dựa trên các tiêu chí, quy định chung của toàn trường, Ban chủ nhiệm khoa xây dựng và Hội đồng đào tạo cũng thường xuyên họp, đánh giá tình hình và đề ra các tiêu chí riêng trong việc thu hút, tuyển dụng những cán bộ giảng dạy có chất lượng tốt phục vụ chiến lược phát triển lâu dài của Khoa. Dự thảo các tiêu chí tuyển dụng như tinh thần nhiệt huyết, yêu nghề, năng lực chuyên môn tốt, ham nghiên cứu khoa học, đồng thời với đó là các cơ chế làm việc linh hoạt nhằm thu hút các ứng viên. Ngoài ra, việc quan tâm, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với giảng viên được khoa Xây dựng thường xuyên thực hiện. Nhà trường và khoa Xây dựng đã đưa ra kế hoạch số lượng cán bộ, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2016-2020 [H6.06.01.06].

Định kỳ, Nhà trường, Khoa Xây dựng tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, qua đó để đánh giá chất lượng của giảng viên. Kết quả cho thấy đội ngũ giảng viên của Khoa đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.07].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa Xây dựng luôn chú trọng đến quy mô và quy hoạch đội ngũ giảng viên để đảm bảo chất lượng đào tạo của Khoa cũng như đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, công khai, minh bạch, Khoa đã tuyển được đội ngũ giảng viên có năng lực, trình độ chuyên môn tốt; đã bổ nhiệm được những cán bộ có uy tín, có năng lực quản lý vào các vị trí công tác.

Toàn khoa hiện tại có 43 cán bộ giảng dạy, trong đó có 5 Tiến sỹ đang làm việc, 13 nghiên cứu sinh tiến sỹ và sau tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài, 22 thạc sỹ khoa học và kỹ thuật, 3 kỹ sư và kiến trúc sư. Trong 5 năm vừa qua, với định hướng mở rộng ngành nghề và nâng cấp chương trình đào tạo. Khoa đã thu hút, tuyển dụng được 7 cán bộ giảng dạy trẻ có chuyên môn nghiệp vụ khá, giỏi từ các trường hàng đầu trong nước. Trong đó có 1 thạc sỹ khoa học, 2 thạc sỹ kỹ thuật, 4 kỹ sư xây dựng có kinh nghiệm thực tế, đúng chuyên ngành đáp ứng nhu cầu tiêu chí phát triển đa ngành của khoa. Trong xu thế hội nhập và phát triển, khoa luôn đề ra các định hướng phát triển cụ thể, đổi mới và nâng cao chất lượng dạy và học, mở thêm các mã ngành đáp ứng nhu cầu xã hội như ngành Công trình Thủy, ngành Kinh tế xây dựng. Đồng thời với đó là sẵn sàng các cơ chế làm việc thích hợp nhằm thu hút ứng viên có chất lượng cao như thưởng bằng tiền đối với các cán bộ thi đạt trình độ tiếng anh từ 6.0 trở lên, có bài cáo nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí nước ngoài mà đặc biệt là có chỉ số

ISI hoặc Scopus. Đầu tư xây dựng phòng thực hành thí nghiệm với nhiều máy móc hiện đại giúp các cán bộ trong khoa có thể triển khai các nghiên cứu khoa học ứng dụng, cơ chế làm việc thoải mái, môi trường trao đổi học thuật tự do, xây dựng nhiều nhóm nghiên cứu với định hướng phát triển khoa thành khoa trọng điểm trong trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Công tác bồi dưỡng cán bộ còn chậm, năng lực ngoại ngữ của một số cán bộ còn yếu, nghiệp vụ sư phạm, khả năng xây dựng và phát triển chương trình của một số cán bộ trẻ còn hạn chế.

Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) còn chậm và chưa có tính đột phá. Nhận xét, đánh giá cán bộ trước khi đưa vào quy hoạch trong một số trường hợp chưa chặt chẽ; phát hiện, giới thiệu nguồn cán bộ đưa vào quy hoạch còn hạn chế. Công tác quản lý và thực hiện quy hoạch có nơi chưa được đề cao, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ.

### **4. Kế hoạch hành động**

Tiếp tục quan tâm hơn nữa công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên để Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học trong Nhà trường.

Nguyên nhân cơ bản của những tồn tại, hạn chế trên là do nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về công tác quy hoạch cán bộ chưa đầy đủ, chưa thật sự quyết tâm cao trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Trong thời gian tới, cần quan tâm hơn nữa công tác quy hoạch đội ngũ giảng viên để Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng đào tạo và NCKH.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

#### **1. Mô tả**

Hiện tại, Khoa Xây dựng có 43 cán bộ giảng dạy với 05 tiến sĩ; tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ là 11,6%; số cán bộ có trình độ Thạc sĩ 81,4%. Trong đó có 13 giảng viên đang làm NCS trong và ngoài nước (chiếm 30,2%). Bên cạnh đội ngũ giảng viên

cơ hữu, Khoa Xây dựng có sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học đến từ các trường Đại học lớn trong nước như trường Đại học Xây dựng Hà Nội, Đại học Giao thông Vận tải Hà Nội, ... và các Doanh nghiệp xây dựng như Công ty dầu khí 101 Nghệ An, Sở xây dựng Nghệ An, ... tham gia đào tạo đại học và sau đại học tại Khoa Xây dựng.

Khoa Xây dựng có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở các chuyên ngành. Tỷ lệ quy đổi sinh viên chính qui trên giảng viên cơ hữu là 22,49 sinh viên/ 1 giảng viên. Đội ngũ giảng viên ở các bộ môn có cơ cấu hợp lý về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định.

Các giảng viên không chỉ thực hiện tốt công tác đào tạo mà còn tham gia hiệu quả các hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ. Kết quả nghiên cứu khoa học của các cán bộ giảng viên được tính giờ chuẩn quy đổi một cách cụ thể như đối với các bài báo đăng tạp chí trong nước được tính 200 giờ chuẩn, đối với các bài báo đăng tạp chí nước ngoài được tính 400 giờ chuẩn. Ngoài ra các hoạt động công đồng như Seminar được tính quy đổi tương đương 35 giờ chuẩn nếu báo cáo bằng tiếng Việt và 55 giờ chuẩn nếu báo cáo bằng tiếng Anh. Các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác đều được tính giờ chuẩn quy đổi đảm bảo thúc đẩy tinh thần làm việc của các cán bộ. Cụ thể, trong giai đoạn 2011 - 2016, cán bộ, giảng viên của Khoa Xây dựng đã thực hiện 10 đề tài cấp Cơ sở; có 70 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế [H6.06.02.01].

Trong 5 năm qua, khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của giảng viên Khoa Xây dựng được thực hiện theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên và Thông tư 47/2014/TT- BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với GV. Giảng viên phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 270 tiết/năm và về NCKH là 170 tiết/năm đối với GVCC, GVC, GV [H6.06.02.02]. Định kỳ hàng tháng và mỗi năm học việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác được thực hiện thông qua đánh giá kết quả hoạt động để hưởng thu nhập tăng thêm và xếp loại thi đua [H6.06.02.03]. Về cơ bản, toàn thể cán bộ trong khoa đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, không có cán bộ nào bị thiếu giờ ảnh hưởng đến kết quả thi đua. Bên cạnh đó, có nhiều cán bộ giảng viên dạy vượt giờ chuẩn, giờ nghiên cứu khoa học vượt

nhiều so với tiêu chuẩn. Các hoạt động cộng đồng chuyên môn được các cán bộ tham gia tích cực, có nhiều đóng góp, đáp ứng được cơ bản mục tiêu đề ra. Các giảng viên luôn tỏ ra hài lòng và hào hứng với nhiệm vụ và công việc được giao, cố gắng góp sức mình cho sự phát triển toàn diện của Khoa và của Nhà trường.

Ngoài công tác quản lý trực tiếp của các Bộ môn, Khoa Xây dựng còn có các đơn vị như phòng thanh tra đào tạo, phòng khoa học và hợp tác quốc tế, phòng quản lý học sinh sinh viên cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của Giảng viên, từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của đơn vị ngày càng được nâng cao.

Như vậy, Khoa Xây dựng có đủ số lượng giảng viên đảm bảo tiêu chuẩn để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH trong giai đoạn hiện nay cũng như phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển của Nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ người học/GV và khối lượng công việc của từng GV ngành Kỹ thuật xây dựng được xác định rõ ràng và được giám sát bởi các bộ môn, Khoa, các đơn vị chức năng trong Nhà trường góp phần để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy ngành Kỹ thuật xây dựng có chuyên môn tốt, nhiệt huyết và đam mê nghiên cứu khoa học. Các cán bộ luôn vui vẻ, tỏ ra rất hài lòng với cơ chế làm việc của khoa và luôn phấn đấu làm việc vượt giờ chuẩn. Chủ động tổ chức các hoạt động ngoại khóa như đưa sinh viên đi tham quan thực tế các công trình xây dựng trong thành phố, giảng dạy trực tiếp trên các công trình thực tế tạo dựng niềm đam mê cho sinh viên ngành.

Về lĩnh vực NCKH, các cán bộ giảng viên luôn tìm tòi những hướng nghiên cứu mới, lập thành các tổ nhóm nghiên cứu phát triển các đề tài đang làm, kết nối Trung tâm thực hành thí nghiệm để triển khai các đề tài mới. Các nhóm NCKH hoạt động tích cực và đạt được cơ bản các thành quả nhất định trong thời gian qua.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù tỷ lệ người học/GV đáp ứng đúng theo quy định, số lượng GV có trình độ Thạc sĩ trở lên đạt yêu cầu nhưng số lượng giảng viên đang đi làm NCS trong và ngoài nước tương đối cao (chiếm 30,2%). Do vậy khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên trên thực tế vẫn cao so với yêu cầu của Nhà trường. Dự kiến đến năm 2020,

Khoa Xây dựng sẽ có 5 giảng viên hoàn thành luận án tiến sĩ và nâng tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ lên 23,2%, giảm tỉ lệ giảng viên đi làm NCS xuống 18,6%.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa Xây dựng tiếp tục duy trì tỷ lệ SV/GV theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; các giảng viên phấn đấu luôn hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn khác, tăng cường đội ngũ GV có trình độ tiến sĩ và có học hàm học vị cao, chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng sẽ tăng lên.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.*

##### **1. Mô tả**

Xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực, trình độ cao là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy đại học. Chính vì vậy, để đảm bảo tuyển được GV có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng được chuyên môn nghiệp vụ thì Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy trình về công tác tuyển dụng.

Các cá nhân khi đăng ký dự tuyển vào làm GV của Nhà trường phải đảm bảo các quy định chung quy định tại Điều 22 của Luật Viên chức năm 2010 và Điều 4 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, đó là có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển và các tiêu chuẩn cụ thể khác do Nhà trường và Khoa quy định. Các quy định này được xác định dựa trên những đề xuất của các Bộ môn trong Khoa có nhu cầu tuyển dụng như: tốt nghiệp từ loại khá, giỏi trở lên thuộc lĩnh vực đào tạo và ưu tiên những trường hợp có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ, tin học giỏi. Các ứng cử viên phải đảm bảo có kiến thức chung về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành hoặc lĩnh vực tuyển dụng; Các quy định pháp luật về viên chức, đạo đức nhà giáo. Với viên chức làm GV thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 2/6, có trình độ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn:

mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 đơn vị học trình của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong số 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Ban chấm thi [H6.06.03.01]. Tất cả các tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển chọn GV nói trên đều được Nhà trường công bố công khai bằng công văn, trên website và các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại phòng TCCB [H6.06.03.02].

Khi đã trúng tuyển, ứng viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và khoa Xây dựng người tập sự sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trên thực tế trong 5 năm qua, khoa đã tuyển dụng cho ngành Kỹ thuật xây dựng 4 cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên. Đến nay, các cán bộ đã qua giai đoạn tập sự và chính thức ký kết hợp đồng làm việc với Nhà trường, tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ, giới thiệu học các lớp cảm tình đảng để kết nạp trong thời gian tới.

Công tác quy hoạch nhằm tạo nguồn đội ngũ cán bộ quản lý được Nhà trường, Khoa thực hiện bài bản, định kỳ theo đúng yêu cầu của Bộ GD&ĐT. Việc quy hoạch được tiến hành công khai, minh bạch, đảm bảo quyền dân chủ của tất cả cán bộ viên chức, đảm bảo quy hoạch những người có năng lực, trình độ vào các vị trí quản lý, tạo nguồn cán bộ bổ nhiệm đến năm 2020 [H6.06.03.03]. Trong 5 năm qua, các cán bộ được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo đều đáp ứng các tiêu chí đề ra, vị trí Trưởng bộ môn do Tiến sỹ đảm nhiệm, phó bộ môn có học vị là Thạc sỹ kỹ thuật theo đúng quy định.

Công tác bổ nhiệm được thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, bảo đảm sự kế thừa và phát triển đội ngũ viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ quản lý nhận được phản hồi tích cực từ phía tập thể GV trong Nhà trường thông qua hội nghị tổng kết năm học và đối thoại với Hiệu trưởng Nhà trường. Việc bổ nhiệm cán bộ luôn được làm đúng quy trình nên được các cán bộ trong khoa nhiệt tình hưởng ứng, ủng hộ tuyệt đối các cán bộ được bổ nhiệm làm quản lý, điều này được thể hiện rõ trong biểu quyết công khai bằng hình thức giơ tay 100% tán thành ngay trong Hội nghị.

## **2. Điểm mạnh**

Việc thi tuyển viên chức hàng năm được tổ chức nghiêm túc, công khai, đúng quy định của luật viên chức và quy định của nghị định về tuyển dụng, sử dụng và quản



lý viên chức cũng như quy định của Nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và cụ thể. Bổ nhiệm vào ngạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường.

### **3. Điểm tồn tại**

Do tính chất ngành nghề Kỹ thuật xây dựng nên để giảng dạy tốt cần thiết phải kết nối với công trình thực tế ở bên ngoài, một số cán bộ vừa giảng dạy vừa tham gia làm ngoài nên có ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn, không mong muốn học tập nâng cao học hàm học vị, khoa chưa có giải pháp cụ thể để khuyến khích số ít cán bộ này tham gia nghiên cứu khoa học để phát triển chuyên môn.

Mặc dù đã có cơ chế tuyển dụng và sử dụng lao động rất linh hoạt và mềm dẻo, tuy nhiên cũng gặp không ít khó khăn trong việc tuyển dụng được cán bộ có học vị cao, có năng lực đạo đức và chuyên môn giỏi, chủ yếu định hướng đào tạo cán bộ trẻ mới tuyển dụng là chủ yếu.

### **4. Kế hoạch hành động**

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm đối với GV cần được tiếp tục thực hiện theo đúng quy định và được phổ biến công khai cho những đối tượng có nhu cầu thi tuyển vào làm công tác giảng dạy tại các Bộ môn trong Khoa Xây dựng.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Hiện nay, Nhà trường không có chức danh nghiên cứu viên nhưng việc nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ lao động sản xuất thuộc về giảng viên và đó cũng là một trong hai nhiệm vụ chính của giảng viên của Trường Đại học Vinh [H6.06.04.01]. Năng lực của người giảng viên được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực nghiên cứu khoa học.

- Về năng lực sư phạm, bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài Trường; Năng lực đánh giá; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm kiếm thông tin;

Năng lực tư duy; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; Năng lực viết báo cáo khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án.

Đối với GV giảng dạy của ngành Kỹ thuật xây dựng, năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy chi tiết, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT và tư vấn học tập.

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng NVSP [H6.06.04.02]. Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có thể đạt được các năng lực sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Việc đánh giá GV được Nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, giảng viên của Trường Đại học Vinh một cách công bằng và khách quan. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác, tu dưỡng, rèn luyện để bộ môn đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó kết quả đánh giá này được đánh giá tiếp bởi Khoa và Nhà trường [H6.06.04.03].

## **2. Điểm mạnh**

Năng lực của GV ngành Kỹ thuật xây dựng được xác định rõ ràng và được đánh giá bởi chính cá nhân GV cũng như đánh giá từ phía Nhà trường, Khoa, các bộ môn và người học theo đúng quy định.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng SV tham gia đánh giá cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm còn ít và một số ít cán bộ còn chưa hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học hàng năm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Cần quan tâm hơn nữa đến công tác thông tin tới sinh viên về tầm quan trọng của phiếu đánh giá cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm trong việc đánh giá năng lực của giảng viên. Ngoài ra công tác đánh giá bình xét thi đua cho giảng viên cần tổ chức có hiệu quả để đảm bảo đánh giá đúng năng lực của giảng viên.

Đối với những giảng viên chưa vững vàng trong công tác NCKH, chưa chủ động trong việc triển khai các đề tài NCKH, Khoa Xây dựng phân công cho các

Bộ môn, các trưởng nhóm NCKH xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai từng bước các đề tài NCKH và hướng dẫn, hỗ trợ các giảng viên để từng bước tự chủ trong việc công bố các kết quả NCKH của bản thân. Trong năm 2017-2018, Khoa Xây dựng đã thành lập 3 nhóm NCKH với trưởng nhóm là các Tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm triển khai các đề tài NCKH, công bố các kết quả NCKH trong và ngoài nước. Đồng thời các nhóm nghiên cứu có sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.4: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

##### **1. Mô tả**

Hầu hết các giảng viên được tuyển dụng vào Trường Đại học Vinh nói chung và Khoa Xây dựng nói riêng đều là những người có trình độ và được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn. Điều này phù hợp với quy định về việc phải có trình độ thạc sĩ trở lên khi giảng dạy đại học và phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm. Hiện nay, giảng viên Khoa Xây dựng có học vị tiến sĩ chiếm tỷ lệ 11,6%, học vị thạc sĩ chiếm tỷ lệ 81,4%. Khoa Xây dựng bố trí 97% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên đảm nhận giảng dạy lý thuyết. Tính đến nay toàn bộ giảng viên của ngành Kỹ thuật xây dựng đã có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định [H6.06.05.01].

Hiện tại Nhà trường chưa có hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên một cách thường xuyên nhưng chủ trương xây dựng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ là chủ trương xuyên suốt, trọng tâm của Nhà trường cũng như Khoa Xây dựng. Nhằm từng bước xây dựng đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật GDĐH và Điều lệ trường đại học, Nhà trường đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giảng viên giai đoạn 2015-2020 [H6.06.05.02].

Nhà trường có hệ thống văn bản khuyến khích giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, có đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế giai đoạn 2016-2020, có chính sách ưu đãi về tài chính, có ưu đãi về giờ giảng. Các giảng viên của Khoa trong thời gian đào tạo, bồi

dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 70% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức học phí cùng bậc học của trường [H6.06.05.03].

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng có chính sách khuyến khích, động viên giảng viên trẻ đi học thạc sỹ, nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Nhiều giảng viên của Khoa sau khi hoàn thành việc học tập đã được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý. Ngoài ra, theo quy định của Nhà trường, giảng viên được cử đi học tập nghiên cứu sinh và hoàn thành nhiệm vụ của mình đúng thời hạn sẽ được khen thưởng và tôn vinh trong lễ tổng kết năm học.

Hàng năm trên cơ sở kế hoạch chiến lược của các Bộ môn, Khoa Xây dựng lên kế hoạch cử các giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong và ngoài nước. Tổng kết năm học 2017-2018, Khoa Xây dựng đã cử 01 giảng viên đi học lớp Cao cấp lý luận chính trị tại Hà Nội, 04 giảng viên đi học lớp Trung cấp lý luận chính trị tại Nghệ An, 03 giảng viên đi học Thạc sỹ, 01 NCS ngoài nước, 02 NCS trong nước. Trong năm học tới, Khoa Xây dựng dự kiến cử 05 giảng viên đi làm NCS ngoài nước.

Thực tế hiện nay một bộ phận giảng viên do hạn chế về năng lực sử dụng ngoại ngữ làm ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa Xây dựng. Để nâng cao chất lượng ngoại ngữ của giảng viên, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, Khoa Xây dựng khuyến khích các giảng viên tham gia các lớp nâng cao trình độ ngoại ngữ trong và ngoài trường.

## **2. Điểm mạnh**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên ngành Kỹ thuật xây dựng luôn được xác định để có chiến lược bồi dưỡng, nâng cao trình độ giảng viên.

## **3. Điểm tồn tại**

Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ của ngành Kỹ thuật xây dựng chưa đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT.

Năng lực ngoại ngữ của một số cán bộ còn hạn chế ít nhiều ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện để các giảng viên đi học tập đặc biệt là ở nước ngoài, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sỹ chiếm 25% tổng số giảng viên cơ hữu.

Khoa Xây dựng đã thành lập câu lạc bộ tiếng Anh, với sự chủ trì của Chi đoàn cán bộ đã và đang từng bước nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên trong Khoa. Hàng tuần Chi đoàn cán bộ có các buổi seminar tiếng Anh, phương pháp học tập, sử dụng tiếng Anh, ...để các giảng viên tham gia sinh hoạt. Trong thời gian tới, Khoa Xây dựng sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng của các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ tiếng Anh, từng bước khắc phục nhược điểm trên.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.5: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

##### **1. Mô tả**

Ngày 09/5/2016, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã ký Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh thay thế quy định được ban hành theo Quyết định số 555/QĐ-ĐHV ngày 09/03/2012 và các văn bản trước đây của Nhà trường về các vấn đề có liên quan. So với trước, quy định lần này có một số điểm mới cần lưu ý.

Sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, Quy định về quản lý hoạt động KH&CN đã thực sự trở thành hành lang pháp lý quan trọng, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, cán bộ - giảng viên của Nhà trường trong việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, quy định cũng đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập nhất định. Đặc biệt, trong thời gian gần đây, Chính phủ và các bộ ngành liên quan đã ban hành một số văn bản mới, như: Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 230/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều lệ trường đại học (theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ); Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chế độ làm việc đối với giảng viên; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học

và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Quyết định số 5830/QĐ-BGDĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ có sử dụng ngân sách Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 30/12/2015 của liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành "Quy định về quản lý đề tài khoa học công nghệ cấp bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo",... điều này đã đặt ra yêu cầu cần kịp thời bổ sung, sửa đổi một số điều của quy định.

Để có đầy đủ thông tin, bám sát tình hình thực tế triển khai cũng như ý nguyện của các nhà khoa học và cán bộ, giảng viên trong toàn Trường, ngày 08/9/2015, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã có công văn số 3255/ĐHV-KH&HTQT lấy ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung quy định quản lý các hoạt động KH&CN trong Nhà trường. Trên cơ sở các ý kiến đóng góp và các quy định hiện hành của Nhà nước về công tác quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN), Phòng KH&HTQT đã chủ trì chỉnh sửa, bổ sung Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh và xin ý kiến rộng rãi toàn thể các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên trong toàn Trường bằng nhiều hình thức khác nhau: đăng trên eOffice, gửi email trực tiếp, trao đổi phi chính thức,... Sau khi tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện quy định và thực hiện các quy trình ban hành văn bản của Nhà trường, ngày 09/5/2016, Hiệu trưởng Nhà trường đã ký quyết định số 480/QĐ-ĐHV ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh. So với trước, quy định lần này có một số điểm mới cần lưu ý:

1. Bổ sung loại hình KH&CN "Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Trường". Chương trình KH&CN trọng điểm cấp Trường do Hội đồng KH&ĐT Nhà trường đề xuất và Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định phê duyệt để triển khai nhằm hướng tới các sản phẩm KH&CN hoàn chỉnh, trình độ cao. Thời gian thực hiện chương trình KH&CN trọng điểm cấp Trường không quá 05 năm. Hằng năm, căn cứ khung chương trình KH&CN trọng điểm cấp Trường được phê duyệt,

Ban Chủ nhiệm chương trình phối hợp với Phòng KH&HTQT tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN thuộc chương trình, kinh phí và tổ chức triển khai thực hiện.

2. Bổ sung nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn tập thể/cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Căn cứ nội dung nghiên cứu, sản phẩm và dự toán kinh phí thực hiện, Hội đồng tuyển chọn tập thể/cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Trường có trách nhiệm thẩm định và quyết định phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính. Do đó, thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp Trường cần thể hiện đầy đủ, rõ ràng các thông tin về số lượng, chất lượng, thông số kỹ thuật, ... của sản phẩm thuộc nhiệm vụ KH&CN.

3. Bổ sung yêu cầu về sản phẩm thuộc nhiệm vụ KH&CN: Sản phẩm thuộc nhiệm vụ KH&CN các cấp phải ghi rõ nguồn tài trợ kinh phí. Số lượng tối thiểu của sản phẩm thuộc nhiệm vụ KH&CN cấp Trường là: 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học được Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước (HĐCDGSNN) tính đến 0,5 điểm có ghi rõ nguồn kinh phí tài trợ (Ví dụ: Công trình này được tài trợ kinh phí (một phần kinh phí) từ nhiệm vụ KH&CN cấp..., Mã số:... ) hoặc 01 sản phẩm ứng dụng (mẫu, vật liệu, thiết bị máy móc, giống cây trồng, giống vật nuôi, quy trình công nghệ, tiêu chuẩn, quy phạm, sơ đồ, bản thiết kế, tài liệu dự báo, đề án, luận chứng kinh tế, phương pháp, chương trình máy tính, dây chuyền công nghệ, báo cáo phân tích, bản quy hoạch, giáo trình, sách giáo khoa, sách chuyên khảo hoặc bản thảo,...), có xác nhận của đơn vị chức năng về hiệu quả ứng dụng.

4. Bổ sung mới nội dung quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ: Nội dung Chương 5 nêu rõ quy định và định hướng thúc đẩy hoạt động hợp tác quốc tế về KH&CN của Trường Đại học Vinh trong thời gian tới.

5. Chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung liên quan đến công tác biên soạn, xuất bản giáo trình và tài liệu tham khảo: Để phù hợp với các quy định mới của Luật xuất bản ngày 20/11/2012, Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản cũng như các văn bản quy định mới của Nhà trường, nội dung Chương 8 đã được cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung.

6. Thay đổi định mức giờ nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, quy đổi giờ nghiên cứu khoa học đối với các loại hình, sản phẩm hoạt động KH&CN: Thực hiện Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, giờ nghiên cứu khoa học (NCKH) của cán bộ, giảng viên đã được thay đổi cơ bản theo hệ số lương. Điểm quy đổi giờ NCKH đối với các loại hình, sản phẩm hoạt động KH&CN đã được điều chỉnh theo hướng tăng lên đối với các sản phẩm KH&CN có chất lượng. Bổ sung tính giờ NCKH cho các hoạt động: hướng dẫn sinh viên NCKH, ôn luyện đội tuyển học sinh giỏi các cấp. Điểm NCKH của cán bộ/giảng viên được tích lũy trong tài khoản theo năm tài chính và được phép bảo lưu trong 02 năm.

Một điều đặc biệt lưu ý, đối với loại hình hoạt động seminar khoa học, chỉ tính các chuyên đề seminar có đăng ký kế hoạch và thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Mỗi buổi seminar khoa học không ít hơn 240 phút và được tính: Báo cáo seminar mỗi buổi được tính 35 giờ chuẩn nếu báo cáo bằng tiếng Việt, được tính 55 giờ chuẩn nếu báo cáo bằng tiếng Anh; Tham dự seminar mỗi buổi được tính 05 giờ chuẩn (nếu báo cáo bằng tiếng Việt), được tính 08 giờ chuẩn (nếu báo cáo bằng tiếng Anh). Nếu thời gian tổ chức seminar ít hơn quy định thì tính giờ quy đổi theo tỷ lệ: Giờ được tính = (Tổng giờ được tính theo định mức/4) x Số giờ thực hiện. Tổng số giờ NCKH được quy đổi từ hoạt động báo cáo và tham dự seminar của mỗi cá nhân được tính không vượt quá 40% định mức giờ NCKH của cá nhân đó.

7. Bổ sung các quy định liên quan công tác tổ chức, tham dự hội nghị/hội thảo khoa học. Nội dung Chương 10 quy định cụ thể các vấn đề liên quan công tác tổ chức hội nghị/hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế tổ chức tại Trường Đại học Vinh; các quy định liên quan đến việc tham dự, hội nghị/hội thảo khoa học ngoài Nhà trường của cán bộ/giảng viên.

Trên đây là một số điểm mới cơ bản trong Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh đã được ban hành kèm theo Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. [H6.06.06.01], [H6.06.06.02].

Mỗi giảng viên trong đơn vị đều nắm được khối lượng giờ NCKH mình phải đảm nhận và các quyền lợi sẽ đạt được khi hoàn thành hoặc hoàn thành vượt mức



nêu trên. Các chế độ khen thưởng được quy định rất rõ ràng trong quy định về công tác NCKH của Nhà trường. Trong quy định đó cũng nêu rõ số giờ chuẩn công nhận đối với từng sản phẩm khoa học cụ thể như bài báo đăng trên tạp chí 0,5 điểm trong nước, bài báo quốc tế, bài báo ISI, bài báo SCIE,... [H6.06.06.01]. Đồng thời nếu giảng viên hoàn thành vượt mức giờ NCKH trong năm học thì số giờ thừa đó sẽ được dự trữ và tiếp tục xét công nhận trong vòng 2 năm tiếp theo kể từ ngày công bố kết quả nghiên cứu. Điều này tạo động lực cho các giảng viên trong việc nỗ lực hoàn thành vượt mức giờ NCKH để dự trữ trong những năm tiếp theo, phòng trường hợp đặc biệt không mong muốn [H6.06.06.01].

Để giúp đỡ các giảng viên trẻ từng bước nắm bắt phương pháp công bố kết quả nghiên cứu và có thể tự mình triển khai nghiên cứu, công bố các kết quả của cá nhân trong thời gian ngắn, mỗi Bộ môn ngoài việc đốc thúc, nhắc nhở các giảng viên, sự nỗ lực của từng giảng viên, Bộ môn còn phân công các TS. có nhiệm vụ hướng dẫn, định hướng các giảng viên trẻ cùng tham gia nghiên cứu và công bố khoa học. Điều này thể hiện rõ trong các bài báo, các đề tài công bố của các Bộ môn Khoa xây dựng với sự tham gia của nhiều giảng viên trẻ. Ngoài ra, giảng viên hướng dẫn các nhóm sinh viên NCKH cũng được tính giờ NCKH và có chế độ khen thưởng để hỗ trợ các giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ, trong những bước đầu NCKH [H6.06.06.05] [H6.06.06.06].

Về công tác đào tạo, định mức giảng dạy đã được quy định rõ, chi tiết cho các giảng viên ở các trình độ cụ thể, như ThS., TS., PGS.TS, GS.TS,... Ngoài ra còn quy định rõ đơn giá thanh toán trong trường hợp vượt quá định mức giờ chuẩn [H6.06.06.07] [H6.06.06.08]. Trên cơ sở quy định đó, đầu mỗi năm học, Trưởng các bộ môn trong Khoa dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao và phân công khối lượng giờ giảng cho từng giảng viên theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý [H6.06.06.03], [H6.06.06.04].

Việc quy định các đơn giá thanh toán, định mức giờ chuẩn phải đảm nhận khác nhau theo trình độ của giảng viên nhằm mục đích khuyến khích các giảng viên tích cực học tập nâng cao trình độ của bản thân. Đồng thời Nhà trường cũng hỗ trợ

một phần các giảng viên có trình độ cao thông qua việc thanh toán giờ chuẩn đảm nhận với đơn giá cao hơn [H6.06.06.07].

Để khuyến khích hơn nữa các giảng viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo và NCKH, ngoài việc cụ thể hóa các hình thức khen thưởng trong các quyết định khen thưởng nêu trên, quy chế chi tiêu nội bộ,... Nhà trường đã ban hành Quy chế về công tác cán bộ, trong đó đưa các thành tích NCKH, đào tạo thành các tiêu chí xét khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên. Điều này thật sự có ý nghĩa khuyến khích, động viên, tạo động lực cho các giảng viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ của người giảng viên [H6.06.06.09].

Đối với việc đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên thực hiện CTĐT trong công tác giảng dạy, các Bộ môn lên kế hoạch seminar dự giờ, thăm lớp để góp ý lẫn nhau. Hàng năm Khoa Xây dựng có các buổi dự giờ cấp Trường để giúp cho các giảng viên có điều kiện cọ xát, nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp và hoàn thiện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm. Các Bộ môn, đứng đầu là Trưởng Bộ môn có trách nhiệm đánh giá hiệu quả công việc của giảng viên trong quá trình giảng dạy và chịu trách nhiệm về việc này. Ngoài ra, Khoa Xây dựng có thể triển khai các đợt khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên thông qua đánh giá của sinh viên [H6.06.06.10]. Các nội dung khảo sát được triển khai qua các chi đoàn để đảm bảo tính khách quan và các giảng viên không biết được việc triển khai này. Sau khi có kết quả khảo sát, BCN Khoa sẽ tổng hợp và đánh giá kết quả, từ đó đưa ra các nhắc nhở, khuyến cáo phù hợp đến các trường hợp chưa tốt.

Để đảm bảo giảng viên có đủ khả năng đảm nhận học phần được phân công, quy trình giảng viên đảm nhận giảng dạy một học phần như sau:

- Bộ môn họp và phân công giảng viên biên soạn nội dung giảng dạy của học phần.
- Giảng viên biên soạn bài giảng. Sau khi hoàn thành thì thông báo đến Trưởng Bộ môn.
- Trưởng bộ môn phân công giảng viên đọc phản biện.
- Seminar giảng thử cấp Bộ môn.
- Seminar cấp Khoa với sự chủ trì của Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa.

Trong thời gian mới đảm nhận giảng dạy học phần, các Bộ môn có trách nhiệm dự giờ thăm lớp để giúp cho giảng viên đó dạy tốt hơn. Nhà trường đã ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các Bộ môn, trong đó nêu rõ và chi tiết,

đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ của Bộ môn, trách nhiệm của Trưởng, phó các Bộ môn [H6.06.06.11].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã có các quy định rõ ràng về định mức NCKH, giảng dạy hàng năm, các hình thức, chế độ khen thưởng được cụ thể hóa và thông báo rộng rãi hàng năm để các giảng viên nắm được. Đồng thời Nhà trường đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, nâng lương trước thời hạn cho giảng viên, tạo ra động lực cho giảng viên trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong 5 năm vừa qua, các giảng viên của ngành Kỹ thuật xây dựng mới chỉ tham gia thực hiện các đề tài khoa học cấp Trường mà vẫn chưa có các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, đôn đốc, cải tiến phương pháp quản trị theo kết quả công việc của GV để khuyến khích GV trong giảng dạy và NCKH, tạo điều kiện hơn nữa để các giảng viên trong Khoa tiếp cận với các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.6: Đạt (mức 5/7 điểm).**

**Tiêu chuẩn 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.**

### **1. Mô tả**

Các hoạt động NCKH của GV Khoa Xây dựng được thực hiện theo quy định tại quyết định số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016 của Trường Đại học Vinh về ban hành quy chế quản lý khoa học và công nghệ [H6.06.07.01]. Theo đó hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường bao gồm:

- Xây dựng định hướng phát triển khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn, kế hoạch thực hiện khoa học công nghệ;
- Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu;
- Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao sở hữu trí tuệ;

- Ứng dụng và chuyển giao kết quả khoa học và công nghệ và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thực hiện dịch vụ khoa học công nghệ;
- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành;
- Tổ chức hoạt động NCKH cho SV, học viên cao học;
- Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về khoa học công nghệ;
- Xây dựng hệ thống thông tin về hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường;
- Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ khác.

Các giảng viên bên cạnh việc giảng dạy thì phải hoàn thành các khối lượng nghiên cứu: soạn bài giảng, viết bài báo khoa học, hướng dẫn NCKH sinh viên, tham gia và báo cáo tại các hội thảo, seminar, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề. Với hoạt động NCKH của SV, Nhà trường cũng có quy định cụ thể trong đó đưa tiêu chí hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học vào bình xét danh hiệu thi đua của giảng viên trong năm học [H6.06.07.01].

Các giảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ NCKH sẽ được xem xét khen thưởng; những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sẽ bị trừ thi đua và thu hồi kinh phí.

Việc đăng ký, xét duyệt đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường bao gồm: giảng viên đăng ký đề tài NCKH với các bộ môn theo thông báo về đăng ký danh mục đề tài NCKH của phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế ; Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa tổ chức xét duyệt các đề tài trên cơ sở bản thuyết minh đề tài của chủ nhiệm đề tài; phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế thẩm tra các đề tài đề xuất của Khoa trước khi báo cáo Nhà trường; lãnh đạo Nhà trường ra quyết định giao đề tài trên cơ sở kết quả xét duyệt của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường. Quy trình chặt chẽ và bài bản như trên đảm bảo công tác NCKH của các giảng viên đi theo định hướng chung của Nhà trường cũng như góp phần nâng cao chất lượng của các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp.

Hoạt động nghiên cứu của giảng viên được giám sát thông qua Bộ môn, Khoa. Bên cạnh đó phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế cũng thường xuyên theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Đối với các đề tài NCKH các cấp thì chủ nhiệm đề tài phải báo cáo tiến độ và kết quả 6 tháng một lần đồng thời được đề xuất, kiến nghị các nội dung cụ thể để đảm bảo chất lượng. Với đề tài NCKH sinh viên, lãnh đạo các bộ

môn, Khoa thường xuyên kiểm tra tiến độ đối với SV thực hiện và GV hướng dẫn.

Kết quả hoạt động nghiên cứu của giảng viên hàng năm là một trong những cơ sở để các Bộ môn, Khoa Xây dựng đánh giá giảng viên đạt các danh hiệu thi đua nhằm khuyến khích giảng viên tích cực tham gia vào hoạt động NCKH. Trong vòng 5 năm trở lại đây, Khoa Xây dựng có nhiều đề tài được nghiệm thu, biên soạn 04 sách tham khảo, 12 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 58 bài báo đăng trên tạp chí khoa học cấp ngành trong nước, hướng dẫn nhiều đề tài NCKH sinh viên trong đó có 01 đề tài đạt giải Ba sinh viên NCKH cấp Bộ năm 2017 [H6.06.07.02], [H6.06.07.03].

Hội nghị Khoa học công nghệ của Nhà trường và Khoa Xây dựng được định kỳ tổ chức nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động khoa học và công nghệ, thông báo các kết quả NCKH, triển khai tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết nghiên cứu khoa học và lao động sản xuất với các đơn vị nghiên cứu, sản xuất ngoài Trường [H6.06.07.04]. Tuy vậy có thể thấy chất lượng các sản phẩm nghiên cứu của giảng viên Khoa xây dựng chưa có bước tiến rõ rệt, thể hiện qua chất lượng các công bố hàng năm. Hầu hết các bài báo quốc tế của Khoa xây dựng đều không thuộc danh mục ISI, những bài ISI đều do các NCS ở nước ngoài công bố. Hiện nay giảng viên Khoa Xây dựng chủ yếu công bố các bài báo trong nước trên các tạp chí trường Đại học, tạp chí ngành,...

## **2. Điểm mạnh**

Giảng viên ngành Kỹ thuật xây dựng không những đáp ứng được nhiệm vụ giảng dạy mà còn đảm đương, hoàn thành hoạt động NCKH. Các GV luôn coi NCKH là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của người GV. Khối lượng giờ NCKH và các hoạt động NCKH của từng GV được thống kê và xác định rõ ràng để làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế còn ít, chưa có bài thuộc tạp chí được xếp hạng ISI, SCIE, chưa phản ánh được quy mô và tiềm năng của Khoa.

Một số ít cán bộ còn chưa hoàn thành nhiệm vụ khoa học công nghệ trong năm học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khuyến khích GV tích cực tham gia vào hoạt động NCKH, động viên các GV viết nhiều những bài báo có hàm lượng khoa học cao để đăng trên các tạp chí quốc tế.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 6.7: Đạt (mức 4/7 điểm).**

### **Kết luận tiêu chuẩn 6:**

Đội ngũ giảng viên của Khoa Xây dựng đảm bảo chất lượng về năng lực chuyên môn và NCKH. Giảng viên của Khoa được tuyển dụng theo đúng quy định về quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường và đã được công bố công khai. Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng đề cao công tác NCKH để giúp GV bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn. Chất lượng đội ngũ giảng viên của Khoa Xây dựng hiện nay đảm bảo đảm đương được nhiệm vụ giảng dạy, NCKH mà Khoa, Nhà trường giao.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 6 có 07 tiêu chí trong đó 05 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 01 tiêu chí đạt 6/7 điểm và 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 7:**

### **ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

#### **Mở đầu**

Chất lượng đào tạo phần lớn phụ thuộc vào mối quan hệ, tương tác giữa giảng viên và người học. Tuy nhiên, đội ngũ giảng viên không thể thực hiện tốt nhiệm vụ, người học khó có kết quả học tập tốt nếu thiếu chất lượng dịch vụ hỗ trợ của đội ngũ nhân viên. Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và hỗ trợ người học. Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển và hoàn thiện hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của giảng viên và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn.

***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên giai đoạn 2015 tầm nhìn 2025 là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Trường [H7.07.01.01].

Để làm tốt công tác quy hoạch, hàng năm Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng [H7.07.01.02] để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ chung của Nhà trường.

Cán bộ hỗ trợ cho Khoa Xây dựng có chức năng nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa: quản lý điểm thi; quản lý đăng ký học học kỳ phụ (lớp chung, lớp riêng), xét học bổng, xét ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH sinh viên; xét học bổng, đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV,...Số lượng cán bộ hỗ trợ cho Khoa được tuyển dụng căn cứ vào nhu cầu cán bộ hỗ trợ của Khoa.

Hiện nay Khoa Xây dựng có 05 cán bộ hỗ trợ đảm đương được khối lượng công việc được phân công, hỗ trợ đắc lực cho Khoa giải quyết các vấn đề cho giảng viên và người học [H7.07.01.03], [H7.07.01.04], [H7.07.01.05] trong đó có 3 cố vấn học tập, 2 trợ lý đào tạo với trình độ tối thiểu Thạc sỹ, có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy, tư vấn xây dựng chương trình đào tạo cho khoa và Nhà trường. Đối với đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng TN, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho GV và người học được thực hiện theo quy hoạch chung của Trường. [H7.07.01.03], [H7.07.01.04] [H7.07.01.05]

Đội ngũ nhân viên thư viện của Nhà trường đủ về số lượng, có trình độ, chuyên môn nghiệp vụ và trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt nhu cầu khai thác tài liệu sách báo của bạn đọc. Số lượng nhân viên thư viện của Trường là 17 người trong đó số người ở phòng đọc ngoại văn là 02 người. Với bộ phận sách ngoại văn là nơi phục vụ chủ yếu cho nhu cầu đọc của GV và SV, nhân viên chuyên trách tại bộ phận này đều thông thạo ngoại ngữ và tin học.

Đội ngũ CB CNTT của Nhà trường hiện nay đủ lớn và mạnh, đảm bảo sự hoạt động tốt của các thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất phục vụ chung trong Nhà trường, Khoa và các bộ môn.

Ngoài ra đội ngũ CVHT của Khoa phụ trách các lớp chuyên ngành thuộc Khoa Xây dựng phần lớn là các giảng viên trẻ với năng lực chuyên môn vững và khả năng tư vấn tốt, hỗ trợ kịp thời cho người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và người học [H7.07.01.06], [H7.07.01.07]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên tham gia khảo sát hài lòng với sự phục vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường. Số liệu thống kê về đội ngũ CB hỗ trợ được cập nhật theo từng giai đoạn đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.08].

Nhà trường đã thực hiện xây dựng Đề án vị trí việc làm theo Công văn số 960/BGDĐT-TCCB ngày 02/3/2015 của Bộ GD&ĐT, có kế hoạch triển khai nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.02]. Nhà trường đã ban hành đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế giai đoạn 2016- 2020



nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01].

## **2. Điểm mạnh**

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hiện nay đủ về số lượng và trình độ đảm bảo giúp GV đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Phiếu khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động của đội ngũ hỗ trợ từ GV và người học chưa thực sự phát huy hiệu quả trong công tác điều chỉnh và quy hoạch đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa CT.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2016 - 2017, Nhà trường và Khoa Xây dựng cần chú trọng công tác khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ từ GV và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.1: Đạt (mức 6/7 điểm).**

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.***

### **1. Mô tả**

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì Nhà trường, Khoa Xây dựng đã chú trọng đến công tác tuyển dụng. Vị trí, số lượng cần tuyển dụng cán bộ, nhân viên của Khoa, Trường dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực, kinh nghiệm, được thông báo công khai trên website [H7.07.02.01]. Nhà trường có ban hành văn bản quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí đảm bảo khối kiến thức chung và kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ (A1, A2), tin học văn phòng. Việc sắp xếp bố trí nhân lực theo đúng các tiêu chí của Nhà trường [H7.07.02.02].

Cán bộ hỗ trợ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của và yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với từng vị trí đảm bảo sự ổn định, kế thừa và phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý, tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo quản lý được đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện qua thực tiễn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Nhà trường [H7.07.02.03], [H7.07.02.04]. Quy trình bổ nhiệm được thực hiện theo đúng quy chế

bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh[H7.07.02.05].

Việc sắp xếp, bố trí cán bộ hỗ trợ hợp lý hay không được xác định thông qua các ý kiến phản hồi của các cấp quản lý, GV, cán bộ, SV. Số lượng cán bộ hỗ trợ được tuyển dụng, bổ nhiệm hàng năm được đưa vào báo cáo tình hình nhân sự của Nhà trường và được phổ biến công khai cho đội ngũ GV, nhân viên trong Trường được biết [H7.07.02.06].

## **2. Điểm mạnh**

Tiêu chí tuyển dụng cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng được quy định rõ ràng. Công tác bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ có đủ năng lực và phẩm chất chính trị đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn được thực hiện đúng quy trình bổ nhiệm cán bộ của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù đã tiếp thu các ý kiến phản hồi của giảng viên và sinh viên về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và NCKH của Khoa Xây dựng, nhưng các thông tin phản hồi chưa liên tục và đầy đủ để đáp ứng kịp thời các nhu cầu của giảng viên và sinh viên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường, Khoa và Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị chuyên môn tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng và bổ nhiệm cán bộ hỗ trợ theo đúng quy định và được phổ biến công khai và quan tâm nhiều hơn nữa tới những thông tin phản hồi từ giảng viên, cán bộ công nhân viên và sinh viên.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.2: Đạt (mức 6/7 điểm).**

### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.***

#### **1. Mô tả**

Trong các cuộc họp hội nghị CBVC, Đảng uỷ, Công đoàn Khoa, Trường đều xác định công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Nhà trường [H7.07.03.01]. Để làm được việc đó đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ CB hỗ trợ để giúp giảng viên và người học hoàn thành nhiệm vụ của mình và được thể hiện thông qua bảng dưới đây.

**Bảng thống kê năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ**

STT	Đơn vị đội ngũ cán bộ hỗ trợ	Năng lực				
		TS	ThS	Đại học	Cao đẳng	Tốt nghiệp 12/12
1	Trung tâm Công nghệ Thông tin		03	03		06
2	Trung tâm Đảm bảo chất lượng	02	09	02		13
3	Trung tâm Dịch vụ, HTSV &QHĐN		04	04		08
4	Trung tâm TT-TV Nguyễn Thúc Hào	01	04	28		33
5	Phòng CTCT-HSSV		06	02		08
6	Phòng Quản trị & Đầu tư		07	11	07	25
7	Trung tâm thực hành thí nghiệm	01	22	11		34
8	Trung tâm nghiên cứu - khởi nghiệp sáng tạo	13	01			14
9	Trạm y tế			01	07	08
10	Văn phòng Khoa Xây dựng			01	01	02
	<b>Tổng</b>					

Cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng được đánh giá phân loại hàng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mặt mạnh, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [H7.07.03.02].

Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ [H7.07.03.03] như sau:

- Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao;
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến;
- Quyết định đánh giá, phân loại của trưởng đơn vị.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng tháng thông

qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí được Nhà trường quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận.

Kết quả đánh giá cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.03.04]. Điều đó cho thấy đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa hoàn toàn đáp ứng được các công việc được giao.

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Không có.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường, Khoa Xây dựng tiếp tục thực hiện việc đánh giá phân loại đội ngũ cán bộ hỗ trợ chính xác và phù hợp đối với từng đối tượng đồng thời động viên, khuyến khích đội ngũ này hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò là người phục vụ gián tiếp công tác giảng dạy, NCKH.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.3: Đạt (mức 6/7 điểm).**

*Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.*

### **1. Mô tả**

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là các hoạt động để duy trì và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên, là điều kiện quyết định để Nhà trường có thể đứng vững và thắng lợi trong môi trường cạnh tranh. Vì vậy công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ cần phải thực hiện một cách có tổ chức và có kế hoạch [H7.07.04.01]. Kế hoạch này được xây dựng trên cơ sở và lấy ý kiến về nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của công nhân viên hàng năm và các chính sách của Nhà trường về phát triển năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ [H7.07.04.02].

Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ hỗ trợ được đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ với sự hỗ trợ về thời gian và kinh phí được quy định cụ thể trong văn bản quy định quyền và nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức, cán bộ quản lý [H7.07.04.01], [H7.07.04.02] như nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý và sử dụng

phần mềm máy tính. Trong các năm 2013 đến nay Khoa đã cử các cán bộ đi học Nghiên cứu sinh tại Australia, Liên Bang Nga, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ cơ hữu của Khoa Xây dựng đều được tạo điều kiện nâng cao trình độ và đã có trình độ thạc sĩ. Hàng năm các đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình tham gia bồi dưỡng của các cán bộ của đơn vị mình [H7.07.04.03].

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng năng lực của cán bộ hỗ trợ, Nhà trường, Khoa Xây dựng tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của GV, người học về các hoạt động hỗ trợ phát triển chuyên môn của Trường, Khoa [H7.07.04.04].

## **2. Điểm mạnh**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động cụ thể triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng chưa đều đặn và liên tục.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, Khoa xây dựng lên kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa, tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ hỗ trợ phục vụ tốt hơn cho đào tạo và NCKH của Khoa.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.4: Đạt (mức 6/7 điểm).**

*Tiêu chuẩn 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.*

### **1. Mô tả**

Nhà trường, Khoa Xây dựng đánh giá kết quả hoàn thành công việc của đội ngũ CB hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng, đặc biệt là theo quy định việc chấm lương tăng thêm của Nhà trường [H7.07.05.01], [H7.07.05.02]. Việc theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện nghiêm túc thông qua trưởng các đơn vị và bộ phận thanh tra theo các văn bản quy định của Nhà trường và Khoa.

Ngoài danh hiệu thi đua khen thưởng thì những cán bộ hỗ trợ có kết quả làm việc tốt đáp ứng các tiêu chuẩn trong thông báo của Nhà trường sẽ được xét nâng bậc lương trước thời hạn theo đúng quy định [H7.07.05.03].

Trong báo cáo tổng kết công tác thi đua khen thưởng hàng năm của Nhà trường đã thể hiện việc hoàn thành tốt nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên từ đó có chế độ động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ hỗ trợ trong Nhà trường nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ [H7.07.05.05]. Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa Xây dựng còn quan tâm tiếp thu ý kiến của cán bộ, nhân viên về công tác khen thưởng, nâng lương trước thời hạn để hoạt động này thực sự trở thành hoạt động có ý nghĩa trong phân loại và đánh giá cán bộ hỗ trợ, góp phần giúp đội ngũ này cải thiện hiệu quả công việc của mình.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác thi đua khen thưởng đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định rõ ràng và công khai giúp cho công tác quản trị kết quả công việc được triển khai tích cực trong Nhà trường và Khoa Xây dựng.

## **3. Điểm tồn tại**

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa rất khó khăn để phấn đấu đạt được danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở và nâng lương trước thời hạn theo các tiêu chuẩn trong quy định của công tác thi đua khen thưởng.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017 - 2018, Hội đồng thi đua khen thưởng của Nhà trường có kế hoạch bổ sung và điều chỉnh quyết định về thi đua khen thưởng phù hợp hơn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện để các cán bộ hỗ trợ của Khoa phát huy khả năng tự phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 7.5: Đạt (mức 6/7 điểm).**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 7:**

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về chất và lượng và được tuyển dụng đúng quy trình của Nhà trường, được công bố công khai. Trường Đại học Vinh và Khoa Xây dựng luôn tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ hỗ trợ bồi dưỡng và nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa Xây dựng hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Khoa và Nhà trường.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 7 có 05 tiêu chí, cả 05 tiêu chí đều đạt 6/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 8:**

### **NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC**

#### **Mở đầu**

Khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng nhận định người học là trung tâm của quá trình dạy - học, chất lượng người học sẽ quyết định sự phát triển của hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Khoa.

Năm học 2007 - 2008, Trường Đại học Vinh đã chuyển sang hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như hội nhập quốc tế. Ưu tiên của hình thức đào tạo này là giúp người học tăng cường ý thức trách nhiệm của bản thân trong quá trình đào tạo và dân chủ hóa trong giáo dục: người học tham gia các khâu trong quá trình đào tạo, từ việc lựa chọn các học phần tự chọn đến việc quy hoạch lộ trình thực hiện quá trình đào tạo tùy theo năng lực bản thân, khả năng tài chính và thời gian học tập. Để giúp người học tham gia vào quá trình đào tạo, Nhà trường và khoa Xây dựng đã tạo môi trường và điều kiện thuận lợi nhất nhằm hỗ trợ và giúp đỡ người học cụ thể: Nhà trường đã cử thêm thầy cô giáo làm Cố vấn học tập cho từng ngành nghề đào tạo với mục đích thể tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại Trường, hướng dẫn sinh viên đăng kí học phần từng học và tư vấn cho sinh viên cách thức xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học; Phân công giáo viên chủ nhiệm cho từng lớp hành chính nhằm nắm bắt tình hình chung của lớp phụ trách (về các mặt học tập, đời sống, sinh hoạt) thông qua báo cáo của Ban Cán sự lớp; hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại Trường và các vấn đề khác có liên quan. Ngoài ra nhà trường còn xây dựng nhiều trung tâm nhằm phục vụ sinh viên học tập, nghiên cứu cũng như khởi nghiệp. Ví dụ như: Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm nghiên cứu khởi nghiệp - sáng tạo, mạng lưới các doanh nghiệp, cộng tác viên, tổ chức các buổi gặp gỡ và giao lưu giữa sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, giữa sinh viên với các chuyên gia đầu ngành ở các trường đại học....

Bên cạnh đó, nhà Trường, khoa Xây dựng còn tổ chức các hoạt động ngoại khóa giúp học sinh, sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng phát triển kỹ năng. Việc tham gia các phong trào thể thao, văn hóa, tham gia các hoạt động của các câu lạc bộ trong trường học như: VinhUni English Speaking Zone, FLD Dancing Club, Câu lạc bộ

Khởi Nghiệp Sáng Tạo - Đại học Vinh, Đội Sinh viên tình nguyện, Đội Truyền thông, Câu lạc bộ Ngoại Ngữ, Câu lạc bộ Tin học ứng dụng và Tư vấn xây dựng... là một trong những cách để sinh viên khám phá bản thân, củng cố và phát triển những kỹ năng mới. Việc sinh hoạt ngoại khóa còn giúp cho sinh viên làm quen với việc lập kế hoạch và thực hiện các chương trình giúp triển khai các mục tiêu, dự định cũng như có thêm nhiều kinh nghiệm quản lý, đào tạo và làm việc theo nhóm.

Cơ sở vật chất trường đại học Vinh về cơ bản là hiện đại và đồng bộ. Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, điểm nhấn, ghế ngồi, khu tập luyện thể thao, khu vực dành riêng cho các hoạt động ngoại khóa... tạo môi trường và cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu cho người học.

Chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học là điều kiện cơ bản để nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định uy tín của ngành Kỹ thuật xây dựng và khoa Xây dựng cũng như Nhà trường trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Các thế hệ sinh viên của khoa Xây dựng đã và đang phát huy truyền thống của Ngành, khoa Xây dựng và của Trường Đại học Vinh, góp phần quyết định phần đầu đưa khoa Xây dựng trở thành địa chỉ đào tạo có chất lượng và uy tín trong lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng, đưa Trường Đại học Vinh trở thành trường Đại học trọng điểm Quốc gia.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.***

**1. Mô tả**

Là đơn vị thuộc sự quản lý trực tiếp của Bộ giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Vinh thực hiện đúng các quy định về tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Đối tượng tuyển sinh của trường thí sinh tham gia kỳ thi THPT Quốc gia năm đó và đã tốt nghiệp trung học phổ thông.

Từ năm 2014 trở về trước, Trường Đại học Vinh đăng ký thực hiện thi chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Việc tổ chức thi chung được thực hiện theo các quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hồ sơ đăng ký dự thi (ĐKDT) và thời gian, địa điểm nộp hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm xét tuyển của các ngành nói chung và ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng đều được tuân theo các tiêu chí quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.08.01.01], [H08.08.01.02].



Từ năm 2015, thực hiện đề án đổi mới công tác tuyển sinh đại học [H08.08.01.01]. Nhà trường đã sử dụng kết quả thi trung học phổ thông quốc gia để xét tuyển các thí sinh vào hệ đại học chính quy. Theo đúng tinh thần của đề án, hàng năm công tác quảng bá tuyển sinh, cung cấp thông tin tuyển sinh của Nhà trường bao gồm: khối thi, chỉ tiêu tuyển sinh các ngành trong đó có ngành Kỹ thuật xây dựng được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng. [H08.08.01.02]; [H08.08.01.03]; [H08.08.01.04].

Trước năm 2016 Nhà trường áp dụng tuyển sinh theo ngành học [H08.08.01.01], Từ năm 2016 đến nay các thí sinh trúng tuyển vào khối ngành sẽ được gọi nhập học vào Trường, sau 4 kì học tập sinh viên có quyền lựa chọn ngành học theo đúng sở thích của mình [H08.08.01.02]; [H08.08.01.03]; [H08.08.01.04]. [H08.08.01.05].

Quy trình xét tuyển từ năm 2017 đến nay Nhà Trường áp dụng các phương thức sau: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2017; Xét tuyển học bạ THPT với các tiêu chí lấy tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của cả 3 năm THPT (06 học kỳ). Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H08.08.01.02]; [H08.08.01.03]; [H08.08.01.04]. [H08.08.01.05].

- Phương thức xét tuyển

+ Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2018 Không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

+ Xét tuyển học bạ THPT (không xét tuyển đối với các ngành sư phạm) Không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, với các tiêu chí sau: + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. + Tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xét tuyển thẳng 1.

Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Đối tượng, hồ sơ, thời gian đăng ký, lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển: Trường Đại học Vinh thực hiện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2018.

b) Danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Căn cứ phụ lục số 6 và phụ lục số 7 của Công văn 899/BGDĐT-GDDH, ngày 9/3/2018 của Bộ Giáo dục

và Đào tạo, Trường Đại học Vinh quy định danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT

- Đối với thí sinh đoạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, Trường Đại học Vinh căn cứ vào kết quả dự án đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ngành thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

c) Xét tuyển đối với thí sinh khuyết tật: Trường Đại học Vinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh. Thí sinh phải có đầy đủ hồ sơ học tập, hồ sơ sức khỏe có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Sau khi Hội đồng tuyển sinh kiểm tra tình trạng sức khỏe yêu cầu của ngành học mà thí sinh đăng ký, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét và quyết định cho vào học.

d) Xét tuyển đối với thí sinh là người nước ngoài: Trường Đại học Vinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh năm 2018. Căn cứ kết quả học tập Trung học phổ thông của thí sinh, kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho vào học.

Các số liệu thống kê về số người đăng ký dự tuyển, số người trúng tuyển và nhập học, điểm chuẩn của ngành đều được phòng Đào tạo, trung tâm Đảm bảo chất lượng tổng kết và báo cáo lãnh đạo Nhà trường nhằm đánh giá công tác tuyển sinh [H08.08.01.06].

**Bảng tổng hợp số người đăng ký dự tuyển vào ngành Kỹ thuật xây dựng, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)**

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh (%)	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2013-2014	470	425	87,0	353	17	17	4
2014-2015	301	230	87,3	197	16	16	3
2015-2016	290	262	93,9	230	15	15	1
2016-2017	200	150	90,0	131	15	15	1
2017-2018	170	120	80	92	14	14	1

Riêng đối với các trường hợp đào tạo theo địa chỉ hoặc đào tạo theo yêu cầu của địa phương như hệ cử tuyển thì quy trình tuyển sinh được thực hiện đúng theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

## **2. Điểm mạnh**

Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Kỹ thuật xây dựng được phân chia theo khối ngành và công khai về số lượng trên cơ sở nhu cầu về nguồn nhân lực và của người học giúp sinh viên thuận lợi trong việc lựa chọn chuyên ngành đào tạo.

Trong công tác tuyển sinh, trường đại học Vinh và khoa Xây dựng nhận được rất nhiều ý kiến phản hồi tốt về sự chu đáo và tận tình hướng dẫn các em sinh viên từ quy trình nộp hồ sơ đến quy trình nhập học, Cán bộ giảng viên được huy động hỗ trợ công tác tuyển sinh trong thời gian tuyển sinh.

## **3. Điểm tồn tại**

Thực hiện chủ trương của Bộ giáo dục và Đào tạo, hình thức tuyển sinh của Trường Đại học Vinh căn cứ kết quả thi trung học phổ thông quốc gia và liên tục điều chỉnh đã gây khó khăn về cơ sở dữ liệu thông kê công tác dự báo tuyển sinh của Nhà trường và khoa Xây dựng theo hình thức mới.

## **4. Kế hoạch hành động.**

Cần xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến phù hợp với nhu cầu xã hội, rút ngắn thời gian đào tạo đặc biệt là đối với các ngành đào tạo hệ kỹ sư.

Xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu về nguồn nhân lực tại địa phương và xu hướng phát triển của ngành Xây dựng trong tương lai theo định kỳ nhằm giúp sinh viên lựa chọn ngành học phù hợp với năng lực của mình.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.***

### **1. Mô tả**

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học vào hệ đào tạo chính quy từ thời điểm năm 2014 trở về trước được thực hiện theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo đó là các thí sinh có trình độ tốt nghiệp phổ thông trung học và tương đương có tổng điểm các môn Toán, Vật lý, Hóa học, cộng điểm ưu tiên xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm xét tuyển chung của Nhà trường sẽ được gọi nhập học. Năm 2015 và 2016,

Trường Đại học Vinh cũng thực hiện theo quy trình như năm 2014 trở về trước nhưng điểm trúng tuyển là điểm xét theo khối ngành đào tạo [H08.08.01.01], [H08.08.01.02].

Điểm khác biệt lớn nhất của hai hình thức tuyển sinh trước và sau năm 2014 đó là cơ hội lựa chọn ngành nghề (hoặc chuyên ngành được đào tạo) vì sau 4 kì học sinh viên có quyền thay đổi chuyên ngành phù hợp hoặc tạo cơ hội lớn hơn để tìm việc.

Thí sinh dự tuyển tra cứu kết quả xét tuyển tại <http://vinhuni.edu.vn/> [H08.08.01.06]. Sau khi có kết quả xét tuyển thì Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường gửi giấy báo đến các thí sinh trúng tuyển ngành Kỹ thuật xây dựng để thí sinh chuẩn bị các giấy tờ theo nội dung và đến nhập học theo thời gian ghi trong giấy báo.

Dựa vào sự phát triển của ngành Xây dựng trong giai đoạn hiện nay, nhu cầu nhân lực của từng địa phương, sự phát triển của cơ sở hạ tầng... Khoa và Nhà trường đã phân tích, dự báo về nguồn nhân lực của địa phương kết hợp với các văn bản hướng dẫn của Bộ về công tác tuyển sinh, Nhà Trường đã xây dựng đề án tuyển sinh cụ thể cho từng năm học [H08.08.02.02], [H08.08.02.03], [H08.08.02.04], [H08.08.02.05], [H08.08.02.06], [H08.08.02.07]. Tính tới thời điểm này, Trường Đại học Vinh chưa nhận chưa nhận được bất kỳ ý kiến nào đánh giá không tốt về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học [H08.08.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học của Trường Đại học Vinh rất rõ ràng và theo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo. Nhà trường và khoa Xây dựng đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào trường cũng như vào ngành Kỹ thuật xây dựng.

## **3. Điểm tồn tại**

Năm học 2016-2017 hình thức xét tuyển của Nhà trường theo hình thức khối ngành gây khó khăn về cơ sở dữ liệu người học của khoa Xây dựng cũng như công tác dự báo tuyển sinh của Nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường, khoa Xây dựng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng cần kết hợp để tổ chức đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học để đưa ra phương án tuyển chọn người học phù hợp và đáp ứng yêu cầu của ngành Kỹ thuật xây dựng. Nhà trường có cam đoan về cơ hội việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.***

**1. Mô tả**

Từ năm 2007 Trường Đại học Vinh tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ với nhiều ưu điểm. Đối với ngành Kỹ thuật xây dựng, người học phải hoàn thành 160 tín chỉ, (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thực tập, thảo luận hoặc bài tập) trong 5 năm (10 kỳ học chính) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 8 năm [H08.08.03.03]. Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ. Các học phần được đánh giá là đạt nếu điểm tổng kết học phần tính theo thang điểm 10 đạt từ điểm 4, thang điểm 4 đạt từ điểm 1, thang điểm chữ đạt từ điểm D. Trong trường hợp sinh viên không đạt phải đăng ký học lại học phần đó. Sinh viên được Nhà trường công nhận tốt nghiệp khi có điểm trung bình chung tích lũy đạt 5,5 trở lên theo thang điểm 10, với thang điểm 4 phải có điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên [H08.08.03.02], [H08.08.03.04], [H08.08.03.05]. Hàng năm số liệu tỷ lệ sinh viên các khóa thi qua vòng đầu, tỷ lệ sinh viên thôi học được thống kê trong báo cáo năm học của khoa [H08.08.03.01], [H08.08.03.05].

Theo thiết kế của chương trình đào tạo khối lượng học tập của sinh viên được quy định theo “Khung chương trình đào tạo” đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2011 đến 2015 là 160 tín chỉ; Đối với các khóa tuyển sinh từ 2016 khung chương trình đào tạo được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn I bao gồm 45 tín chỉ được đào tạo theo nhóm ngành, giai đoạn II bao gồm 115 tín chỉ dành cho ngành đào tạo; Đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2017 khối lượng học tập được quy định 150 tín chỉ. Khối lượng học tập của sinh viên mỗi kỳ không được vượt quá 21 tín chỉ. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có học lực trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo). Sinh viên được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ. [H08.08.03.03].

Phương thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học được quy định trong đề cương chi tiết học phần cụ thể như sau: [H08.08.03.06]

- Đánh giá thường xuyên: Tham gia trên 80% số giờ lên lớp, chuẩn bị bài phần tự học, thái độ tích cực thảo luận. Đánh giá bằng điểm chuyên cần, thái độ.

- Đánh giá định kỳ: Đánh giá 01 bài kiểm tra giữa học kỳ.

- Đánh giá kết thúc học phần: Thi tự luận vào cuối học kỳ.
- Thang điểm: 10, được chuyển sang thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định.

Ngoài ra, để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, Trường Đại học Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể: đã xây dựng và phát triển phần mềm CMC, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập Hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện sinh viên; Hội đồng và các quyết định về công tác cố vấn học tập (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học. Đặc biệt Nhà Trường còn có Trung tâm Đảm bảo chất lượng với nhiệm vụ: Tổ chức xây dựng và định kỳ cập nhật ngân hàng đề thi học phần; quản lý và tổ chức đề thi học phần; chủ trì tổ chức thi kết thúc học phần cho các hệ đào tạo đại học và sau đại học; thống kê kết quả học tập của người học và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá người học; tổ chức lưu giữ và bảo mật cơ sở dữ liệu của Trường về kết quả học tập của người học, công tác khảo thí và ngân hàng đề thi; [H08.08.03.01], [H08.08.03.04], [H08.08.03.05].

Bên cạnh đó, các giảng viên, giáo viên chủ nhiệm, các bộ môn, khoa Xây dựng và Trường Đại học Vinh luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát kết quả người học, khuyến khích tinh thần học tập của sinh viên như tổ chức tháng rèn nghề, giao lưu các doanh nghiệp, trao học bổng...

## **2. Điểm mạnh**

Việc quy định chi tiết và ban hành công khai trong cuốn sổ tay sinh viên về quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hệ chính quy của Nhà trường cùng với sự hỗ trợ của phần mềm quản lý đào tạo đã giúp Nhà trường, khoa Xây dựng giám sát tốt kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên nói chung và sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng nói riêng.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù phần mềm đào tạo đã hỗ trợ cho công tác quản lý, tuy nhiên việc đổi mới hình thức quản lý đào tạo kéo theo phần mềm không kịp thời đáp ứng các yêu cầu trong đổi mới trong quản lý đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường kịp thời nâng cấp hệ thống phần mềm đáp ứng các yêu cầu đổi mới trong quản lý đào tạo.

Dựa vào sổ tay sinh viên; kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên thông qua phần mềm quản lý của nhà trường Ban chủ nhiệm khoa kết hợp với giáo viên chủ nhiệm để giám sát tốt hơn kết quả của người học. Cần phải thông báo sớm và có hướng khắc phục cho các sinh viên yếu kém.

Dựa vào năng lực học tập của sinh viên, nhất là những sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện tốt Khoa sẽ tư vấn và hỗ trợ để giúp sinh viên có thể hoàn thành chương trình đào tạo và ra trường sớm hơn so với thời hạn.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.***

##### **1. Mô tả**

Để giúp sinh viên khoa Xây dựng học tập tốt, rèn luyện tốt, nhiều khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường, ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, Trường Đại học Vinh nói chung và khoa Xây dựng nói riêng đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc đó là Đảng ủy Trường, Đảng ủy Khoa, Ban giám hiệu, các phòng ban chức năng, Công đoàn Trường, Công đoàn Khoa, Đoàn thanh niên các cấp. Các hoạt động có thể kể đến là: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của các bộ môn, các giáo viên với vai trò cố vấn học tập [H08.08.04.06], các chủ nhiệm lớp [H08.08.04.09], các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng, nghiên cứu khoa học của sinh viên, câu lạc bộ Tin học ứng dụng và Tư vấn xây dựng... [H08.08.04.01], [H08.08.04.02]. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng bá, giới thiệu về Nhà trường, khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng trên nhiều kênh khác nhau và sinh viên được bố trí thời gian đi thực tập nghề, thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành nghề Kỹ thuật xây dựng sau khi ra trường cao.

Ngoài ra, Nhà trường còn có Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ sinh viên - Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm nghiên cứu khởi nghiệp với mục đích phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp tổ chức các hoạt động tư vấn, hội thảo, hội nghị trao đổi kinh nghiệm, định hướng nghề nghiệp, tuyển dụng và các hoạt động truyền thông nhằm kết nối sinh viên với các doanh nghiệp và nhà tuyển dụng, phối hợp thực hiện việc

liên hệ với các cơ quan, doanh nghiệp xây dựng mạng lưới các đơn vị, doanh nghiệp hỗ trợ công tác thực hành, thực tế chuyên môn, thực tập nghề cho sinh viên [H08.08.04.03], [H08.08.04.04]. Tổ chức khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp, nhà tuyển dụng về hoạt động thực tập nghề, chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội. Cụ thể: Năm 2016 nhà trường đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động của đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường đã có 13.413 sinh viên tham gia khảo sát phản hồi về hoạt động của các đơn vị hành chính, có 14.328 sinh viên tham gia khảo sát phản hồi về các hoạt động của Nhà trường, có 2.828 ý kiến đóng góp cho cán bộ, viên chức Nhà trường. Năm 2016 Nhà trường cũng tiến hành khảo sát đối với sinh viên tốt nghiệp thuộc năm 2015 là 3.573 sinh viên, đối với sinh viên tốt nghiệp thuộc năm 2016 là 4.070 sinh viên với mục đích làm căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Năm 2017 Nhà trường cũng đã triển khai lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của Trường Đại học Vinh học kỳ 1 với 95.304 sinh viên tham gia khảo sát. Kết quả cho thấy ý kiến phản hồi về hoạt động của đơn vị hành chính và các hoạt động của Nhà trường ở mức độ “tốt” chiếm tỷ lệ nằm ở khoảng 55% ÷ 68%; ở mức độ “khá” chiếm tỷ lệ nằm ở khoảng 20% ÷ 28%. Kết quả khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2015 có tới 79,6% sinh viên có việc làm, sinh viên tốt nghiệp năm 2016 có 74,9% sinh viên có việc làm và thời gian có việc làm của sinh viên trong khoảng từ 3 ÷ 3,5 tháng trong đó ngành có sinh viên tự tạo việc làm cao nhất là ngành Kỹ thuật xây dựng. [H08.08.02.01]

Nhà trường kết hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức hoạt động trong ngành Kỹ thuật xây dựng thực hiện việc cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, nghiên cứu khoa học tốt với mục đích khuyến khích sinh viên nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình, ngoài ra Nhà trường còn hỗ trợ sinh viên vay vốn theo chương trình tín dụng sinh viên cụ thể: từ năm 2011 đến năm 2016 nhà trường đã xử lý 49.920 hồ sơ vay vốn cho sinh viên. [H08.08.04.05], [H08.08.04.07].

## **2. Điểm mạnh**

Trường Đại học Vinh, khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng đã có nhiều hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua, hỗ trợ sinh viên tìm hiểu về việc làm khi tốt nghiệp, tư vấn hỗ trợ học tập giúp sinh viên nâng cao thành tích học tập và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.



### **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên khác chưa được thực hiện đều đặn hàng năm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Cần khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ sinh viên khác đều đặn hàng năm từ đó đưa ra các chương trình hoạt động phù hợp và có ích đối với sinh viên từng ngành khác nhau.

Tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động tư vấn hỗ trợ học tập và hỗ trợ khác, hoạt động ngoại khóa trên cơ sở khảo sát lấy ý kiến người học hàng năm để giúp người học cải thiện kết quả học tập, kỹ năng cho sinh viên giúp sinh viên có cơ hội tìm kiếm việc làm đúng ngành nghề khi tốt nghiệp ra trường.

Tăng cường các mối hợp tác đào tạo cũng như hỗ trợ việc làm cho sinh viên sau khi ra trường đối với các doanh nghiệp Xây dựng trên địa bàn.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.4: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.***

#### **1. Mô tả**

Cơ sở vật chất trường đại học Vinh về cơ bản là hiện đại và đồng bộ, Nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với giáo viên, người học tạo ra môi trường tâm lý thoải mái cho công tác đào tạo.

Hiện nay về cơ bản khuôn viên nhà trường được tách thành các khối riêng biệt: một khu vực dành cho các phòng học, thực hành thí nghiệm; một khu dành cho phòng làm việc của các khoa và giảng viên; một khu dành cho khối hành chính với cơ sở vật chất khá hiện đại, sạch sẽ và an toàn. Xây dựng môi trường không gian lớp học, điều khiển, điều chỉnh các yếu tố sinh lý vật lý (nhiệt độ ánh sáng âm thanh, ổn định vị trí ngồi học cho nhóm sinh viên). Tuân thủ những quy định về việc sử dụng phòng học, bao gồm những quy định về việc sử dụng phòng học, những quy định về vệ sinh, sử dụng bàn ghế, trang thiết bị trước, trong và sau tiết học là biện pháp để có không gian lớp học tiện lợi.

Trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, điểm nhấn, ghế ngồi, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng

chuyên, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện có công năng sử dụng các hoạt động thể thao, hội trường lớn [H08.08.05.01], [H08.08.05.02], [H08.08.05.03].

Khoa luôn định hướng xây dựng môi trường học tập thuận lợi cho sinh viên trong các tiết lên lớp là quá trình lựa chọn, sử dụng tổng hợp các biện pháp nhằm điều khiển, điều chỉnh tất cả các yếu tố tác động đến và làm cho sinh viên tích cực. Đó là những biện pháp xây dựng môi trường không gian lớp học. Xây dựng mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức lớp học và cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, bồi dưỡng nhân cách giảng viên và sinh viên.

Sử dụng các biện pháp kích thích giá trị của mục đích, nhiệm vụ học tập cho sinh viên.

Công việc đầu tiên có tính định hướng trong quá trình dạy học phần là mục tiêu môn học và cụ thể hóa trong mục tiêu từng phần, chương bài, tiết trên lớp. Khởi đầu và xuyên suốt trong quá trình dạy học có thể sử dụng cụ thể hóa những biện pháp sau:

- Xác định và làm cho sinh viên ý thức rõ ràng các mục tiêu/ yêu cầu đạt được, các nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

- Làm cho sinh viên ý thức được giá trị của việc thực hiện các nhiệm vụ môn học

- Cung cấp các điều kiện thực hiện mục tiêu/ yêu cầu và nhiệm vụ học tập.

- Làm cho sinh viên tin tưởng vào khả năng thực hiện mục tiêu/ yêu cầu, nhiệm vụ của bản thân và có những biện pháp khuyến khích kịp thời cố gắng.

- Khai thác giá trị thực tiễn cuộc sống, thực tiễn nghề nghiệp của nội dung học vấn trong tài liệu giảng dạy và học tập.

- Khai thác vốn sống của sinh viên có liên quan đến nội dung học tập.

- Khai thác và cập nhật thông tin có liên quan đến vấn đề học tập trong quá trình giảng dạy và học tập.

- Hướng dẫn sinh viên cách tìm tòi, tra cứu thông tin từ nhiều nguồn khác nhau và giao những nhiệm vụ học tập cho sinh viên phải tiến hành các biện pháp tìm tòi, tra cứu thông tin có liên quan nội dung môn học

Trường Đại học Vinh, khoa Xây dựng thường xuyên tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn những sinh viên yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập câu lạc bộ tin học, câu lạc bộ tiếng Anh, hoạt động rèn nghề, nghiên cứu khoa học...tại các phòng học trống, các khu vực được dành riêng cho các hoạt động

đội nhóm tạo cho sinh viên luôn có cảm giác thoải mái, hứng thú khi tham gia các hoạt động ngoại khóa [H08.08.04.01], [H08.08.04.02].

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học của mình. Chính vì vậy, Nhà trường duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho sinh viên mới nhập học hàng năm [H08.08.05.04], [H08.08.05.05].

Môi trường và cảnh quan Nhà trường được người học phản hồi đánh giá tốt bởi đã tạo được hứng thú cho người học để phát huy khả năng học tập, nghiên cứu [H08.08.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch và đẹp, sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan cho sinh viên luôn được khoa Xây dựng và Nhà trường quan tâm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan sư phạm của Nhà trường còn chưa đều đặn và liên tục.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy chưa được trang bị đầy đủ cho tất cả các phòng học, phòng thí nghiệm, phòng làm việc của Nhà trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

Tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về cảnh quan sư phạm của Nhà trường theo hàng năm để điều chỉnh, xây dựng môi trường cảnh quan thuận lợi cho học tập và nghiên cứu của người học.

Cần phải kiểm tra định kỳ hằng năm và bổ sung thiết bị, hệ thống PCCC đối với các khu vực, phòng học chưa đạt yêu cầu.

Tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường và cảnh quan Nhà trường an toàn, xanh, sạch đẹp tạo điều kiện cho người học được phát triển đầy đủ cả về thể chất và tinh thần, phát huy tính chủ động trong học tập và nghiên cứu khoa học.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 8.5: Đạt (mức 6/7 điểm).**

### **Kết luận về tiêu chuẩn 8**

Chất lượng người học của ngành Kỹ thuật xây dựng là yếu tố cơ bản trong đánh giá chất lượng đào tạo của Ngành. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên ngành

Kỹ thuật xây dựng được lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo trong suốt quá trình học tập chứng tỏ về mặt chất lượng đào tạo của Ngành. Bên cạnh đó, các hoạt động hỗ trợ của Khoa và Nhà trường đối với người học như tư vấn học tập, cấp học bổng cho sinh viên, vay vốn theo chương trình hỗ trợ của ngân hàng, chính sách xã hội... khuyến khích người học nâng cao kết quả học tập và nghiên cứu khoa học.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kỹ thuật xây dựng đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt 5/7 điểm, 1 tiêu chí đạt 6/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 9:**

### **CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ**

#### **Mở đầu**

Trường ĐH Vinh là một trường đại học đa ngành nhiều lĩnh vực. Hệ thống trang thiết bị thí nghiệm, thực hành, cơ sở vật chất đã được Nhà trường đầu tư từng bước, nâng cấp đảm bảo đủ năng lực đáp ứng công tác đào tạo, NCKH, CGCN và LĐSX.

Cơ sở nhà vật chất nhà trường gồm hệ thống các phòng làm việc, phòng học, phòng học nước ngoài, có một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp học online. Nhà Trường có nhiều cơ sở thí nghiệm cho nhiều ngành nghề khác nhau, số lượng phòng học của Nhà trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo. Bên cạnh đó nhà trường còn có trung tâm thư viện nhằm cung cấp các nguồn học liệu phục vụ cho sinh viên và các hoạt động nghiên cứu. Hạ tầng công nghệ thông tin đầy đủ trang thiết bị để phục vụ công tác đào tạo và hệ thống xử lý các hoạt động của nhà trường.

Bên cạnh công tác đầu tư và cải tạo, Nhà trường đã từng bước tăng cường công tác quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả CSVC hiện có, xây dựng cảnh quan xanh - sạch - đẹp, môi trường văn hóa trong Nhà trường.

Trường luôn chủ động xây dựng dự án, tranh thủ sự đầu tư từ ngân sách (NSNN), liên kết với các doanh nghiệp và nguồn lực xã hội hóa để bổ sung và hiện đại hóa CSVC phục vụ đào tạo, NCKH, CGCN và LĐSX.

Công tác quản lý, sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành của Trường được quản lý thông qua Trung tâm thực hành thực nghiệm. Với phương pháp quản lý như vậy sẽ tạo được sự liên thông trong việc sử dụng khai thác trang thiết bị từ nhiều ngành nghề khác nhau từ đó sẽ giúp nhà trường sử dụng tối đa hiệu quả trang thiết bị. Thư viện của Trường được đầu tư hiện đại, đầy đủ các loại tài liệu đáp ứng được nhu cầu học tập nghiên cứu của SV, CBGD và các bạn đọc khác. Việc khai thác CSVC của Trường đã có hiệu quả nhưng vẫn có trang thiết bị thí nghiệm, thực hành chưa được khai thác hết tiềm năng trong công tác phục vụ đào tạo, nâng cao năng lực NCKH và CGCN.

Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ tiếp tục thực hiện công tác mua sắm bổ sung các thiết bị đáp ứng cho việc giảng dạy và NCKH ngành KTXD.

Với sự quan tâm của Nhà trường, các bộ môn được cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo, NCKH của ngành KTXD.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### **1. Mô tả**

Khoa XD được bố trí 3 phòng làm việc trong đó 02 phòng thuộc tòa nhà Thí nghiệm xây dựng và 01 phòng thuộc tòa nhà A0 dùng cho các bộ môn làm việc trao đổi và giải đáp thắc mắc sinh viên, 01 phòng dành cho Ban chủ nhiệm khoa, 01 phòng dành cho Văn phòng khoa tại tòa nhà A0. Các phòng này được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, máy Projector, hệ thống điện, điều hòa, quạt, mạng wifi toàn trường... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của Nhà trường để đáp ứng CSVCS tốt nhất cho giảng viên, CBCNV có đủ điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình [H9.09.01.01].

Diện tích phòng học đã đáp ứng đủ số lượng và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Khoa XD, trong đó Trường có 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 46.502 m<sup>2</sup>, 8 phòng học tiếng nước ngoài với tổng diện tích 1225 m<sup>2</sup>, 18 phòng học máy tính với tổng diện tích 3.531 m<sup>2</sup>, trong đó có một số phòng được kết nối hệ thống camera phục vụ cho các lớp học online. Nhà Trường có nhiều cơ sở thí nghiệm cho nhiều ngành nghề khác nhau, trong đó Nhà thí nghiệm xây dựng gồm các phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng, Cơ đất nền móng, Thí nghiệm công trình... là nơi sinh viên ngành KTXD thực hành trong quá trình đào tạo, và nơi cho GV và SV nghiên cứu khoa học [H9.09.01.01].

Trong học kỳ 1 năm học 2017-2018 vừa qua, xưởng thực hành thí nghiệm của khoa xây dựng đã được hoàn thành và đi vào sử dụng. Trung tâm thí nghiệm thực hành Xây dựng phục vụ hai ngành đào tạo là kỹ thuật công trình giao thông và kỹ thuật công trình xây dựng. Xưởng thực hành thí nghiệm triển khai một số nhiệm vụ sau: thực hiện các hoạt động đào tạo của nhà trường, phối hợp với các bộ môn trong khoa, các đơn vị liên quan tổ chức hướng dẫn thí nghiệm, thực hành về xây dựng, tham gia nghiên cứu khoa học, tổ chức sản xuất thực nghiệm, phối hợp với các bộ môn trong khoa nghiên cứu, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất được trang bị. Hiện nay, khoa xây dựng đang đề xuất một số thiết bị máy móc để đáp ứng được nhu cầu đào tạo cũng như các hoạt động nghiên cứu khoa học khác.

Số lượng phòng học của Nhà trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận, ...). Các

phòng học này đều được trang bị đầy đủ bảng chống lóa, máy Projector, lắp đặt thiết bị âm thanh, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo, hệ thống bàn học cũng định kỳ tu sửa hoặc thay mới khi hư hỏng tạo môi trường tốt nhất cho sinh viên [H9.09.01.01], [H9.09.01.02]. Cùng với sự đổi mới chương trình đào tạo, ngoài thư viện Nguyễn Thúc Hào của Trường, nhà Trường còn bố trí một số phòng học tự học giúp sinh viên có môi trường tự học và làm việc nhóm tốt hơn, phát huy tối đa hiệu quả của công tác tự học tự nghiên cứu trong sinh viên [H9.09.01.01]. Công tác quản lý sắp xếp cơ sở vật chất các phòng học được giao cho phòng Quản trị đầu tư quản lý và chuẩn bị trước mỗi học kỳ và phòng đào tạo bố trí các lớp học phần trên cơ sở phòng học đã được chuẩn bị Sự phối hợp giữa các bộ phận được thực hiện qua hệ thống phần mềm CMC, phần mềm đã được nhà Trường đầu tư giúp nhà Trường quản lý điều hành chặt chẽ nhanh chóng hiệu quả nhất [H9.09.01.03]. Định kỳ trong các cuộc họp dân chủ sinh viên hàng năm, nhà Trường tổ chức lấy ý kiến người học về cơ sở vật chất nhà Trường đáp ứng chương trình đào tạo và khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp cựu học sinh, các chuyên gia để có kế hoạch hoàn chỉnh bổ sung các thiết bị cập nhật thời đại đáp ứng tốt nhất cho quá trình đào tạo [H9.09.01.04]

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tọa lạc trên mảnh đất khá thuận lợi với diện tích khá lớn tạo được sự quy hoạch đạt tiêu chuẩn cho một trường đại học trọng điểm quốc gia. Cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học được chuẩn bị đầy đủ và đồng đều. Các phòng học có đầy đủ các thiết bị bàn ghế, thiết bị chiếu sáng, hệ thống quạt và điều hòa nhằm phục vụ, hỗ trợ tối đa công tác đào tạo. Ngoài ra phòng học có trang bị máy chiếu, kết nối internet để phục vụ học online.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù cơ sở vật chất đã được nhà trường đầu tư khá đầy đủ cho việc phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Tuy nhiên, việc bảo dưỡng và quy hoạch sử dụng còn chưa được triệt để.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong thời gian tới nhà trường đã giao cho khoa XD xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung và sử dụng nhà Thí nghiệm xây dựng đạt hiệu quả cao trong đào tạo và nghiên cứu. Khoa xây dựng đã xây dựng và đang hoàn thiện kế hoạch sửa chữa mua sắm các thiết bị phòng thí nghiệm công trình phục vụ cho năm học 2018-2019, các thiết bị này

phục vụ cho việc đào tạo các ngành đào tạo đại học, sau đại học và các đề tài dự án nghiên cứu khoa học cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

##### **1. Mô tả**

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, Nhà Trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học.

Được thành lập năm 1959, hiện nay, Thư viện Trường có tên là “Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào”. Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào được sử dụng một tòa nhà 7 tầng có diện tích sử dụng gần 29.000m<sup>2</sup> bao gồm: 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi [H9.09.02.01]. Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác [H9.09.02.02]. Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài thuộc chương trình đào tạo ngành KTXD được đề cập trong các đề cương chi tiết học phần đáp ứng yêu cầu sử dụng của sinh viên, cán bộ, giảng viên và người đọc [H9.09.02.03]. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề 93 tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Hàng năm, nhà Trường luôn bổ sung các tài liệu tham khảo tài liệu chuyên ngành chuyên sâu theo đề xuất của khoa XD để cập nhật những kiến thức mới nhất phục vụ tốt nhất cho việc đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.04], Theo phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên, người học về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành KTXD, đa số các chuyên ngành đào tạo của ngành KTXD đều có đủ nguồn tài liệu để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khác [H9.09.02.03], [H9.09.02.05].



## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của Nhà trường có nguồn tài liệu dồi dào, phong phú, đặc biệt là trong lĩnh vực Kỹ thuật xây dựng và công trình giao thông. Hàng năm, nguồn tài liệu được bổ sung đều đặn, cập nhật những kiến thức mới nhất để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của nhà trường và Khoa. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên và người học tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

## **3. Điểm tồn tại.**

Nguồn tài liệu phục vụ đào tạo giảng dạy sau đại học còn hạn chế. Tài liệu phục vụ đào tạo theo định hướng CDIO trong năm 2018 vẫn còn phải bổ sung.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa lập danh mục đề xuất mua sắm trong năm 2019. Xây dựng đề án mua sắm thiết bị đã được khiên khai và báo cáo với nhà trường và đang trong giai đoạn hoàn thiện.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### **1. Mô tả**

Trường ĐH Vinh luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm (TN), thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của giảng viên trong công tác NCKH, CGCN và kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng cho SV khi ra trường, đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng.

Toàn ngành KTXD có 4 phòng thí nghiệm, và 01 phòng thực hành máy tính với khu đất được nhà trường bố trí độc lập. Các phòng thí nghiệm, thực hành tại Trường đều được thiết kế dựa trên các tiêu chuẩn thiết kế và tiêu chuẩn về phòng thí nghiệm, phòng thực hành [H9.09.03.01].

Môi môn học đều có danh sách thiết bị, dụng cụ riêng biệt, được bảo quản tại các phòng thí nghiệm tương ứng. Ví dụ như:

- Môn địa chất: Tủ sấy, máy nén đất, chày cối, bình tỉ trọng, bộ dụng cụ vaxilep, ...
- Môn đo đạc: Máy kinh vĩ, thủy bình, toàn đạc, thước mét, mia thủy chuẩn, ...

- Môn thí nghiệm công trình xây dựng: Máy siêu âm, súng bật nảy đo cường độ, máy nén mẫu bê tông,...

- Môn thí nghiệm công trình giao thông: Bộ kiểm tra nhựa đường, kiểm tra độ nhám mặt đường, gia nhiệt, tủ sấy,...

Trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng của các phòng TN, phòng thực hành và có những chuyển đổi thích hợp nhằm phục vụ công tác học tập, giảng dạy, NCKH cho CB, GV và SV được tốt hơn, hiệu quả hơn. Để làm được điều này, tại các phòng TN, phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng. Mỗi môn học khác nhau đều có 1 sổ nhật ký riêng biệt. Các nội dung được ghi vào sổ bao gồm: Thứ ngày, Tiết học, bài học, dụng cụ cần thiết cho buổi thực hành, số lượng sinh viên và đánh giá chất lượng thiết bị [H9.09.03.02].

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị TN, Nhà trường giao nhiệm vụ cho trung tâm Thực hành thực nghiệm làm đầu mối. Các thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ cho công tác thực hành của sinh viên trong đề cương chi tiết được cụ thể hóa bằng Định mức kinh tế kỹ thuật. Định mức kinh tế kỹ thuật ra đời giúp trung tâm Thực hành thực nghiệm và phòng Kế hoạch tài chính có căn cứ cơ sở để chuẩn bị tốt hơn cho công tác đào tạo [H9.09.03.04].

Đầu mỗi học kỳ, các máy móc, trang thiết bị phục vụ cho môn học đều được kiểm tra, thống kê, bảo dưỡng [H9.09.03.02], [H9.09.03.04]. Việc kiểm tra máy móc được kết hợp thực giữa khoa xây dựng và trung tâm thực hành thí nghiệm. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong quy trình kiểm kê tài sản của trường về số lượng và chất lượng nhằm phục vụ công tác đào tạo, NCKH. Thông qua đó, khoa xây dựng xây dựng kế hoạch, lên danh sách thay thế, sửa chữa các thiết bị [H9.09.03.05].

Số lượng phòng TN và phòng thực hành hiện có đã đáp ứng thiết thực cho việc dạy và học. Trong các phòng thí nghiệm khoa XD đã xây dựng quy trình thí nghiệm của các bài thí nghiệm, quy trình sử dụng phòng thí nghiệm để người dung có thể sử dụng một cách hiệu quả và an toàn nhất [H9.09.03.06]. Hiện trung tâm thí nghiệm của khoa được chia làm các phòng chính như sau: Phòng thí nghiệm vật liệu, Phòng thí nghiệm công trình. Phòng thí nghiệm địa chất, Phòng thực hành máy tính, Phòng thực tập công nhân, Phòng bảo vệ đồ án - lý thuyết. Nhìn chung, nhà Thí nghiệm xây dựng được toàn thể CB, CNV, SV, nhà sử dụng lao động đánh giá cao, hệ thống phòng thí

nghiệm, phòng thực hành đầy đủ, hiện đại và đáp ứng hoàn toàn nhu cầu học tập và NCKH của GV cũng như người học [H9.09.01.04].

Hàng năm Nhà trường, Trung tâm thực hành thí nghiệm luôn khảo sát ý kiến phản hồi của CB, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng TN, phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt [H9.09.03.03].

## **2. Điểm mạnh.**

Nhà Trường đã có các văn bản và cách thức quản lý và sử dụng phòng thí nghiệm một cách hiệu quả và tiện lợi nhất. Định mức kinh tế kỹ thuật giúp GV, SV, KTV chuẩn bị bài học một cách nhanh chóng hiệu quả. Nhà trường luôn tạo điều kiện cho khoa XD thay thế bổ sung các thiết bị cần thiết phục vụ công tác đào tạo và NCKH

## **3. Điểm tồn tại.**

Trình độ Kỹ thuật viên không đồng đều do đó còn gặp một số khó khăn trong công tác bảo trì vận hành điều chỉnh thiết bị thí nghiệm.

Một số thiết bị thí nghiệm chưa được khai thác một cách hiệu quả do một số thiết bị phụ bị hỏng hoặc thất lạc.

Một số thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học còn chưa đầy đủ, và giới hạn về mặt kỹ thuật.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2018 nhà Trường đã đồng ý đầu tư các thiết bị thí nghiệm còn thiếu và cần bổ sung thay thế. Hiện tại khoa đang làm kế hoạch trình Ban giám hiệu nhà trường thẩm duyệt.

- Cần rà soát lại chương trình đào tạo, các bài thực hành để thiết kế bài giảng hợp lý, phù hợp với cơ sở vật chất hiện có của khoa.

- Các máy móc cần được đưa thuê đơn vị chuyên nghiệp về sửa chữa và bảo dưỡng.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.***

### **1. Mô tả**

Hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các nguồn lực của Trường, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung của Khoa cũng như Nhà trường. Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH.

Hiện nay, Trường có 1046 bộ máy vi tính để bàn, trong đó số lượng máy tính phục vụ cho giảng dạy, học tập là 716 bộ, số lượng máy tính phục vụ cho công tác quản lý và điều hành là 330 bộ, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Phòng thực hành máy tính tại Trung tâm Thực hành Thí nghiệm - Trường Đại học Vinh được trang bị hệ thống máy móc mới, hiện đại bao gồm: 13 phòng với 320 máy (tòa nhà Kỹ thuật Công nghệ: 220 máy tại 9 phòng, Nhà A0: 100 máy tại 4 phòng) trung bình mỗi phòng 30 máy được kết nối mạng, cài đặt phần mềm tùy theo yêu cầu các bài THPTN, diện tích rộng rãi thoáng mát, được trang bị đầy đủ tiện nghi như máy chiếu, máy in, tivi... tạo thuận lợi cho việc giảng dạy của giảng viên cũng như việc học tập của sinh viên. Ngoài việc phục vụ THPTN các phòng máy tính (chủ yếu tại Nhà A0) có tính bảo mật cao phục vụ công tác thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần, thi theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi cấp chứng chỉ tin học ứng dụng và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên. [H9.09.04.01]. Từ năm 2011, Nhà trường trang bị máy tính xách tay cho tất cả 572 cán bộ quản lý, trưởng bộ môn và các trợ lý đào tạo, các giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu [H9.09.04.02]. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học [H9.09.04.01].

Cán bộ giảng viên toàn trường được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng...@vinhuni.edu.vn. [H9.09.04.03]. Ngoài ra, mỗi bộ môn đều có 1 địa chỉ email riêng để triển khai công việc. Hệ thống email @vinhuni.edu.vn giúp mang lại thương hiệu cho nhà trường, đồng thời, tạo sự chuyên nghiệp trong làm việc cho các cán bộ. Ngoài ra, đi kèm với email này là bộ lưu trữ đám mây không giới hạn. Các nội dung, bài giảng được lưu trữ một cách nhanh chóng, tiện lợi và được đồng bộ giữa các thiết bị với nhau, giúp giảng viên thuận tiện hơn rất nhiều trong giảng dạy.

Hệ thống wifi được phủ sóng toàn bộ khuôn viên Nhà trường. Nhà trường rất coi trọng công tác tin học hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý của CMC để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác [H9.09.01.03]. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường. Công tác quản lý của Trường thực hiện thông qua hệ thống iOffice, CMC, các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý [H9.09.04.04]. Nhà trường

có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), phụ trách công tác vận hành bảo trì hệ thống máy tính, phần mềm, phần cứng... đảm bảo hệ thống máy tính, mạng hoạt động thông suốt [H9.09.04.05].

Nhằm phục vụ tốt cho công tác quản lý và truyền đạt thông tin chính thống, khoa Xây dựng quản lý một số trang mạng như sau:

- Website khoa Tiếng Việt: <http://khoaxaydung.vinhuni.edu.vn>
- Website khoa Tiếng Anh: <http://civil.vinhuni.edu.vn>
- Fanpage khoa: <https://www.facebook.com/tintuckhoaxaydung/>
- Fanpage CLB: <https://www.facebook.com/clbtinhocxaydung/>
- Group khoa: <https://www.facebook.com/groups/xaydungvinh/>
- Group các khóa SV: Mỗi khóa SV đều có Group Facebook riêng
- Group đồ án: Mỗi môn học, đồ án đều có Group Facebook
- Hệ thống elearning: <http://elearning.vinhuni.edu.vn/>
- Hệ thống testonline: <http://testonline.vinhuni.edu.vn/>
- Hệ thống thông tin sv: <http://student.vinhuni.edu.vn/cmsoft.iu.web.info/>
- Hệ thống quản lý sv: CMC (mạng nội bộ)

Mỗi trang mạng có một nhiệm vụ riêng biệt và được khoa bố trí cán bộ quản lý. Nhìn chung, mục đích của hệ thống này là cung cấp thông tin về bài giảng, lịch học, kế hoạch để với sinh viên một cách nhanh nhất. Theo thống kê tháng 9 năm 2018, số lượng thành viên của group khoa là 5.500 người, số lượng người like fanpage là 2.367.

Hàng năm nhà Trường tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV, SV về mức độ hài lòng về trang thiết bị tin học, phòng máy tính thực hành. Kết quả khảo sát cho thấy người học hài lòng với trang thiết bị tin học, phòng máy tính [H9.09.04.06].

## **2. Điểm mạnh.**

Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý của Nhà trường được tin học hóa sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng

- Cán bộ và sinh viên đều có khả năng tin học tốt
- Wifi của trường tuy chậm chạp, nhưng khi kết nối được thì tốc độ rất cao.
- Hệ thống máy móc hiện đại

## **3. Điểm tồn tại.**

Do số lượng người dùng lớn, khối lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên có lúc việc truy cập và internet bị chậm. Tuy nhiên, do số lượng người dùng lớn, khối

lượng và số lượng các hoạt động nhiều, nên vào lúc cao điểm việc truy cập và internet bị chậm, phần mềm CMC chưa được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu của quản lý mới của Nhà trường.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm 2018, Nhà trường chỉ đạo Phòng Đào tạo thực hiện phân luồng đăng kí học trực tuyến hợp lí theo khóa để giảm sự cố nghẽn mạng; tiếp tục yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hoàn thiện phần mềm quản lí nhà trường

- Khuyến khích các cán bộ giảng dạy chia sẻ tài liệu, bài giảng, giáo trình lên các trang tin tức.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.4: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.*

##### **1. Mô tả**

Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc, học tập cũng như tại KTX sinh viên. Tất cả các môn học thực hành, thí nghiệm đều có buổi học nội quy, hướng dẫn an toàn lao động, an toàn thực hành. [H9.09.03.06].

Đối với môn học liên quan vật liệu như Thực tập công nhân, thí nghiệm địa chất, công trình, ... các em sinh viên được yêu cầu chuẩn bị găng tay, khẩu trang để bảo vệ bản thân. Trong quá trình thực hành sinh viên phải tiếp xúc nhiều với bụi bặm và hóa chất, do đó vấn đề an toàn luôn được đặt lên hàng đầu

Đối với các môn học phải thực hành ngoài trời như Trắc địa, sinh viên được yêu cầu sử dụng mũ nón đầy đủ. Quá trình học tập còn phải bảo vệ máy móc nên yêu cầu an toàn về sức khỏe và môi trường trong môn học này phải thực hiện nghiêm ngặt hơn.

Đối với môn thí nghiệm công trình đường, sinh viên phải tiếp xúc nhiều với nhựa đường và nhiệt độ cao. Đối với môn này, bộ môn và khoa đã bố trí riêng một khu vực để thí nghiệm, đồng thời các thiết bị phòng ngừa hỏa hoạn được chuẩn bị sẵn sàng.

Phòng quản trị và đầu tư, Trạm y tế, Trung tâm nội trú, đơn vị vệ sĩ có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương; Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của Trường, KTX; Phương án PCCC theo quy định; Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu vực Trường và KTX sinh viên; Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế và tuyển dụng bác sĩ khám chữa, sơ

cứu cũng đã được xây dựng. Môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của CB, GV và SV luôn được đảm bảo an toàn, xanh - sạch - đẹp [H9.09.05.01].

Trong năm 2018, nhà Trường đã hợp đồng với công ty vệ sinh đảm bảo công tác an ninh trong khuôn viên trường. Ngoài ra, trường có sự phối hợp với bộ phận công an địa phương để đảm bảo tốt nhất về an ninh. Công tác vệ sinh môi trường được hợp đồng với các công ty vệ sinh trên thành phố thường xuyên đảm bảo GV, SV, CBCNV có một môi trường hoàn toàn vệ sinh sạch đẹp [H9.09.05.02]. Nhà Trường định kì tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe cho cán bộ theo quy định để đảm bảo tốt quá trình công tác. Nhà Trường còn phối hợp với tổ chức y tế CB, SV trường tham gia hiến máu nhân đạo được tổ chức hàng năm. Do vị trí của Trường nằm trong khu vực thường xảy ra bão lụt nhiều do đó công tác tập huấn ứng phó thiên tai, tai nạn lao động, phòng chống cháy nổ luôn được coi trọng. Nhà Trường đã cử một số CB phù hợp tham gia các lớp tập huấn để có kiến thức xử lý khi có trường hợp xảy ra [H9.09.05.03].

Trường đại học là một trong những trường đại học quan tâm đến Xây dựng không gian xanh trong trường học. Tất cả các con đường nội bộ trong trường đều được trồng cây xanh 2 bên. Cách khoảng 50 m lại có 1 thùng rác công cộng. [H9.09.01.01].

Tại các tầng của trường đều được bố trí máy lọc nước uống phục vụ cho sinh viên. Đây là sản phẩm của hệ thống máy lọc nước hiện đại của đại học Vinh. Qua hệ thống này, nước có thể uống trực tiếp mà vẫn đảm bảo sức khỏe cho các sinh viên.

Trong thiết kế cơ sở vật chất và các bài thí nghiệm của mình, khoa xây dựng đã có lưu tâm đến các sinh viên khuyết tật. Lối đi vào nhà thí nghiệm được thiết kế dốc, không có bậc thang, khu vệ sinh cũng được bố trí 1 phòng riêng cho các em khuyết tật. [H9.09.03.01].

Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên khảo sát thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của sinh viên, cán bộ và giảng viên, từng bước cải tạo, nâng cấp, bổ sung đáp ứng nhu cầu tốt nhất [H9.09.05.05]. Qua các khảo sát, phản hồi của sinh viên về vấn đề này được xem là rất tốt.

## **2. Điểm mạnh.**

Nhà trường xác định rõ ràng các tiêu chuẩn về môi trường, an toàn và sức khỏe, toàn thể đội ngũ bảo vệ, trạm y tế, Ban quản lý giảng đường,...đều được tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ trong công tác, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sức khỏe xanh - sạch - đẹp.

Hàng năm, trong tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, các vấn đề trật tự, trị an, các nội quy, quy định của Nhà trường được truyền đạt đến sinh viên thông qua các buổi trao đổi giữa lãnh đạo các phòng ban.

### **3. Điểm tồn tại.**

Khuôn viên của trường khá rộng nằm trong khu đông dân cư, do đó việc xác định các đối tượng xấu để có biện pháp chuẩn bị còn gặp nhiều khó khăn.

Sinh viên chưa hiểu được tầm quan trọng của công tác bảo hiểm y tế, nên lượng sinh viên tham gia nghiêm túc mua bảo hiểm chưa cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Nhà Trường sẽ bổ sung các camera ở một số vùng chưa có để có thể quản lý tốt hơn. Mặt khác tăng cường nhắc nhở, đảm bảo 100% sinh viên mua bảo hiểm y tế, xây dựng chính sách quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 9.5: Đạt (mức 5/7 điểm).**

#### **Kết luận Tiêu chuẩn 9:**

- Cơ sở nhà vật chất nhà trường gồm hệ thống các phòng học, phòng thực hành phòng làm việc, trung tâm thư viện, y tế, an ninh trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác đào tạo và triển khai các hoạt động của nhà trường.

Khoa xây dựng cần hoàn thiện đề xuất mua sắm các trang bị phục vụ cho phòng thí nghiệm để kịp thời triển khai công tác đào tạo cho năm học 2018-2019.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành Kỹ thuật xây dựng đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 5 tiêu chí đạt 5/7 điểm.



## **Tiêu chuẩn 10:** **NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG**

### **Mở đầu**

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển nền giáo dục của một cơ sở đào tạo. Để trường Đại học Vinh nói chung và khoa Xây dựng nói riêng có thể trở thành địa điểm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành Xây dựng đất nước; là trung tâm nghiên cứu khoa học có uy tín trong lĩnh vực xây dựng và một số lĩnh vực khác; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế thì nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng đào tạo. Nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học gắn liền với việc cải tiến các yếu tố:

- Kiến thức, kỹ năng và thái độ hoặc năng lực của người học;
- Môi trường và các cơ hội học tập;
- Chất lượng của CSGD hoặc CTĐT.

Nhà trường cùng với Khoa Xây dựng đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng chương trình đó là:

- Xây dựng CDR theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT;
- CTĐT được định kỳ đánh giá và cải tiến chất lượng đáp ứng CDR và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động;
- Phương pháp dạy và học, quy định đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát, đánh giá thường xuyên đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR;
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ hỗ trợ thường xuyên được đánh giá và cải tiến chất lượng;
- Các kết quả NCKH đều được sử dụng để cải tiến việc dạy và học;
- Duy trì cơ chế phản hồi từ người học cũng như các bên liên quan khác về CTĐT của Nhà trường, Khoa để giúp thiết kế tốt chương trình cũng như đảm bảo tính cập nhật và phù hợp.

Trải qua chặng đường xây dựng và phát triển, Khoa Xây dựng đã khẳng định được uy tín trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất. Khoa đã đào tạo hàng nghìn kỹ sư phục vụ cho ngành xây dựng cho khu vực Bắc Trung Bộ và của đất nước.

***Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học***

**1. Mô tả**

Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh với mục tiêu xây dựng và cải tiến CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp, đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học, CTĐT của ngành được định kỳ rà soát, điều chỉnh. Việc rà soát, điều chỉnh CTĐT, CTDH, CDR [H10.10.01.01], đều được thực hiện theo quy trình cụ thể trong đó có bước khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan [H10.10.01.02]. So với các năm trước thì với CTĐT năm 2016 đã có bản mô tả CTĐT với đầy đủ nội dung và đề cương các học phần đã bổ sung thêm CDR, phương pháp kiểm tra đánh giá. CTĐT từ khóa 54 yêu cầu sinh viên phải có chứng chỉ tiếng anh B1 mới được xét tốt nghiệp [H10.10.01.03]. Kết quả khảo sát cho thấy: GV, đánh giá CTĐT có cấu trúc hợp lý, có tính hệ thống và cập nhật, CDR phù hợp với nhu cầu xã hội; Người học nắm rõ ràng về CTĐT, CDR; Cựu người học đánh giá CTĐT được xây dựng với các môn học có tính hỗ trợ lẫn nhau; Nhà tuyển dụng hài lòng với CTĐT mà người lao động đã được học, mục tiêu của CTĐT rõ ràng, khối lượng kiến thức người lao động đã học đáp ứng được nhu cầu công việc và cấu trúc CTĐT hợp lý [H10.10.01.02].

Nhà trường, Khoa Xây dựng đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học khi tốt nghiệp về chất lượng chương trình của ngành [H10.10.01.02]. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan cũng được triển khai thông qua các hội nghị với thế giới việc làm, các buổi hội thảo chuyên môn,... đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, phương pháp tổ chức đào tạo, SV của Khoa Xây dựng ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường [H08.08.02.04].

**2. Điểm mạnh**

Sự phản hồi tích cực từ phía các bên liên quan đã góp phần giúp Nhà trường, Khoa Xây dựng rà soát, điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT của ngành Kỹ thuật xây dựng cũng như chất lượng CTDH.

**3. Điểm tồn tại**

Bên cạnh các ý kiến phản hồi giúp điều chỉnh và nâng cao chất lượng CTĐT thì vẫn còn một số hạn chế như: Số lượng khảo sát còn ít, ngoài ra còn có những nhà tuyển dụng chưa thực sự ý thức tốt khi phản hồi ý kiến đóng góp xây dựng chương trình.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Trung tâm đảm bảo chất lượng cùng với Khoa Xây dựng triển khai việc tăng cường mối liên hệ chặt chẽ với cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và tiếp tục thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan định kỳ hàng năm từ đó tổng hợp phân tích để điều chỉnh và phát triển chương trình dạy học.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được xác lập, được đánh giá và cải tiến***

##### **1. Mô tả**

Từ năm 2007 từ triển khai dự án giáo dục Việt Nam - Hà Lan (POHE) chương trình được thiết kế tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học biết rõ mình phải dạy, học những loại kiến thức, kỹ năng gì, mức độ rộng, hẹp, nông sâu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Điều này có thể thấy rõ thông qua đề cương chi tiết các học phần ban hành năm 2017 trở về trước đó là việc quy định rất rõ ràng SV phải làm gì khi học một học phần nào đó và kèm theo là nội dung tóm tắt của học phần. Đến năm 2017, đề cương chi tiết các học phần đã được cập nhật theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu cần đạt được của người học sau khi kết thúc học phần (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) [H10.10.01.01].

Việc xây dựng đề cương chi tiết các học phần mới điều chỉnh, sửa chữa, cập nhật đã được thực hiện một cách bài bản theo đúng quy định của Nhà trường: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần; Bộ môn phụ trách xây dựng đề cương chi tiết theo hướng dẫn; Hội đồng khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường họp và thông qua đề cương chi tiết các học phần [H10.10.01.01]. Đề cương chi tiết của tất cả các học phần của ngành Kỹ thuật xây dựng đã được thực hiện theo đúng yêu cầu của Nhà trường về rà soát, chỉnh sửa, hoàn thành đề cương các học phần của CTĐT. [H10.10.02.01]. Trong quá trình rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết thì việc xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan có vai trò quan trọng không chỉ cho đề cương chi tiết mà cả CTDH. [H10.10.01.02].

##### **2. Điểm mạnh**

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập trên cơ sở mục tiêu đào tạo rõ ràng tạo ra CTDH có tính khoa học, chính xác, quá trình dạy học hợp lý và thường xuyên được đánh giá, cải tiến thông qua khảo sát ý kiến của các bên liên quan.

### **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến của cựu người học trong thiết kế chương trình dạy học chưa được rõ nét.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2017, khi Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO thì ngoài ý kiến phản hồi của GV, SV, nhà tuyển dụng thì cần mở rộng khảo sát lấy ý kiến cựu người học để phục vụ cho thiết kế và phát triển CTDH nhằm hỗ trợ trong việc đạt CĐR.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.2: Đạt (mức 5/7 điểm).**

*Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra*

#### **1. Mô tả**

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao khả năng tự học của sinh viên, giảng viên của Khoa Xây dựng đã thay đổi phương pháp giảng dạy, chuyển từ kiểu đọc - chép sang kiểu dạy học tích cực lấy người học làm trung tâm với sự hỗ trợ của các trang thiết bị hiện đại. Tính chủ động, sáng tạo của người học được tăng cường, tăng hiểu biết thực tế của sinh viên, rèn luyện các kỹ năng, sự tự tin và khả năng làm việc theo nhóm.

Việc đánh giá KQHT không chỉ nhằm mục đích đánh giá kết quả quá trình học tập của người học mà còn giúp GV nắm bắt được chất lượng, phương pháp của việc giảng dạy, từ đó có những điều chỉnh cho thích hợp. Với mục đích đảm bảo thực hiện được CĐR đã công bố của ngành thì quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên. Hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo trong giao ban đào tạo từng kỳ về tình hình lên lớp của GV trong kỳ đó và giao kế hoạch kỳ tới. Sau khi có kết luận của hội nghị giao ban đào tạo thì Khoa Xây dựng tiến hành họp và giao nhiệm vụ cho các bộ môn thường xuyên rà soát, thay đổi phương pháp giảng dạy đảm bảo cung cấp kiến thức và rèn luyện kỹ năng cho SV [H10.10.03.01]. Vấn đề rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy và học, đánh giá KQHT của người học thường xuyên được đưa vào báo cáo tổng kết công tác năm học trong hội nghị CBVC Khoa và Nhà trường [H10.10.03.02].

Khi rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các học phần theo hướng tiếp cận CDIO đã bổ sung thêm phương pháp đánh giá các học phần với các hình thức kiểm tra, cơ

cầu và tỷ trọng điểm thành phần, điểm kết thúc các học phần phù hợp với quy định về kiểm tra đánh giá học phần. Theo kết quả khảo sát người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, GV thì kết quả học tập của SV được GV đánh giá chính xác, khách quan, công bằng và được đánh giá, rà soát thường xuyên. [H10.10.03.05].

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của SV là việc làm thường xuyên ở Nhà trường. Trong nội dung của phiếu đánh giá này có nội dung đánh giá về ý thức tham gia học tập của SV. Kết quả phân loại rèn luyện theo học kỳ và năm học là một trong những tiêu chuẩn xét học tiếp, dừng học, xét thi đua khen thưởng và học bổng tài trợ ngoài ngân sách [H10.10.03.03].

Ngoài ra, trong công tác CVHT, Nhà trường quy định CVHT có trách nhiệm theo dõi tình hình, kết quả học tập của sinh viên theo từng học kỳ để tư vấn cho SV đăng ký, điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp. Đồng thời thông qua các buổi sinh hoạt lớp để CVHT nắm được tình hình học tập của SV, động viên SV có ý thức, kết quả học tập tốt, nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt [H10.10.03.04].

Tất cả những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như người học, cựu người học, GV,... về phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá KQHT được tiếp thu và giúp cho Nhà trường xây dựng kế hoạch hành động, cải tiến chất lượng của Trường Đại học Vinh [H10.10.01.02].

## **2. Điểm mạnh**

Đánh giá KQHT, quá trình giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa rà soát và đánh giá thường xuyên đảm bảo đào tạo người học khi ra trường có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng. Sinh viên có kỹ năng chuyên môn, lập luận và giải quyết vấn đề, phát huy khả năng làm việc theo nhóm và có kỹ năng giao tiếp xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số học phần có phương pháp và mức độ đánh giá chưa phù hợp, chưa phát huy hết năng lực của người học.

## **4. Kế hoạch hành động**

Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh Một số học phần nhằm có phương pháp và mức độ đánh giá phù hợp, phát huy hết năng lực của người học.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

## ***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học***

### **1. Mô tả**

Hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chính vì vậy Nhà trường đã đưa ra mục tiêu cho hoạt động KH&CN là xây dựng trường Đại học Vinh trở thành trường trọng điểm Quốc gia, dẫn đầu trong một số ngành đào tạo, tập trung phát triển khoa học công nghệ của một số ngành mũi nhọn là thế mạnh của Nhà trường.

NCKH sinh viên là một trong những nội dung của hoạt động khoa học công nghệ. Hoạt động này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV; góp phần tạo ra tri thức, sản phẩm mới cho xã hội. Hàng năm, Nhà trường, Khoa Xây dựng thông báo đăng ký đề tài NCKH SV để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH [H10.10.04.01]. Hoạt động NCKH giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các Hội đồng. Các đề tài tiêu biểu của Khoa được lựa chọn để báo cáo trong hội nghị NCKH SV toàn trường [H10.10.04.02]. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, Nhà trường xuất bản Kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải nhất cấp Trường tại các tiểu ban [H10.10.04.03]. Công tác NCKH SV tiếp tục phát triển, số lượng đề tài tăng nhanh, chất lượng các đề tài tốt và tương đối đồng đều, số SV tham gia ngày càng tăng.

Đối với GV, NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính, NCKH không chỉ là nhiệm vụ mà còn là trách nhiệm. NCKH giúp GV đưa vào giảng dạy những hiểu biết mới, làm tăng chất lượng giảng dạy và với sự phát triển nhanh của KH, người GV phải thường xuyên cập nhật thêm nhiều những kiến thức mới, không thể giảng những kiến thức cũ đã hết giá trị, trong đó có những đề tài phục vụ công tác đào tạo [H10.10.04.04]. Kết quả và sản phẩm của các đề tài sau khi nghiệm thu được sử dụng làm tài liệu học tập, tham khảo và phục vụ công tác giảng dạy [H10.10.04.03].

## **2. Điểm mạnh**

Giảng viên và sinh viên của Khoa Xây dựng đã tích cực tham gia NCKH, có ý thức vận dụng để cải tiến việc dạy và học, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường. Các kết quả NCKH được công nhận và phản hồi tốt từ bên ngoài.

## **3. Điểm tồn tại**

Thông tin phân tích đánh giá hiệu quả của NCKH đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo như các đề tài khoa học giáo dục chưa được triển khai nhiều. Các đề tài khoa học chuyên ngành chưa thực sự gắn kết với hoạt động giảng dạy.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục những điểm tồn tại nêu trên, từ năm 2018 Nhà trường cần tập trung đầu tư cho giảng viên Khoa Xây dựng tham gia các đề tài, dự án của Bộ GD&ĐT, của nhà nước về các vấn đề như Các đề tài về khoa học giáo dục, các đề tài khoa học chuyên ngành cần thiết cho sự gắn kết với hoạt động giảng dạy.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.4: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

### **1. Mô tả**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Trường Đại học Vinh, các đơn vị phòng ban chức năng, Khoa Xây dựng và các Bộ môn luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích. Trung tâm thực hành thí nghiệm của Nhà trường đã có khu thực hành thí nghiệm riêng cho khoa Xây dựng, với các trang thiết bị được đầu tư khá đầy đủ và hiện đại, hỗ trợ đắc lực cho công tác đào tạo và NCKH của GV cũng như SV của Khoa [H10.10.05.01]. Trong những năm gần đây, Nhà trường, các đơn vị có liên quan đều xin ý kiến đánh giá từ phía GV, người học nhằm tìm ra những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy [H10.10.05.02].

Thư viện của Nhà trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn

Thức Hào có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn [H10.10.05.03]. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm [H10.10.05.04]. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo [H10.10.05.05]. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib) [H10.10.05.06]. Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến [H10.10.05.07]. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin -Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>; <http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Bạn đọc có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học: ĐHQG Hà Nội, ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA...thông qua mạng quốc tế Internet [H10.10.05.08].

Giảng viên, sinh viên cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng về nguồn tài liệu, cơ sở vật chất và cung cách phục vụ của thư viện Nhà trường. Từ năm 2000, thư viện đã có qui định về thời gian mở cửa và các qui định liên quan đến hoạt động của thư viện. Thư viện mở cửa phục vụ hai buổi mỗi ngày trong năm học (kể cả thứ 7 và chủ nhật) [H10.10.05.09]. Số lượng học sinh, sinh viên đến thư viện học và mượn sách tăng hàng năm. Trong 5 năm 2011 - 8/2016, số lượt người học và giảng viên mượn tài liệu đạt 332.533 lượt, bình quân 73.896 lượt/năm, không tính lượt download tài liệu. [H10.10.05.09]. Để phát huy hiệu quả hoạt động thông tin thư viện, hàng năm Thư viện tổ chức các lớp bồi dưỡng “Kĩ năng khai thác và sử dụng thư viện” cho cán bộ và học sinh, sinh viên đầu khóa và chủ động biên soạn cẩm nang “Hướng dẫn sử dụng thư viện” gửi đến bạn đọc từng khoa và đưa lên website trung tâm để thông báo rộng rãi đến các đối tượng bạn đọc trong và ngoài trường [H10.10.05.10]. Công tác chuyên môn nghiệp vụ của thư viện đã được chuẩn hóa, đảm bảo việc liên thông liên kết với các thư viện trong nước và quốc tế. Thư viện trường hiện nay là một trong những thư



viện hiện đại của hệ thống thư viện đại học Việt Nam và trong khu vực. Công tác thông tin, giới thiệu sách luôn được Thư viện quan tâm thường xuyên. Đặc biệt từ năm học 2012 - 2013, thư viện đã phối hợp với các đơn vị trong Trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc [H10.10.05.02]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến cho thấy giảng viên và sinh viên cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện [H10.10.05.02]. Tháng 8/2016, Thư viện đã đưa vào sử dụng hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 nhằm tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

Tuy nhiên, số đầu sách tính theo từng chuyên ngành đào tạo chưa đồng đều; các tài liệu cho các ngành mới mở còn thiếu; nguồn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo cao học và nghiên cứu sinh còn hạn chế; các đầu sách về các ngành khoa học thực nghiệm chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới công tác đào tạo; Thư viện hiện đang sử dụng phần mềm quản lý thư viện điện tử IILib phiên bản 4.0 do Công ty máy tính truyền thông CMC cung cấp từ năm 2007, đến nay một số tính năng hoạt động đã bộc lộ nhiều hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa nghiệp vụ [H10.10.05.06]..

## **2. Điểm mạnh**

Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát, Nhà trường đã đầu tư, cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này.

## **3. Điểm tồn tại**

Hệ thống tra cứu tại các phòng đọc còn gặp trục trặc nên chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu truy cập của bạn đọc. Tốc độ truy cập mạng còn chậm mặc dù Nhà trường đã cố gắng phủ sóng wifi toàn trường.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm 2017, nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, nâng cấp hệ thống mạng wifi đảm bảo nâng cao chất lượng truy cập và tối ưu hệ thống mạng.

Từ năm 2017, bằng nguồn vốn tự bổ sung Trường giao cho Trung tâm Thư viện Nguyễn Thúc Hào tiếp tục đầu tư mua thêm sách chuyên ngành đáp ứng yêu cầu Chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO và giáo trình, tài liệu đầy đủ cho tất cả các ngành, chuyên ngành đào tạo của Nhà trường.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.5: Đạt (mức 5/7 điểm).**

## ***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

### **1. Mô tả**

Nhà trường nhiều kế hoạch về mục tiêu tự đánh giá chất lượng CTDH, đánh giá hoạt động của GV, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (người học, cựu người học, GV, nhà tuyển dụng) như: khảo sát về CTĐT; khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTĐT; khảo sát CVHT về các mặt như mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, công tác đề thi; khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường; chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH; môi trường cảnh quan học tập; nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp,...[H5.05.01.02].

Trong đó, có những việc được làm thường xuyên (khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV từng học kỳ, khảo sát cựu SV về việc triển khai và đánh giá chất lượng CTĐT, khảo sát CVHT), có việc chưa được làm thường xuyên (khảo sát về CTĐT, khảo sát về CTDH đối với GV, người học, cựu người học và nhà tuyển dụng). Trong thời gian tới, Trung tâm Đảm bảo chất lượng cần có kế hoạch để thực hiện thường xuyên công tác khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để cải tiến chất lượng, giúp Nhà trường thực hiện tốt quy định về kiểm định chất lượng giáo dục [H5.05.01.02]. [H10.10.06.01].

### **2. Điểm mạnh**

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được thiết lập có tính hệ thống và đã nhận được các ý kiến đóng góp cho các hoạt động của Nhà trường đặc biệt là về CTĐT, CTDH, công tác cố vấn học tập, đánh giá hoạt động giảng dạy của GV.

### **3. Điểm tồn tại**

Hiệu quả trong đánh giá cải tiến chưa cao. Chưa thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi theo định kỳ đồng thời cập nhật chương trình sau phản hồi.

### **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường cần thành lập hội đồng tư vấn đào tạo và tiếp nhận phản hồi, đồng thời cần cập nhật điều chỉnh các mẫu phản hồi, hình thức lấy ý kiến để đem lại hiệu quả cao hơn. Tăng cường sử dụng đánh giá qua website, mạng internet.

### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 10.6: Đạt (mức 5/7 điểm).**

### **Kết luận tiêu chuẩn 10:**

Là một trong những ngành mới thành lập của Trường Đại học Vinh, việc nâng cao chất lượng ngành đào tạo Kỹ thuật xây dựng được Nhà trường và Khoa hết sức quan tâm. Việc thu thập các thông tin phản hồi từ người học, nhà tuyển dụng, GV của Nhà trường và đối tác nước ngoài được chú trọng và thực hiện đầy đủ một cách có hệ thống và thường xuyên. Các thông tin này là cơ sở để xây dựng và hoàn thiện và cải tiến chương trình. Quá trình dạy và học, việc đánh giá KQHT của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Các NCKH thông qua đề tài NCKH các cấp, NCKH SV được quan tâm và được sử dụng trong cải tiến việc dạy và học.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ thông tin, Khoa Xây dựng, ...) thường xuyên được rà soát và nâng cao nhằm tạo điều kiện tốt nhất.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa Xây dựng đánh giá tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí và cả 06 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

## **Tiêu chuẩn 11:**

### **KẾT QUẢ ĐẦU RA**

#### **Mở đầu**

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Hàng năm, Khoa Xây dựng đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, thời gian hoàn thành chương trình, tỷ lệ sinh viên thôi học, lượng sinh viên tốt nghiệp xin được việc làm cũng được cập nhật thông qua sự kết nối chặt chẽ với cựu sinh viên.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của ngành Kỹ thuật xây dựng, các hướng nghiên cứu ưu tiên của Nhà trường được lên kế hoạch hàng năm và khuyến khích thực hiện.

Nhà trường, Khoa Xây dựng đã xây dựng hệ thống thu thập và phân tích sự hài lòng của các bên liên quan là cơ sở quan trọng cho việc cải tiến chương trình, hoạt động và chất lượng hệ thống đảm bảo chất lượng.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

#### **1. Mô tả**

Số lượng SV bị buộc thôi học do KQHT yếu và bị cảnh báo học tập của sinh viên trong Khoa tương đối thấp [H11.11.01.01]. Các trường hợp còn lại cũng không nhiều. Đây cũng là đặc điểm chung của tất cả các ngành đào tạo trong Nhà trường. Khoa Xây dựng với lượng sinh viên đông đảo có tỷ lệ bị buộc thôi học vì KQHT [H11.11.01.01] thấp là do hệ thống CVHT, các Bộ môn, các Khoa và Nhà trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của từng SV và có những giải pháp cho phù hợp như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn làm rõ thêm, tháo gỡ những khó khăn trong học tập của cả tập thể lớp SV [H11.11.01.02].

## Bảng thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp từ năm 2014-2018

### Ngành: Kỹ thuật xây dựng

Năm nhập học	Năm học tốt nghiệp	Khóa học	Số lượng đầu khóa	Số lượng tốt nghiệp cuối khóa	Tỉ lệ % người học hoàn thành chương trình trong thời gian		
					4 năm	5 năm	trên 5 năm
2009	2014	K50	196	161	0,00%	72,45%	9,69%
2010	2015	K51	353	292	0,00%	69,12%	13,60%
2011	2016	K52	456	348	0,00%	66,89%	9,43%
2012	2017	K53	390	281	0,00%	66,92%	5,13%
2013	2018	K54	371	207	0,00%	55,80%	27,22%

*Nguồn: Thống kê của Khoa xây dựng từ dữ liệu phòng Đào tạo*

Tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn thiết kế đối với ngành Kỹ thuật xây dựng là khá cao (72,45% với khóa 50; 69,12% với khóa 51; 66,12% với khóa 52), số còn lại không được công nhận tốt nghiệp theo thời gian thiết kế chủ yếu là do chứng chỉ giáo dục thể chất hoặc giáo dục quốc phòng [H11.11.01.01].

Kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên Khoa Xây dựng nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp (tỷ lệ trên 80% có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp).

### 2. Điểm mạnh

Khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng với số lượng sinh viên đông đảo nhưng tỷ lệ SV bị buộc thôi học khá thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn nhiều là do có sự giám sát chặt chẽ của Nhà trường, Khoa và các Bộ môn chuyên ngành. Thông qua ý kiến phản hồi của cựu SV về tình hình việc làm sau tốt nghiệp để Khoa có hướng thay đổi, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

### 3. Điểm tồn tại

Công tác giám sát KQHT của người học của CVHT vẫn chưa đồng bộ. Nhà trường và Khoa chưa thực hiện việc giám sát tình hình của sinh viên bỏ học.

### 4. Kế hoạch hành động

Nhà trường có kế hoạch giao cho phòng CTCT-HSSV phối hợp với các Bộ môn, CVHT tiến hành giám sát và lưu trữ thông tin đối với sinh viên bỏ học, tìm ra nguyên nhân để cải tiến kịp thời.

Trong tháng đầu tiên của các năm học, các giáo viên chủ nhiệm được giao nhiệm vụ quản lý các lớp có trách nhiệm phải liên hệ với các sinh viên có kết quả học tập kém, ít đăng ký môn và hỏi nguyên nhân để phối hợp tìm cách giúp đỡ sinh viên tiến bộ. Các giáo viên thường xuyên có mối liên hệ với gia đình sinh viên để thông báo kết quả học tập và quản lý các em được tốt hơn.

Thành lập các nhóm sinh viên học tốt để phụ đạo thêm cho các nhóm sinh viên học kém. Khoa có tổ chức các câu lạc bộ phần mềm chuyên ngành Xây dựng, Giao thông để hỗ trợ các em tìm hiểu và nghiên cứu về phần mềm trong lĩnh vực Xây dựng nói chung.

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.1: Đạt (mức 5/7 điểm).**

#### ***Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### **1. Mô tả**

Sau khi khóa SV đầu tiên ngành Kỹ thuật xây dựng đào tạo theo hệ thống tín chỉ tốt nghiệp, đây cũng là thời điểm Nhà trường yêu cầu Hội đồng KH&ĐT các khoa, các ngành rà soát, điều chỉnh CTĐT dựa trên một số định hướng như đã nêu ở các tiêu chuẩn trước trong đó có lưu ý về khối lượng học tập của người học trong toàn khóa học. Mặc dù tỷ lệ tốt nghiệp người học ngành Kỹ thuật xây dựng là khá cao nhưng sau lần rà soát, điều chỉnh năm 2014 thì thời lượng tổng toàn khóa học có sự thay đổi [H11.11.02.01]. Đối với ngành Kỹ thuật xây dựng, người học sẽ phải hoàn thành 160 tín chỉ (quy đổi 1 tín chỉ bằng 15 tiết lý thuyết, 30 tiết thảo luận hoặc bài tập) trong 5 năm (10 học kỳ chính, thời gian khóa học quy định) với thời gian hoàn thành chương trình tối đa là 8 năm [H11.11.02.01]. Ngoài ra trong 5 năm vừa qua, thông qua phòng Đào tạo - đơn vị quản lý vấn đề học tập của SV bằng phần mềm quản lý và các hồ sơ lưu trữ KQHT (bảng điểm, sổ cấp phát văn bằng...), Nhà trường và Khoa đã có nhiều biện pháp nhằm nâng cao tỷ lệ người học thi đạt và tỷ lệ người học khá giỏi. Trong số các biện pháp đó là lãnh đạo Khoa Xây dựng đã bố trí các buổi làm việc với các bộ môn phụ trách các học phần có tỷ lệ thi đạt chưa cao để tìm ra nguyên nhân và biện pháp giải quyết cũng như xây dựng đề cương ôn tập cho sinh viên [H11.11.02.02].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên khoa Xây dựng của 1 khóa ngành Kỹ sư xây dựng là 5 năm, số lượng sinh viên tốt nghiệp muộn chiếm tỷ lệ nhỏ so với tổng số lượng sinh viên tốt nghiệp 5 năm. Nguyên nhân ra trường muộn của sinh

viên chủ yếu do các nguyên nhân: Bị nợ môn trong những năm học đầu, nợ các môn đại cương.

Giám sát: Khoa đã tổ chức bộ phận cố vấn học tập, các câu lạc bộ học thuật để giúp đỡ các học sinh trong việc học tập: Hỗ trợ đăng ký trả nợ các môn học, câu lạc bộ học thuật, sinh viên khóa cũ giúp đỡ SV khóa mới. Trong các cuộc họp bộ môn, vấn đề giúp đỡ sinh viên, người học luôn được quan tâm đưa ra trao đổi, thảo luận và tìm giải pháp.

Đối sánh với các trường Đại học Giao thông vận tải, Đại học Xây dựng, Đại học Thủy lợi

## **2. Điểm mạnh**

Thời gian tốt nghiệp của người học được Nhà trường quy định cụ thể đối với từng ngành học đồng thời Nhà trường, Khoa đã phối hợp chặt chẽ với nhau để đưa ra các biện pháp giúp nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp, rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số sinh viên gặp khó khăn khi trả nợ học phần do đặc thù chương trình nên đăng ký học nâng điểm, trả nợ học phần gặp khó khăn do số lượng đăng ký quá ít.

Một số sinh viên gặp khó khăn để đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ dẫn đến kéo dài thời gian tốt nghiệp.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2015-2016, Nhà trường, Khoa cùng với phòng Đào tạo tiến hành triển khai các quy định cho phép sinh viên có thể học trả nợ một số học phần để đảm bảo thời gian tốt nghiệp. Tổ chức thêm các lớp tăng cường ngoại ngữ để đạt CĐR.

Từ năm học 2017 - 2018 Khoa đã phân công trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm phải nắm bắt và đôn đốc các sinh viên lớp mình hoàn thành các chứng chỉ ngoại ngữ, lên kế hoạch học tập cho bản thân để ra trường đúng thời hạn.

Phát huy điểm mạnh của sinh viên khoa Xây dựng là tinh thần đoàn kết, Khoa đã tổ chức các nhóm, câu lạc bộ học thuật để các em sinh viên học lực khá, giỏi giúp đỡ các bạn có học lực yếu hơn và làm tăng khả năng tự học của sinh viên hơn.

Nhà trường, Khoa tổ chức rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học phần hàng năm và có kế hoạch điều chỉnh.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.2: Đạt (mức 4/7 điểm).**

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

**1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng quan tâm và coi trọng việc SV của Khoa sau khi tốt nghiệp ra trường sớm có việc làm, đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc ổn định. Mong muốn đó đã và đang được hiện thực hóa bằng nhiều biện pháp như rà soát, điều chỉnh CDR; rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học phần. Song song với các biện pháp kể trên, Nhà trường và Khoa cũng tập trung vào việc khảo sát tình hình có việc làm sau tốt nghiệp của SV [H11.11.03.01], yêu cầu kiến thức, kỹ năng đối với người tuyển dụng, nhu cầu xã hội bằng những biện pháp thiết thực như tăng thời lượng thực hành, thí nghiệm, thực tập, tăng thời lượng thảo luận, bài tập của các học phần, phát triển kỹ năng mềm, phương pháp làm việc nhóm. Bên cạnh đó, nhà tuyển dụng với mong muốn tuyển được những SV có kiến thức, kỹ năng tốt, thích ứng nhanh với công việc thực tế nên đã khuyến khích SV học tập bằng việc cấp học bổng cho những SV có KQHT xuất sắc [H11.11.03.02].

Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy SV ngành Kỹ thuật xây dựng nhanh chóng có việc làm sau khi tốt nghiệp và đa phần được làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo. Nhà tuyển dụng hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng (với tỷ lệ 66% nhà tuyển dụng đồng ý) [H11.11.03.01].

**Bảng thống kê tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp**

TT	Năm tốt nghiệp	Số người học đã tốt nghiệp	Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành ĐT		Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành ĐT
			> 6 tháng	> 12 tháng	
1	2014	161	90%	91%	5%
2	2015	292	87%	90%	5%
3	2016	348	90%	91%	5%
4	2017	281	80%	81%	5%
5	2018	207	83%	85%	5%



## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa tạo các điều kiện tốt nhất giúp SV đáp ứng được yêu cầu từ nhà tuyển dụng về cả chuyên môn và các kỹ năng khác. Tỷ lệ sớm có việc làm của SV ngành Kỹ thuật xây dựng sau khi tốt nghiệp là rất cao, đáp ứng được yêu cầu của xã hội.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng doanh nghiệp mà sinh viên tham gia công tác quá lớn, việc kết nối giữa các doanh nghiệp đó với Khoa Xây dựng và Trường Đại học Vinh còn nhiều hạn chế.

Chưa có đội ngũ chuyên biệt phụ trách công tác ngoại giao, liên hệ với các doanh nghiệp mà sinh viên sau khi tốt nghiệp công tác.

Chỉ mới thành lập được hội cựu sinh viên cho từng khóa riêng rẽ chứ chưa có Hội cựu sinh viên toàn Khoa Xây dựng tất cả các thế hệ, nên việc trao đổi thông tin nắm bắt lẫn nhau còn bị hạn chế.

Chưa tổ chức được nhiều buổi giao lưu giữa Khoa và doanh nghiệp trong ngành Xây dựng.

Vẫn còn một số lượng ít sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa tìm được việc hoặc làm việc trái với ngành được đào tạo.

## **4. Kế hoạch hành động**

Nhà trường, Khoa có kế hoạch định kỳ tổ chức hội nghị khách hàng, các buổi trao đổi giữa Thầy và trò khoa Xây dựng với các cựu sinh viên và đồng thời cũng là nhà tuyển dụng nhằm đào tạo người học ra trường đáp ứng CĐR và nhu cầu xã hội.

Trong năm học 2018 - 2019 Khoa sẽ tổ chức 1 hội thảo liên quan đến vấn đề tuyển sinh của ngành Xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế hiện nay của các doanh nghiệp, sẽ mời các doanh nghiệp và Sở ban ngành cùng các sinh viên tham dự.

Sinh viên khoa Xây dựng đi làm việc, công tác trên khắp mọi miền Tổ quốc Việt Nam là điều kiện thuận lợi cho việc quảng bá chất lượng đào tạo của Khoa Xây dựng - Đại học Vinh. Các lễ kỷ niệm thành lập Khoa, Trường sẽ gửi giấy mời đến tất cả các cựu giảng viên, cán bộ và sinh viên đã từng công tác, học tập ở Khoa Xây dựng - Đại học Vinh về tham dự.

Năm học 2018 - 2019 trở về sau sẽ hình thành Ban cán sự phụ trách nhóm cựu sinh viên Khoa Xây dựng - Đại học Vinh để việc trao đổi thông tin được thuận lợi hơn.

Nhà trường và Khoa luôn cố gắng duy trì liên lạc với các sinh viên đã tốt nghiệp để có thể hỗ trợ tối đa cho các bạn sinh viên có thể sớm tìm được việc làm.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.3: Đạt (mức 5/7 điểm).**

***Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

**1. Mô tả**

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng luôn xác định hoạt động KH&CN là một trong các nhiệm vụ chính. Hoạt động KH&CN có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và NCKH SV cũng là một trong những hoạt động KH&CN của Nhà trường [H11.11.04.01].

Theo các quy định về hoạt động NCKH SV của trường Đại học Vinh [H11.11.04.01], các hoạt động NCKH của SV nhằm đáp ứng các mục tiêu:

Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước;

Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV;

Góp phần tạo ra trí thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Các hoạt động NCKH SV bao gồm:

Nghiên cứu các đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo và các lĩnh vực khoa học khác, trong giai đoạn 2015 -2020 tập trung vào 3 lĩnh vực chính: Công nghệ Vật liệu, Mô phỏng và thí nghiệm kiểm chứng, Công nghệ BIM.

Khoa sẽ hợp tác liên kết với 1 số doanh nghiệp về Bê tông và vật liệu trên địa bàn Nghệ An để gửi sinh viên đến doanh nghiệp để thực tập và có điều kiện nghiên cứu tốt, chuyên sâu hơn các vấn đề về Bê tông, cũng như các sản phẩm Bê tông: Như bê tông tự chảy, bê tông cốt sợi, bê tông chống thấm...

Nhà trường đã có các hợp tác với các doanh nghiệp lớn như Tập đoàn Vingroup, Tập đoàn TH,... sinh viên sẽ có điều kiện tiếp cận với các vấn đề thực tế trong xã hội để có cơ hội nghiên cứu các biện pháp giải quyết vấn đề.

Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KH&CN, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng KH&CN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KH&CN khác của SV; [H11.11.04.02].

Tham gia tuần lễ giao lưu học tập sinh viên giữa các trường có đào tạo chuyên ngành Xây dựng ở khu vực miền Trung.

Tham gia triển khai ứng dụng tiên bộ KH&CN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng.

Đối với giảng viên của Khoa Xây dựng, hướng dẫn NCKH SV cũng là một trong những nội dung, nhiệm vụ quan trọng. Theo đó, mỗi một GV được hướng dẫn không quá 02 đề tài, mỗi đề tài không quá 5 SV và phải có một SV chịu trách nhiệm chính. Do đó, các lĩnh vực, các hướng nghiên cứu của SV phần lớn cũng là hướng nghiên cứu chính của giảng viên. Các hướng nghiên cứu này cũng nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hình ảnh, vị thế của Khoa, Nhà trường, góp phần giải quyết các vấn đề nóng bỏng trong lĩnh vực xây dựng [H11.11.04.01] [H11.11.04.03].

## **2. Điểm mạnh**

SV tham gia tích cực trong NCKH với loại hình đa dạng và số lượng lớn đề tài đã thực hiện, có sự hỗ trợ và hướng dẫn thực hiện đầy đủ từ phía Nhà trường. Các quy định liên quan được ban hành đầy đủ.

## **3. Điểm tồn tại**

Các đề tài thực nghiệm, khảo sát thực tế còn chưa nhiều do khó khăn về kinh phí.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2017-2018, Nhà trường cập nhật điều chỉnh quy định liên quan, tăng mức hỗ trợ đối với các đề tài NCKH, tăng cường kết nối tìm sự hỗ trợ từ doanh nghiệp, Đầu tư các trang thiết bị để thực hiện các đề tài NCKH gắn liền với các vấn đề trong thực tiễn.

Khắc phục hạn chế của những năm trước, Khoa chủ động triển khai cho sinh viên nghiên cứu các đề tài cấp Khoa, bắt đầu vào tháng 9 đầu năm học và tiến hành nghiệm thu vào tháng 3 năm sau. Sẽ lựa chọn ra mỗi năm 3 đề tài cấp Khoa có tính ứng dụng và học thuật cao nhất, tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu để tham gia đề tài cấp Trường cho năm học sau đó. Việc nghiên cứu khoa học ở sinh viên sẽ được chủ động và sự hỗ trợ từ giảng viên trong khoa và các doanh nghiệp liên kết với Khoa.

Năm học 2018 - 2019 Khoa sẽ tiến hành ký thỏa thuận hợp tác với một số đơn vị Sản xuất vật liệu xây dựng trên địa phương để phối hợp nghiên cứu cho ra các sản phẩm xây dựng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu và điều kiện khí hậu của vùng miền.

## **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.4: Đạt (mức 5/7 điểm).**

## ***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### **1. Mô tả**

Với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTDH theo hướng tiếp cận mục tiêu theo chương trình giáo dục đại học Việt Nam - Hàn Lan (POHE) từ năm 2007 đến nay, Nhà trường, Khoa Xây dựng đã liên tục tổ chức hội thảo đào tạo theo nhu cầu xã hội, hội nghị khách hàng, NCKH, các dịch vụ lao động sản xuất, chuyên gia công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội, khảo sát ý kiến của người học, cán bộ GV, cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, CDR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, CSVC của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp,... Kết quả khảo sát cho thấy các bên liên quan đều hài lòng với CTĐT, CDR, phương pháp dạy và học (nhà tuyển dụng với tỷ lệ 83% đồng ý với CTĐT; người học với tỷ lệ 41% đồng ý với phương pháp giảng dạy của GV, 45% đồng ý với sự đánh giá KQHT của GV; cựu người học với tỷ lệ 52% đồng ý với CTĐT - tháng 3/2016).

Việc lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan được thực hiện một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc [H11.11.05.01] và các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTĐT [H11.11.05.02]. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì Nhà trường, Khoa Xây dựng cũng có phản hồi kịp thời. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương kịp thời và phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường, Khoa Xây dựng trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho ngành xây dựng nói riêng và trong xã hội nói chung ngày càng được nâng lên, mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là động lực để Nhà trường và Khoa tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa [H11.11.05.03].

### **2. Điểm mạnh**

Mức độ hài lòng của người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng đối với CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng được Nhà trường, Khoa xác lập rõ ràng, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT ngành

### **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan đối với các hoạt động của Nhà trường, Khoa chưa được thực hiện thường xuyên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Hàng năm vào cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật. Trong đó có sinh viên Khoa Xây dựng cũng được quyền đánh giá, đóng góp ý kiến phản hồi về việc dạy và học các môn học của kỳ đó. Việc đánh giá được tích hợp trên phần mềm cá nhân của người học.

Phát huy điểm mạnh của đội ngũ cán bộ giảng viên khoa Xây dựng - Đại học Vinh là cán bộ tuổi đời còn trẻ, năng động, năng động sáng tạo. Nhanh chóng cập nhật các chương trình mới, bắt kịp thời đại và nhu cầu của xã hội.

Việc đánh giá ý kiến giảng viên từ phía sinh viên sẽ được công bố tới từng giảng viên và đưa vào tiêu chí đánh giá xếp loại hàng năm đối với giảng viên.

Đánh giá giảng viên thông qua doanh nghiệp qua các đợt đưa sinh viên đến thực tập tại các doanh nghiệp.

Nhà trường và Khoa hàng năm đều tiến hành mua sắm, sửa chữa trang thiết bị phục vụ cho người học đảm bảo tốt nhất điều kiện để được thực hành nhiều hơn, trực quan hơn: Các thiết bị máy chiếu trong các phòng học, các sách chuyên ngành, sách tham khảo, thiết bị phòng thí nghiệm...

#### **5. Tự đánh giá Tiêu chí 11.5: Đạt (mức 5/7 điểm).**

##### **Kết luận tiêu chuẩn 11**

Nhờ sự theo dõi hỗ trợ thường xuyên và cải tiến kịp thời, số lượng sinh viên cảnh báo học vụ, thôi học của CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng đã giảm. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp loại khá giỏi cao.

Sinh viên tích cực tham gia hoạt động NCKH SV và các đề tài NCKH khác. Nhiều SV ngành Kỹ thuật xây dựng đã nhận được các học bổng khuyến khích học tập từ các doanh nghiệp.

Sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng sau khi tốt nghiệp với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt nhanh chóng có việc làm bởi khả năng thích ứng cao với yêu cầu thực tế trong lĩnh vực xây dựng và được phản hồi tích cực từ nhà tuyển dụng.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn 11, ngành Kỹ thuật xây dựng đã đạt được yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7 điểm, 04 tiêu chí đạt 5/7 điểm.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Trường Đại học Vinh, Khoa Xây dựng đã tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng CTĐT của ngành.

Thông qua việc tự đánh giá, ngành Kỹ thuật xây dựng, Khoa Xây dựng, Nhà trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và điểm tồn tại trong từng mặt hoạt động, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hướng đến thực hiện đầy đủ những cam kết đào tạo mà Khoa Xây dựng, Trường Đại học Vinh đã tuyên bố với xã hội.

Chương trình đào tạo của ngành Kỹ thuật xây dựng có mục tiêu, chuẩn đầu ra rõ ràng cùng với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật. Chương trình dạy học với vai trò cốt lõi của chương trình đào tạo có cấu trúc, trình tự logic, thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Ngành Kỹ thuật xây dựng đã thay đổi phương pháp tiếp cận dạy và học theo hướng dạy học tích cực để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời và đưa ra phương pháp đánh giá kết quả người học của người học đa dạng, đảm bảo độ tin cậy, công bằng. Hiện nay, đội ngũ giảng viên ngành Kỹ thuật xây dựng được đánh giá là có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy và NCKH. Đội ngũ CB hỗ trợ với vai trò trợ giúp GV hoàn thành nhiệm vụ và người học có KQHT tốt được tuyển dụng theo đúng quy trình và tiêu chí tuyển dụng của Nhà trường. Người học là trung tâm của quá trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng, vì vậy, để đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyển sinh đầu vào theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV và tạo môi trường cũng như những điều kiện thuận lợi nhất để hỗ trợ, giúp đỡ người học nâng cao KQHT, NCKH. Giảng viên, người học, đội ngũ CB hỗ trợ của Nhà trường, Khoa Xây dựng, ngành Kỹ thuật xây dựng đang được học tập và làm việc trong điều kiện CSVC và trang thiết bị tốt, môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp. Với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững ngành xây dựng của đất nước, Trường Đại học Vinh đã có các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng CTĐT như xây dựng CDR; rà soát, đánh giá thường xuyên CTĐT, phương pháp dạy và học, hiện trạng CSVC và trang thiết bị của Nhà trường; duy trì cơ chế phản hồi của các bên liên quan

về hoạt động đào tạo của Nhà trường. Chính vì vậy, kết quả đầu ra ngành Kỹ thuật xây dựng được đánh giá tốt với tỷ lệ SV bị buộc thôi học thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao và có được việc làm ngay sau khi tốt nghiệp ra trường.

Tuy nhiên, trong quá trình tự đánh giá CTĐT, ngành Kỹ thuật xây dựng, Khoa Xây dựng, Nhà trường đã nhận thấy một số những vấn đề còn tồn tại đó là: CDR chưa được định kỳ rà soát điều chỉnh theo đúng quy định; các hội nghị, hội thảo về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập ở cấp Khoa, Bộ môn còn hạn chế; công tác đổi mới cách thức ra đề và thay đổi bộ đề thi các học phần còn chưa được thực hiện liên tục; số lượng đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ chưa phản ánh được thực lực đội ngũ GV trong Khoa; nhu cầu đặc thù của người khuyết tật học tập tại Trường chưa được lưu ý đến; an toàn cháy nổ tại nơi làm việc và học tập chưa được đảm bảo. Do đó, để đảm bảo nâng cao chất lượng CTĐT của ngành Kỹ thuật xây dựng, Nhà trường và Khoa Xây dựng đã đưa ra kế hoạch để khắc phục những vấn đề còn đang tồn tại đồng thời cải tiến chất lượng CTĐT: định kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT, CDR trên cơ sở ý kiến phản hồi của các bên liên quan; bản mô tả CTĐT, CTDH có cấu trúc rõ ràng và trình tự logic, đầy đủ thông tin và mang tính cập nhật; khuyến khích GV tích cực học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước, đăng ký tham gia thực hiện đề tài NCKH các cấp; đẩy mạnh đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo mục tiêu của đào tạo tín chỉ, tăng cường tính chủ động của SV trong các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, nghe và thảo luận báo cáo chuyên đề; đề cao vai trò của công tác CVHT trong quản lý học tập của SV; thường xuyên cải tạo, nâng cao CSVC và trang thiết bị đặc biệt là công tác PCCC đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH có chất lượng cao và có chú ý đến nhu cầu người khuyết tật.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chí, Nhà trường và Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Vinh trân trọng đề nghị Bộ GD&ĐT cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng được công nhận là đạt tiêu chuẩn chất lượng.

*Nghệ An, ngày tháng 11 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Đinh Xuân Khoa**

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên cơ sở giáo dục: **Trường Đại học Vinh**

Tên chương trình đào tạo: **Kỹ thuật xây dựng**

<b>Tiêu chuẩn, tiêu chí</b>	<b>Thang đánh giá</b>							<b>Tổng hợp theo tiêu chuẩn</b>		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3				4						
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					



<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>								4,86	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4					5					
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>								6,00	5	100
Tiêu chí 7.1						6				
Tiêu chí 7.2						6				
Tiêu chí 7.3						6				
Tiêu chí 7.4						6				
Tiêu chí 7.5						6				
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>								5,20	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5						6				
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>								5,00	5	100
Tiêu chí 9.1					5					
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 10</i></b>								5,00	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					

<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>								4,60	5	100
Tiêu chí 11.1				4						
Tiêu chí 11.2				4						
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4					5					
Tiêu chí 11.5					5					
<b>Đánh giá chung CTĐT</b>								<b>5,12</b>	<b>50</b>	<b>100,00</b>

*Nghệ An, ngày tháng 11 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Đinh Xuân Khoa**

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng CTĐT

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Kỹ thuật xây dựng**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 01/10/ 2018

#### I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường:

- *Tiếng Việt*: **Trường Đại học Vinh**

- *Tiếng Anh*: **Vinh University**

2. Tên viết tắt của Trường:

- *Tiếng Việt*: **TĐV**

- *Tiếng Anh*: **VINHUNI**

3. Tên trước đây: Trường Đại học Sư phạm Vinh

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ trường: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Thông tin liên hệ:

Điện thoại: 0238 3855 452

Số fax: 0238 3855 269

7. E-mail: [vinhuni@vinhuni.edu.vn](mailto:vinhuni@vinhuni.edu.vn)

Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn)

8. Năm thành lập: 1959

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961

11. Loại hình trường đào tạo: Công lập

#### II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

- *Tiếng Việt*: **Khoa Xây dựng**

- *Tiếng Anh*: **Faculty of Construction**

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện chương trình đào tạo:

- *Tiếng Việt*: **KXD**

- *Tiếng Anh*:

14. Tên trước đây: **Khoa Công Nghệ**

15. Tên chương trình đào tạo:

- *Tiếng Việt*: **Kỹ thuật xây dựng**

- *Tiếng Anh*: **Construction Techniques**

16. Mã CTĐT: **D580208**
17. Tên trước đây của CTĐT: **Không**
18. Địa chỉ của Khoa thực hiện chương trình đào tạo: Nhà A0, Trường ĐH Vinh
19. Số điện thoại liên hệ: +(0238) 3552497
20. E-mail: [khoaxd@vinhuni.edu.vn](mailto:khoaxd@vinhuni.edu.vn)
- Website: <http://khoaxaydung.vinhuni.edu.vn>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn: 2002
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2002
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2007

### **III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

24. Khái quát về lịch sử phát triển, thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo:

Khoa Công nghệ - Trường Đại học Vinh được thành lập theo quyết định số 1715/BGD&ĐT-TCCB ngày 17 tháng 04 năm 2002. Đây là tiền thân của Khoa Xây dựng ngày nay. Trong thời gian qua, các thế hệ cán bộ, giảng viên và sinh viên Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh đã cố gắng phấn đấu không ngừng nhằm xây dựng và phát triển Khoa ngày càng vững mạnh.

*Về quy mô đào tạo:* Sau hơn 15 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Xây dựng có số lượng sinh viên đông đảo với 04 ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật công trình giao thông, kỹ thuật công trình thủy và kinh tế xây dựng. Hiện nay tổng số sinh viên của hai hệ chính quy và tại chức là hơn 2000 sinh viên và quy mô đào tạo tăng lên theo từng năm.

*Về đội ngũ cán bộ:* Khoa Xây dựng hiện nay có đội ngũ cán bộ giảng dạy hầu hết tuổi đời dưới 45 tuổi. Tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Xây dựng là 45 cán bộ, trong đó có 05 Tiến sĩ, 12 nghiên cứu sinh và 35 thạc sĩ. Nhiều cán bộ giảng dạy của Khoa sau khi được đào tạo ở các nước phát triển ở châu Âu trở về đã có cống hiến rõ rệt cho chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Các cán bộ của Khoa được biên chế trong 03 Bộ môn bao gồm: Bộ môn cơ sở xây dựng, Bộ môn Xây dựng, Bộ môn Cầu đường. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa hầu hết còn rất trẻ nhưng đã có khả năng đảm nhận toàn bộ chương trình đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp, các chương trình liên thông của ngành Xây dựng. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng được sự hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn

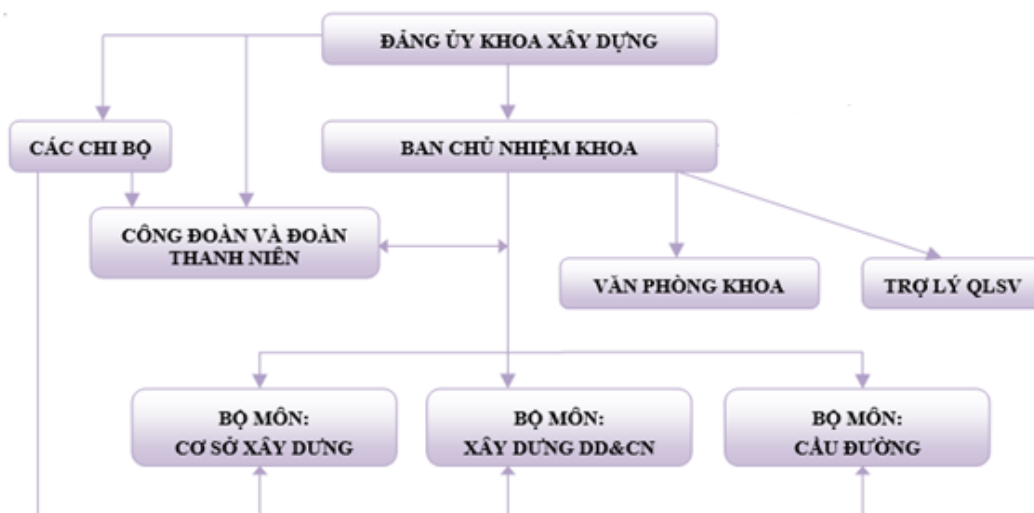
thực hành, thí nghiệm của các thầy cô giáo hiện đang công tác tại các đơn vị khác của Nhà trường như Trung tâm THPTN, Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,...

*Về nghiên cứu khoa học:* Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước chuyên ngành Xây dựng và Cầu đường, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Xây dựng đã tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các đề tài mang tính ứng dụng cao. Hàng năm Khoa Xây dựng đã tổ chức các hội nghị khoa học chuyên ngành, các hội thảo về đào tạo liên kết với doanh nghiệp và thị trường lao động có sự tham gia của đông đảo sinh viên. Khoa đã xây dựng một hệ thống các phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ sức đào tạo, phục vụ NCKH và tổ chức dịch vụ. Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ của Khoa đạt tiêu chuẩn cấp chứng chỉ hành nghề về các kỹ năng nghề nghiệp và kiểm định công trình xây dựng, tạo điều kiện để cán bộ trong khoa có điều kiện kết hợp giữa đào tạo gắn kết với nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của các công ty, nhà tuyển dụng lao động.

*Về thi đua khen thưởng:* Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 12 năm qua, tập thể cán bộ Khoa Xây dựng đã vinh dự nhận được nhiều thành tích khen thưởng các cấp, cụ thể: Khoa Xây dựng nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Các Tổ chuyên môn được nhận danh hiệu tiên tiến, tiên tiến xuất sắc cấp Bộ. Chi bộ cán bộ nhiều năm được Đảng ủy Nhà trường tặng giấy khen. 01 Bằng khen của Chủ tịch Tỉnh Nghệ An về thành tích 10 năm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương.

25. Cơ cấu tổ chức hành chính của Khoa Xây dựng - Trường Đại học Vinh:

### CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ KHOA XÂY DỰNG



26. Danh sách Ban lãnh đạo Nhà trường và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện Chương trình đào tạo.

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
<b>I. Ban Lãnh đạo Nhà trường</b>						
1.	Hiệu trưởng	Đình Xuân Khoa	1960	GS. TS	0238.3855529	khoadx@vinhuni.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Thái Văn Thành	1969	GS.TS	0238.3856835	thanhtv@vinhuni.edu.vn
3.	Phó Hiệu trưởng	Ngô Đình Phương	1958	PGS.TS	0238.3855531	phuongnd@vinhuni.edu.vn
4.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	PGS.TS	0238.3733888	bangnh@vinhuni.edu.vn
<b>II. Lãnh đạo chủ chốt của Khoa</b>						
1.	Trưởng khoa	Trần Ngọc Long	1977	TS	0913973392	longtn@vinhuni.edu.vn
2.	P. Trưởng khoa	Phan Văn Tiến	1983	TS	0917012255	vantienkxd@vinhuni.edu.vn
3.	P. Trưởng khoa	Lê Thanh Hải	1979	Ths	0912248948	haidhvinh@vinhuni.edu.vn
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn, Công đoàn</b>						
1.	Bí thư Đảng ủy BP	Trần Ngọc Long	1977	TS	0913973392	longtn@vinhuni.edu.vn
2.	Bí thư CBCB	Lê Thanh Hải	1979	Ths	0912248948	haidhvinh@vinhuni.edu.vn
3.	Bí thư CBSV	Trần Xuân Vinh	1989	Ths	0948632326	xuanvinhkxd@vinhuni.edu.vn
4.	Chủ tịch CĐ	Trần Huy Khánh	1980	Ths	0912411799	khanhhdh@vinhuni.edu.vn
5.	Bí thư LCD	Nguyễn Duy Khánh	1990	Ths	0988556223	duykhanhxd@vinhuni.edu.vn
<b>III. Các phòng, ban</b>						
6.	Văn phòng khoa	Phan Thị Dung	1963	ĐH	0943303789	phandung@vinhuni.edu.vn
7.	Trợ lý QLSV	Trần Cao Thắng	1960	CĐ	0977143534	caothangdhv@vinhuni.edu.vn
8.	Trợ lý đào tạo	Nguyễn Văn Tuấn	1987	Ths	0981501856	tuankxd@vinhuni.edu.vn
9.	Trợ lý đào tạo	Nguyễn Tiến Hồng	1987	Ths	0987142999	tienhongkxd@vinhuni.edu.vn
10.	Cố vấn học tập	Phan Văn Long	1988	Ths	0976069288	phanlongkxd@vinhuni.edu.vn
11.	Cố vấn học tập	Cao Thị Hào	1990	KTS	0971191187	haokxd@vinhuni.edu.vn
12.	Cố vấn học tập	Nguyễn Thị Duyên	1983	Ths	0988680346	nguyenduyenkxd@vinhuni.edu.vn
<b>IV. Các bộ môn</b>						
1.	Cơ sở	Nguyễn Trọng Hà	1981	TS	0942809698	trongha@vinhuni.edu.vn
2.	Xây dựng	Trần Ngọc Long	1977	TS	0913973392	longtn@vinhuni.edu.vn
3.	Giao thông	Phan Văn Tiến	1983	TS	0917012255	vantienkxd@vinhuni.edu.vn

27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo:

Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

Số lượng ngành đào tạo đại học: 4

Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (đánh dấu x vào các ô tương ứng):

	<b>Có</b>	<b>Không</b>
Chính quy	x	
Không chính quy	x	
Từ xa		x
Liên kết đào tạo với nước ngoài		x
Liên kết đào tạo trong nước		x

29. Tổng số các ngành đào tạo: 4

#### **IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

30. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

<b>STT</b>	<b>Phân loại</b>	<b>Nam</b>	<b>Nữ</b>	<b>Tổng số</b>
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	35	10	45
I.1	Cán bộ trong biên chế	21	4	25
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	14	6	20
II	<b>Các cán bộ khác</b>			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	10	0	10
	<b>Tổng số</b>	<b>45</b>	<b>10</b>	<b>55</b>

31. Thống kê, phân loại giảng viên

STT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	15	5	0	0	10	0
5	Thạc sĩ	35	19	16	0	0	0
6	Đại học	3	0	3	0	0	0
	Tổng số	53	24	19	0	10	0

32. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện Chương trình đào tạo theo Quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Số liệu bảng 30 được lấy từ bảng 29 nhân với hệ số quy đổi)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV Quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0



4	Tiến sĩ	2,0	15	5	0	0	10	0	14
5	Thạc sĩ	1,0	35	25	10	0	0	0	35
6	Đại học	0,5	3	0	3	0	0	0	1.5
	<b>Tổng</b>		<b>53</b>						<b>50,5</b>

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$$

33. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi:

STT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	5	11,6	5	0	0	3	2	0	0
5	Thạc sĩ	35	81,4	26	9	6	26	3	0	0
6	Đại học	3	7	2	1	3	0	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>43</b>	<b>100</b>	<b>33</b>	<b>10</b>	<b>9</b>	<b>29</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

33.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 33,8

33.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 11,6%

33.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo: 81,4%

34. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc).	8,34%	91,66%

2	Thường sử dụng (60-80% thời gian của công việc).	21,10%	8,34%
3	Đôi khi sử dụng (40-60% thời gian của công việc).	62,22%	0%
4	Ít khi sử dụng (20-40% thời gian của công việc).	8,34%	0%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc).	0%	0%
	<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm sinh viên (CQ, VLVH, LT, B2) Tổng số người đăng ký dự tuyển vào chương trình đào tạo, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy)

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2013-2014	470	425	87,0	353	17	17	4
2014-2015	301	230	87,3	197	16	16	3
2015-2016	290	262	93,9	230	15	15	1
2016-2017	200	150	90,0	131	15	15	1
2017-2018	170	120	80	92	15	15	1

36. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2013-2014</b>	<b>2014-2015</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	842	657	617	391	218
Trong đó:					
Hệ chính quy	353	197	230	131	923
Hệ không chính quy	525	456	371	256	121

37. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

	<b>Năm học</b>				
	<b>2013-2014</b>	<b>2014-2015</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>
Số lượng (người)	4	3	1	1	1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	1,13%	1,52%	0,43%	0,76%	1,08%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

<b>Các tiêu chí</b>	<b>2013-2014</b>	<b>2014-2015</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	4928	4928	4928	6008	8258
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	10/353	27/197	22/230	21/131	26/92
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	10/353	27/197	22/230	21/131	26/92
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)	5,3 m <sup>2</sup>	5,3 m <sup>2</sup>	5,3 m <sup>2</sup>	5,3 m <sup>2</sup>	5,3 m <sup>2</sup>

39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
Số lượng (người)	18	16	22	18	25
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	1%	0,9%	1,47%	1,5	2,27%

40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	345	479	454	381	207
Trong đó:					
Hệ chính quy	161	292	348	281	207
Hệ không chính quy	184	187	106	100	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

41. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	161	292	348	281	207

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	82,14%	82,72%	76,32%	72,05%	55,8%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT: A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4	-	-	-	-	-
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không học được</i> những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5	-	-	-	-	-
B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt nghiệp.	-	-	-	-	-
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	-	-	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	-	-	-	-	-
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	-	-	-	-	-
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	-	-	-	-	-
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	-	-	-	-	-
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	-	-	-	-	-

**Ghi chú:**

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2013- 2014	2014- 2015	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	2	2	5	1	6,0
4	<b>Tổng</b>							<b>6,0</b>

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 6,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 6,5/43

43. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2013-2014	-	-	-
2	2014-2015	-	-	-
3	2015-2016	-	-	-
4	2016-2017	-	-	-
5	2017-2018	-	-	-

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	24	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	1	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	25	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng quy đổi
			2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	1	0	0	2	1	6,0
3	Sách tham khảo	1,0	0	1	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng							6,0



**\*\*Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 6,0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 6,0/43

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	6	1	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	6	1	0

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng quy đổi
			2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	1	0	1	5	5	18
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	7	8	7	6	10	38
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	4	4	3	5	8,5
4	Tổng							<b>64,5</b>

**\*\* Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 64,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 64,5/43

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	12	57	30
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	12	57	30

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng quy đổi
			2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	1	1	2
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	2	2	2	3
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	0	0	20	0	5
4	Tổng							10

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 10

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/43

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	2	6	35
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	2	6	35

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2013-2014	0
2014-2015	0
2015-2016	0
2016-2017	0
2017-2018	0

52. Nghiên cứu khoa học của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	15	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	15	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2013-2014	2014-2015	2015-2016	2016-2017	2017-2018
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	1	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	1	0

## VII. Cơ sở vật chất, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 441,265 m<sup>2</sup>

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 1,218 m<sup>2</sup>

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Nơi làm việc: 16,995 m<sup>2</sup> Nơi học: 58,848 m<sup>2</sup> Nơi vui chơi giải trí: 25,465 m<sup>2</sup>

56. Diện tích phòng học:

- Tổng diện tích phòng học: 44,225 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m<sup>2</sup>/1 sv

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 905 đầu sách

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT: 20 đầu sách

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5 cái

- Dùng cho người học học tập: 1,116 bộ cho toàn bộ sinh viên chính quy của trường

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1

người học chính quy

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 43

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 95,5

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 11,6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 81,4

### 2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 2541

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 2541/53

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 88,64%

### 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 93%;

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 7%;

### 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 68,2%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 31,8%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 6,5 triệu/tháng.

### 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 86,7%;

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 34%

### 6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 7,5/43

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 8,5/43

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 62,5/43

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 26,75/43

#### 7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0.057 máy tính/1 người học chính quy

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m<sup>2</sup>/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 5,3 m<sup>2</sup> / người

## Phụ lục 2. Quyết định và Kế hoạch tự đánh giá

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1185/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 13 tháng 10 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng, Ngôn ngữ Anh**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg, ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng ban hành Điều lệ Trường Đại học;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 118/KH-BGDĐT ngày 23/02/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm và trung cấp sư phạm năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 1386/QĐ-ĐHV, ngày 22/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo các ngành Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật xây dựng và Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.



GS.TS. Đinh Xuân Khoa



**DANH SÁCH**

**Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng**

(Kèm theo Quyết định số: 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đinh Xuân Khoa	Hiệu Trưởng	Chủ tịch
2	Ông Ngô Đình Phương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng khoa Xây dựng	Phó Chủ tịch
4	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Thư kí
5	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
6	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Ông Trần Đình Quang	Phó Giám đốc phụ trách TT ĐBCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
9	Ông Phạm Công Lý	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
11	Ông Đinh Phan Khôi	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
12	Ông Đậu Đăng Tuấn	Quyền Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
13	Ông Vũ Duy Hiệp	Giám đốc Thư viện	Thành viên
14	Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó Trưởng Bộ môn, khoa Xây dựng	Thành viên
15	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng Bộ môn, khoa Xây dựng	Thành viên
16	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giảng viên, khoa Xây dựng	Thành viên
17	Ông Lê Quang Nam	Sinh viên K55A, khoa Xây dựng	Thành viên

*Danh sách này gồm có 17 người.*





**DANH SÁCH**

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo  
Ngành Kỹ thuật xây dựng**

*(Kèm theo Quyết định số: 115/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng ban
2.	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Thành viên
3.	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
4.	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
5.	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
6.	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7.	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
8.	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHĐN	Thành viên
9.	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10.	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
11.	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
12.	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	Thành viên
13.	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
14.	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	Thành viên
16.	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	Thành viên
17.	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	Thành viên
18.	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
19.	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng khoa Xây dựng	Thành viên
20.	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng bộ môn, khoa Xây dựng	Thành viên
21.	Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó Trưởng bộ môn, khoa Xây dựng	Thành viên
22.	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên, khoa Xây dựng	Thành viên
23.	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giảng viên, khoa Xây dựng	Thành viên
24.	Ông Trần Cao Thắng	Trợ lý QLSV, khoa Xây dựng	Thành viên
25.	Bà Nguyễn Thị Kiều Vinh	Giảng viên, khoa Xây dựng	Thành viên

*Danh sách này gồm có 25 người!*

## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Ngành Kỹ thuật Xây dựng)  
 (Kèm theo Quyết định số: 445/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017  
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)



TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>NHÓM 1:</b> <b>Tiêu chuẩn 1:</b> Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. <b>Tiêu chuẩn 2:</b> Bản mô tả chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
1	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng khoa Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên khoa Xây dựng	
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	
5	Ông Phan Hùng Thư	Chuyên viên phòng Đào tạo	
<b>NHÓM 2:</b> <b>Tiêu chuẩn 3:</b> Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học. <b>Tiêu chuẩn 4:</b> Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			(6 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó Trưởng bộ môn Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Bá Tiến	Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	
4	Bà Nguyễn Thị Kiều Vinh	Giảng viên, khoa Xây dựng	
5	Bà Đinh Thị Hải Bình	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 3:</b> <b>Tiêu chuẩn 5:</b> Đánh giá kết quả học tập của người học. <b>Tiêu chuẩn 8:</b> Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			(10 tiêu chí)
1	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng bộ môn Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
3	Ông Hoàng Ngọc Diệp	Phó Trưởng phòng CTCT-HSSV	
4	Ông Lê Công Đức	Phó Giám đốc phụ trách TT DV, HTSV&QHDN	
5	Ông Trần Cao Thắng	Trợ lý QLSV, khoa Xây dựng	
<b>NHÓM 4:</b> <b>Tiêu chuẩn 6:</b> Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. <b>Tiêu chuẩn 7:</b> Đội ngũ nhân viên.			(12 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng phòng TCCB	Trưởng nhóm
2	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng bộ môn Xây dựng	
3	Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên TT ĐBCL	

<b>NHÓM 5:</b> <b>Tiêu chuẩn 9:</b> Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hữu Sáng	Trưởng phòng QT&ĐT	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Đình Luân	Phó Trưởng phòng QT&ĐT	
3	Bà Chu Thị Ngọc Diệp	Chuyên viên TT TH-TN	
4	Bà Hoàng Thị Nga	Chuyên viên Thư viện	
5	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Giảng viên, khoa Xây dựng	
<b>NHÓM 6:</b> <b>Tiêu chuẩn 10:</b> Nâng cao chất lượng. <b>Tiêu chuẩn 11:</b> Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng khoa Xây dựng	
3	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	
4	Ông Nguyễn Trọng Hà	Phó Trưởng Bộ môn Xây dựng	
5	Ông Nguyễn Huy Hùng	Chuyên viên TT ĐBCL	
<b>NHÓM 7:</b> - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Phạm Lê Cường	Phó Giám đốc TT ĐBCL	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên khoa Xây dựng	
3	Ông Nguyễn Thanh Mỹ	Phó Trưởng phòng Đào tạo	
4	Ông Nguyễn Đình Mạnh	Chuyên viên phòng TCCB	

*Nghệ An, ngày 26 tháng 10 năm 2017*

**KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**1. Mục đích tự đánh giá**

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và để đăng kí kiểm định chất lượng.

**2. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (CTĐT) theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ kiểm định chất lượng (01/9/2012-31/8/2017).

**3. Công cụ tự đánh giá**

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

**4. Hội đồng tự đánh giá**

*4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá*

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành *Kỹ thuật xây dựng* được thành lập theo Quyết định số 1185/QĐ-ĐHV ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh, Hội đồng gồm có 17 thành viên (có danh sách kèm theo).

*4.2. Ban thư kí giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách* gồm 25 người (có danh sách kèm theo).

*4.3. Phân công thực hiện (có danh sách kèm theo)*

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 Tiêu chuẩn 2	Nhóm 1	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 Tiêu chuẩn 4	Nhóm 2	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 Tiêu chuẩn 8	Nhóm 3	29/10/2017 - 25/2/2018	



4	Tiêu chuẩn 6 Tiêu chuẩn 7	Nhóm 4	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	Nhóm 5	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 Tiêu chuẩn 11	Nhóm 6	29/10/2017 - 25/2/2018	
7	Báo cáo tự đánh giá, Danh mục MC	Nhóm 7	26/02/2018 – 29/4/2018	

### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động và thời gian cần được cung cấp như sau:

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1 và 2	- Phân tích tiêu chí (1-6); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (1-6); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Xây dựng, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
2	Tiêu chuẩn 3 và 4	- Phân tích tiêu chí (7-12); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (7-12); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Xây dựng, phòng Đào tạo; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
3	Tiêu chuẩn 5 và 8	- Phân tích tiêu chí (13-34); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (13-34); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Xây dựng, phòng Đào tạo, phòng CTCT-HSSV, TT DV, HTSV& QHDN; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
4	Tiêu chuẩn 6 và 7	- Phân tích tiêu chí (18-29); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (18-29); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng TCCB; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
5	Tiêu chuẩn 9	- Phân tích tiêu chí (35-39); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (35-39); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại phòng QT&ĐT; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	
6	Tiêu chuẩn 10 và 11	- Phân tích tiêu chí (40-50); - Dự kiến TT-MC; - Thu thập TT-MC; - Đánh giá tiêu chí (40-50); - Viết báo cáo tiêu chí; - Viết báo cáo tiêu chuẩn.	- Cán bộ phụ trách lưu trữ tại văn phòng khoa Xây dựng, phòng Đào tạo, TT ĐBCL; - Kinh phí theo Quy chế chi tiêu nội bộ.	29/10/2017 - 25/2/2018	

**6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)**

Thu thập ý kiến phản hồi về báo cáo tự đánh giá từ các tổ chức, doanh nghiệp... có sinh viên tốt nghiệp của ngành đang công tác.

**7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)**

Thuê chuyên gia tập huấn về tự đánh giá chương trình đào tạo (1 ngày).

**8. Thời gian biểu**

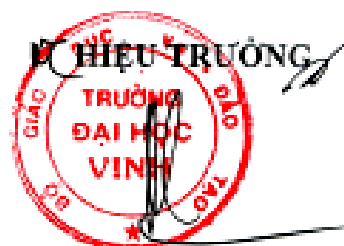
Thời gian thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo theo lịch trình sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1 - 2</b> 23/10 - 05/11/2017	<ol style="list-style-type: none"> <li>Họp Lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT (khoa Xây dựng) để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Thủ trưởng cơ sở giáo dục ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT;</li> <li>Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul> </li> </ol>
<b>Tuần 3 - 4</b> (06 - 19/11/2017)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT.</li> <li>Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bản kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị thực hiện CTĐT);</li> <li>Trình Thủ trưởng cơ sở giáo dục đề nghị phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá.</li> </ul> </li> </ol>
<b>Tuần 5 - 8</b> (20/11- 24/12/2017)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư kí và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.</li> <li>Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</li> </ol>
<b>Tuần 9 - 15</b> (25/12 - 11/02/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 16</b> (26/02 - 04/3/2018)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư kí Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
<b>Tuần 17-18</b> (05/3 - 18/3/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 19-21</b> (19/3 - 08/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</li> <li>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 22-23</b> (09/4 - 22/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</li> <li>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho thủ trưởng cơ sở giáo dục để xem xét.</li> </ol>
<b>Tuần 24</b> (23/4 - 29/4/2018)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ sở giáo dục gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo.</li> <li>2. Cơ sở giáo dục bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, sẵn sàng để hợp đồng với tổ chức KĐCLGD để thẩm định báo cáo tự đánh giá trước khi đánh giá ngoài.</li> </ol>

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: HCTH, ĐBCL



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. *Ngô Đình Phương*